

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG



TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026**

Bắc Giang, tháng 4 năm 2021

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021 VÀ NHIỆM KỲ 2021-2026**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QQH14, ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội trước khi vào phòng họp Đại hội;

3. Cổ đông và đại diện cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự Đại hội và tham gia biểu quyết các vấn đề tiếp theo của Đại hội. Đại hội không có trách nhiệm dừng và biểu quyết lại các vấn đề đã thông qua;

4. Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự;

5. Các cổ đông phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

6. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch Đại hội gồm 04 người (Chủ tọa và 03 thành viên), Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa Đại hội giới thiệu các thành viên của Đoàn Chủ tịch và xin ý kiến Đại hội. Đoàn Chủ tịch điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình được Đại hội thông qua.

2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do cổ đông yêu cầu.

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội gồm 02 người do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Ban thư ký:

a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);

b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.

d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban thẩm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 03 người và có sự hỗ trợ của Tổ chức Tư vấn tổ chức đại hội cổ đông. Ban thẩm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban thẩm tra tư cách cổ đông

Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 09 người: 01 Trưởng ban và 08 thành viên do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và được Đại hội thông qua.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

- Điều hành và xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

- Điều hành việc bầu cử tại Đại hội và công bố kết quả bầu cử.

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung trong chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông có ý kiến thảo luận đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;

- Cổ đông khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 10 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của cổ đông;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai theo hướng dẫn sau:

1. Đối tượng thực hiện biểu quyết: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông chốt ngày 22/3/2021) và người đại diện hợp pháp của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Hình thức biểu quyết:

a. Các Báo cáo, Tờ trình được trình bày tại Đại hội sẽ được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua bằng Phiếu biểu quyết.

b. Những vấn đề khác tại Đại hội sẽ được thông qua bằng Thẻ biểu quyết.

3. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết:

a. Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết được Ban tổ chức Đại hội in và gửi trực tiếp cho cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu Đại hội).

b. Trên Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết có ghi rõ Mã cổ đông, số cổ phần đại diện của cổ đông đó.

4. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết/Phiếu biểu quyết:

a. Đối với Thẻ biểu quyết: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông biểu quyết tán thành thông qua thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Ban kiểm phiếu sẽ đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành. Tương tự, các cổ đông biểu quyết không tán thành hoặc không có ý kiến sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm đếm và ghi nhận lại các lựa chọn biểu quyết thông qua số thẻ biểu quyết của cổ đông sau đó tập hợp lại kết quả và chuyển cho Thư ký và Đoàn chủ tịch để thông báo trước Đại hội.

Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.

b. Đối với Phiếu Biểu Quyết: Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn các phương án: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến cho từng nội dung Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội, sau đó, bỏ phiếu vào hòm đã được Ban kiểm phiếu chuẩn bị sẵn.

5. *Thông báo kết quả biểu quyết:* Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả các nội dung quy định, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và Trưởng ban kiểm phiếu sẽ thông báo trước Đại hội về kết quả biểu quyết và chuyển kết quả biểu quyết cho Ban thư ký ghi vào Biên bản đại hội.

6. *Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết*

Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Dự án đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính được toán kiểm toán gần nhất.

Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

7. *Khiếu nại:* Những khiếu nại về việc kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 8. Bầu thành viên HĐQT; Ban kiểm soát

1. Thành viên HĐQT

1.1. Tiêu chuẩn.

- Có năng lực hành vi dân sự không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty.

1.2. Điều kiện đề cử, ứng cử.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

- Trường hợp không có ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử thì HĐQT đương nhiệm có thể đề cử, ứng cử thành viên HĐQT.

2. Ban kiểm soát

2.1 Tiêu chuẩn

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh

nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

2.2 Điều kiện ứng cử, đề cử.

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên; Từ 10% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên; Từ 30% đến dưới 40% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên; Từ 40% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 04 ứng cử viên; Từ 50% đến dưới 60% thì được đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

- Trường hợp không có ứng viên Ban KS thông qua đề cử và ứng cử thì Ban KS đương nhiệm có thể đề cử, ứng cử thành viên Ban KS.

3. Phương thức bầu cử và phiếu bầu cử.

3.1 Phương thức và cách thức bầu: Bầu cử theo phương thức dồn phiếu.

3.2 Phiếu bầu cử:

- Cổ đông tham dự Đại hội được phát một (01) phiếu bầu HĐQT và một (01) phiếu bầu BKS.

- Triên phiếu bầu có ghi: Mã số cổ đông; Cổ phần sở hữu.

Điều 9. Nghị Quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Biên bản Đại hội và Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Hương Xuân Công

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2016 - 2020
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2016 - 2020; Phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2021 - 2026 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH.

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 13/11/2015, bầu ra gồm 05 thành viên (*trong đó có 01 đồng chí được HĐQT bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT, còn 04 đồng chí là ủy viên*). Với thời hạn 05 năm theo quy định của Điều lệ Công ty cũng như các pháp luật liên quan khác.

- Năm 2018 đồng chí Phạm Hùng - Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty qua đời do mắc bệnh hiểm nghèo. Căn cứ vào tình hình thực tiễn cũng như các điều kiện khách quan, chủ quan khác Công ty không bầu bổ sung ủy viên HĐQT mà từ đó đến nay HĐQT Công ty hoạt động với 04 thành viên.

- Nhiệm kỳ 2016 - 2020 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Năm 2017, công ty đã đăng ký công ty đại chúng với UBCK Nhà nước và thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, với một người đại diện theo pháp luật đó là Chủ tịch HĐQT Công ty.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ TRONG NHIỆM KỲ 2016 -2020.

1. Thực hiện chức năng quản trị Doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

a) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Hằng năm HĐQT luôn nghiêm túc thực hiện công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Điều lệ và các quy định của pháp luật liên quan. Tại Đại hội đồng cổ đông các báo cáo của HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính và các Tờ trình về phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập v.v... đều được bàn bạc, trao đổi, công khai. Và được các cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội, làm căn cứ thực hiện.

- HĐQT luôn duy trì Quy chế làm việc, quyết định các vấn đề theo quy định của Điều lệ đối với HĐQT và Chủ tịch HĐQT. Hằng tháng HĐQT họp với Ban điều hành cũng như trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, đoàn thể thống nhất các nội dung điều hành Công ty, sau đó Chủ tịch HĐQT ra thông báo kết luận thực hiện.

- HĐQT họp thông qua các Báo cáo tài chính tháng, quý, năm của Ban giám đốc trên cơ sở được soát xét, kiểm toán theo quy định.

- HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện việc phê duyệt các Dự án, gói thầu mua sắm theo quy định của Điều lệ. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban giám đốc thực hiện việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo quy định.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NHIỆM KỲ (2016 - 2020).

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu kinh doanh nước sạch	Tỷ VNĐ	87,678	109,624	116,740	142,733	154,927
2	Sản lượng nước thương phẩm	Triệu m ³	10,443	11,384	12,168	13,702	14,180
3	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ VNĐ	4,76	7,14	8,04	7,09	11,19
4	Số lượng khách hàng phát triển mới trong năm	KH	2.452	4.973	7.253	7463	2.781
5	Tỷ lệ thất thoát - thất thu.	%	18,19	14,35	14,91	16,93	14,38
6	Chi trả cổ tức	đồng/cp	136	173	223	199	424

- Kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm: Doanh thu, sản lượng đều tăng, nguồn vốn được đảm bảo, Công ty sản xuất kinh doanh có lãi và chi trả cổ tức cho các cổ đông.

- Thu nhập của người lao động được tăng trưởng đều hằng năm và nằm trong топ doanh nghiệp có thu nhập trung bình của người lao động cao so với mặt bằng chung toàn tỉnh. Các chế độ chính sách với người lao động và Nhà nước luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

b) Công tác giám sát với Ban giám đốc.

- HĐQT thực hiện việc giám sát quá trình quản lý, điều hành của Ban giám đốc theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Phối hợp tạo điều kiện cùng Ban giám đốc chỉ đạo tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh cũng như các công tác khác.

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo, cũng như tháo gỡ các khó khăn kịp thời theo đề nghị của Ban giám đốc cùng các phòng ban, đoàn thể chủ động phối hợp, phấn đấu thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức Nghị quyết của Hội nghị người lao động cũng như Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

c) Công tác quản lý đầu tư.

- HĐQT phê duyệt và quyết định đầu tư các hạng mục công trình bằng nguồn vốn của doanh nghiệp theo đề xuất của Ban giám đốc, đảm bảo việc đầu tư xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Các hạng mục đầu tư cũng như các gói thầu mua sắm luôn đảm bảo các quy định của Pháp luật (đã được các cơ quan kiểm tra, thanh tra cũng như cơ quan kiểm toán kiểm soát hằng năm). Luôn phát huy được hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

d) Công tác quản lý tài chính.

- Hoạt động quản lý tài chính của HĐQT luôn được chú trọng, đảm bảo các nguyên tắc tài chính, tính minh bạch, công khai tuân thủ các quy định của Pháp luật và lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Việc quản lý tài chính được thông qua việc kiểm soát thường xuyên của Ban kiểm soát Công ty cũng như ý kiến đánh giá của Kiểm toán độc lập hàng quý, 6 tháng và năm.

e) Công tác chỉ đạo Ban kiểm soát.

- HĐQT luôn tạo điều kiện để BKS kiểm tra các hoạt động của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban giám đốc cũng như các phòng ban trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo quy định và trên tất cả các hoạt động: Sản xuất kinh doanh, công tác tài chính, công tác tổ chức cán bộ, chế độ tiền công, tiền lương của người quản lý, người lao động trong Công ty cũng như công tác phân phối lợi nhuận với các cổ đông v.v...đảm bảo nguyên tắc độc lập, công khai, minh bạch theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các văn bản Pháp luật liên quan khác.

f) Công tác quan hệ với các cổ đông.

- HĐQT nghiêm túc thực hiện công bố thông tin theo quy định một cách công khai, minh bạch tới các cổ đông. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định của UBCK Nhà nước quy định đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

- Các quyền lợi của cổ đông như: Được tiếp nhận thông tin, hội họp, tiếp cận các báo cáo, hưởng cổ tức từ việc sản xuất kinh doanh có lãi v.v...được HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát nghiêm túc thực hiện.

- Đặc biệt với UBND tỉnh Bắc Giang, với 2 vai trò là đại diện Chủ sở hữu và là cổ đông lớn (*trước tháng 02/2020 chiếm 85,86% CP; từ tháng 02/2020 đến nay chiếm 51% CP*). HĐQT luôn thực hiện nghiêm túc các quy định của UBND tỉnh “Quy định quản lý Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp”. Trước khi Chủ tịch HĐQT Công ty biểu quyết, quyết định các nội dung mà theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty phải xin ý kiến UBND tỉnh Bắc Giang bằng văn bản đều được thực hiện nghiêm túc.

2. Thực hiện các quy định của Pháp luật và sự chỉ đạo của cấp trên.

- Ngay sau khi Đại hội cổ đông lần thứ nhất thành công, chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần. HĐQT Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định của Pháp luật và chỉ đạo của cấp trên để phù hợp với mô hình doanh nghiệp và Công ty Cổ phần với các kết quả đã thực hiện hoàn thành cụ thể như sau:

+ Ngày 09/3/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 1217/UBCK-GSĐC “về việc Chấp thuận Hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang”.

+ Ngày 08/6/2017, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt nam đã có Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 115/2017/GCNCP-VSD chứng nhận công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 08/6/2017.

+ Ngày 24/10/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có Quyết định số 889/QĐ-SGDHN “về việc chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang”.

+ Ngày 24/10/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng có Thông báo số 1378/TB-SGDHN “về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang với nội dung:

. Ngày giao dịch đầu tiên: Ngày 31/10/2017 (thứ Ba).

. Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 10.100đ/1 cổ phiếu.

+ Theo quy định của Pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn và Nhà nước giữ cổ phần chi phối “Chủ tịch HĐQT không kiêm Giám đốc điều hành”. Ngày 01/5/2017 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã hoàn tất việc thực hiện quy định của Pháp luật, đồng chí Chủ tịch HĐQT không kiêm Giám đốc Công ty.

+ Trong giai đoạn 2016 - 2020 Chính phủ có chủ trương thoái vốn các doanh nghiệp mà Nhà nước không nhất thiết phải nắm giữ cổ phần. Đây là nhiệm vụ hết sức khó khăn đối với các doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp kinh doanh ngành nước nói riêng, ở Trung ương cũng như địa phương. Nhưng với quyết tâm cao của HĐQT, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã thực hiện xong việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang theo quy định của Chính phủ và kế hoạch của UBND tỉnh. Tại phiên đấu giá cổ phần ngày 09/01/2020, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã thực hiện xong việc thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ (*từ 85,86% xuống còn 51%*). Đây là doanh nghiệp có tỷ lệ thoái vốn nhà nước cao nhất, cũng như xong đúng kế hoạch trong toàn tỉnh (*được thể hiện ở tiêu chí số cổ phần chào bán hơn 6 triệu CP, với giá trị thoái vốn hơn 120 tỷ VNĐ*).

- Trong giai đoạn 2016 - 2020, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện xong nhiệm vụ cấp nước cho 16 phường/xã trên địa bàn thành phố Bắc Giang. Đến nay 100% người dân, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn đã được cấp nước sạch an toàn với cả 03 tiêu chí: Lưu lượng, áp lực, chất lượng.

3. Việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao. Gắn liền với việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT đó là việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT được thể hiện trên các mặt cụ thể như sau:

- Các chỉ tiêu: Doanh thu, sản lượng, lợi nhuận, thực hiện nghĩa vụ với cổ đông và người lao động luôn luôn có sự tăng trưởng. Công ty sản xuất kinh doanh ổn định (*vốn được bảo toàn, sản xuất kinh doanh có lãi, thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước, cổ đông, người lao động*).

- Các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty được triển khai một cách bài bản có hiệu quả, đúng quy định.

- Công ty được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng như các Bộ ngành tặng nhiều Bằng khen.

- Công ty là doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh trong nhiều năm liên tục. Cá nhân đồng chí Chủ tịch HĐQT được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; danh hiệu Doanh nhân tiêu biểu của Tỉnh. Hiện nay Công ty đang hoàn thiện các thủ tục đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Nhất.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG NHIỆM KỲ.

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong quản lý, điều hành Công ty. HĐQT, Chủ tịch HĐQT vẫn còn một số tồn tại nhất định như:

- Chưa phát huy triệt để các nguồn lực của Công ty như: tài chính, con người, lợi thế kinh doanh, thương hiệu doanh nghiệp niềm tin của khách hàng, sự quan tâm chỉ đạo tạo điều kiện của Tỉnh ủy, UBND tỉnh cũng như các cấp, các ngành nên hiệu quả sản xuất kinh doanh còn hạn chế chưa đem lại lợi nhuận, cổ tức cao cho doanh nghiệp và cổ đông.

- Công tác đầu tư còn chưa mạnh dạn, chưa có kế hoạch đón đầu, cạnh tranh thị phần khách hàng với các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch khác trên địa bàn. Đặc biệt là đầu tư vào ứng dụng KHCN, các phần mềm quản lý tiên tiến để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động của Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban có phần nào chưa quyết liệt nên một số tập thể, cá nhân vẫn còn thụ động, ỷ nại trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

- Một số Dự án dừng triển khai cũng như chưa triển khai được đó là: Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy nước số 2, dừng triển khai (*theo yêu cầu khách quan của Tỉnh ủy, UBND tỉnh*) nhưng đến nay chưa thực hiện dứt điểm việc quyết toán các chi phí; Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Văn phòng của Công ty (*được xây dựng từ năm 1993 đã xuống cấp nghiêm trọng*) nhưng chưa triển khai được vì vẫn lúng túng trong việc tìm kiếm vị trí đất mới để xây dựng.

- Quy mô về doanh thu, sản lượng và tổng số khách hàng quản lý của doanh nghiệp hiện nay mới ở mức trung bình khá so với các công ty kinh doanh nước sạch ở các tỉnh phía Bắc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2021 - 2026.

Nhiệm kỳ 2021 - 2026, là nhiệm kỳ thứ 2 Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có sự tham gia của nhiều cổ đông là tổ chức, cá nhân. Đây cũng là nhiệm kỳ Công ty có nhiều lợi thế sau 5 năm hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần đó là: Công ty có một hệ thống hạ tầng kỹ thuật tốt, mức độ bao phủ rộng khắp 16 đơn vị hành chính của thành phố Bắc Giang cũng như các xã giáp ranh của các huyện. Đặc biệt là Thị trấn Đồi Ngô đang hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV, đây là địa bàn cấp nước mà Công ty đang quản lý. Công ty có đội ngũ CBCNV, người lao động có tay nghề cao, có kinh nghiệm trong nhiều năm làm công tác sản xuất kinh doanh nước sạch. Với một bộ máy lãnh đạo quản lý từ Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các đoàn thể đoàn kết thống nhất cao. Đặc biệt qua nhiều năm sản xuất kinh doanh nước sạch, Công ty là một doanh nghiệp uy tín, có sự tin tưởng của khách hàng cũng như các cấp ủy Đảng, chính quyền tin tưởng dùng sản phẩm cũng như quan tâm tạo điều kiện tốt nhất trong kinh doanh nước sạch.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản cũng có nhiều khó khăn tác động trực tiếp tới việc sản xuất kinh doanh của đơn vị trong các năm tới như: Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp kinh doanh nước sạch trên địa bàn; tác động của Đại dịch covid-19 tới sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các khách hàng lớn của Công ty; chất lượng nước Sông Thương ngày càng ô nhiễm và có nguy cơ cạn kiệt; Nhà máy sản xuất nước sạch của đơn vị được đầu tư xây dựng và cải tạo qua nhiều giai đoạn từ những năm 80 của Thế kỷ trước, khó khăn cho việc cải tạo, nâng cấp ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nước sạch v.v....

Vì vậy HĐQT Công ty cần tập trung lãnh đạo để thực hiện tốt một số nhiệm vụ, mục tiêu, phương hướng trong nhiệm kỳ tới, đảm bảo Công ty sản xuất kinh doanh ổn định phát triển trong các năm tới như sau:

1. Ổn định công tác tổ chức nhân sự ngay sau khi Đại hội. Ban hành các văn bản phục vụ cho công tác quản trị Công ty như: Điều lệ hoạt động; Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát; Quy chế phối hợp giữa các tổ chức, bộ phận trong Công ty.

2. Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của doanh nghiệp như: Cơ sở hạ tầng, uy tín thương hiệu của doanh nghiệp, tiềm năng con người, tạo sự đồng bộ thống nhất mạnh mẽ trong sản xuất kinh doanh, thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội.

3. Mạnh dạn đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ cũng như các phương pháp quản lý tiên tiến hiện đại trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt chú trọng đầu tư tại khu vực sản xuất đảm bảo chất lượng sản phẩm nước sạch, luôn đáp ứng được tiêu chuẩn “Nước sạch phục vụ ăn uống và sinh hoạt”. Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

4. Phối hợp với nhân dân và các cấp các ngành tuyên truyền giáo dục và đề ra các giải pháp, biện pháp hợp lý để bảo vệ và tiến tới nâng cao chất lượng nguồn nước Sông Thương đảm bảo đủ điều kiện để khai thác phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh nước sạch. Đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt hành lang an toàn khai thác nước mặt.

5. Tăng cường hơn nữa công tác quan hệ với các cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn, tranh thủ các nguồn lực tài chính, kinh nghiệm, KHCN mà các cổ đông hiện có để đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ cũng như các kiến nghị chính đáng của các cổ đông, cung cấp thông tin cho các cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời, minh bạch, chính xác để các cổ đông giám sát thực hiện.

6. Phối hợp chặt chẽ với Công ty DNP - Bắc Giang trong việc thực hiện Hợp đồng “Mua buôn nước sạch” trên tinh thần: Tin tưởng - Hợp tác - Cùng phát triển. Giải quyết kịp thời các phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng, không để xảy ra việc tranh chấp, xung đột về lợi ích giữa 2 bên.

7. Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật đối với Công ty đại chúng trong sản xuất kinh doanh và các công tác khác đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên. Tăng cường mối quan hệ, tranh thủ sự ủng hộ tạo điều kiện giúp đỡ của Tỉnh ủy, UBND, HĐND cũng như các cấp, các ngành và các huyện, thành phố nơi mà Công ty trực tiếp sản xuất kinh doanh.

8. Trong nhiệm kỳ phân đầu hoàn thiện việc xây dựng Trụ sở làm việc Văn phòng của Công ty; đầu tư cải tạo các hạng mục công trình tại khu vực sản xuất nước sạch đảm bảo an ninh, an toàn cho việc sản xuất nước sạch trước các biến động chất lượng của nguồn nước Sông Thương. Tăng cường đầu tư các thiết bị công nghệ mới trên Hệ thống mạng lưới cấp nước, đảm bảo việc giám sát vận hành một cách hiệu quả nhất.

9. Phân đầu sản xuất kinh doanh ổn định, lợi nhuận tăng trưởng, nâng cao hơn nữa đời sống của người lao động cả về thu nhập, điều kiện môi trường làm việc cũng như cổ tức của các cổ đông. Doanh nghiệp ngày càng ổn định, phát triển lâu dài.

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng cảm ơn các cổ đông đã về dự Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2021 - 2026 một cách nghiêm túc, đầy đủ, tạo nên sự thành công của Đại hội. Chúng tôi cam kết luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ mà Đại hội giao với tinh thần trách nhiệm cao, công tâm, khách quan, trung thực và cẩn trọng, đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, cho các cổ đông, đáp ứng sự mong đợi của các cổ đông.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hương Xuân Công

Số: 161 /BC-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Là Doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, với phần vốn nhà nước chiếm tỷ lệ 51%, nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Công ty luôn bám sát vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, luật doanh nghiệp, đặc biệt là các chương trình phát triển kinh tế xã hội tại địa phương gắn liền với chức năng ngành nghề của Công ty để lãnh đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

I. CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

1. Những thuận lợi và khó khăn.

*** Thuận lợi.**

Công ty luôn có sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành, UBND thành phố, huyện Lục Nam và UBND phường, xã trên địa bàn, CBCNV luôn đoàn kết, có ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật tốt; kinh doanh trong điều kiện thuận lợi: Lượng khách hàng luôn tăng trưởng, kinh doanh sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu đối với mỗi gia đình và Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất và kinh doanh nước sạch .

*** Khó khăn:**

Năm 2020, Công ty cũng gặp một số khó khăn như:

- Nguồn nước thô (nước sông Thương, nước sông Lục Nam) luôn có nguy cơ ô nhiễm do nguồn nước xả thải vào sông không đảm bảo chất lượng, do ô nhiễm môi trường từ xác động vật chết, dầu máy của các xà lan hoạt động trên sông...

- Cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch ngày càng gia tăng và phức tạp giữa các Công ty kinh doanh nước sạch trên địa bàn nên công tác phát triển khách hàng và mở rộng thị trường ngày càng khó khăn

- Do đại dịch Covid-19 kéo dài, các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài bị ảnh hưởng rất lớn, nhiều doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng dẫn đến sản lượng nước cung cấp cho các khu công nghiệp năm 2020 giảm 12% so với năm 2019.

- Một số CBCNV ý thức và trách nhiệm kém, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

Năm 2020, mặc dù có sự bùng phát đại dịch bệnh covid- 19 nhưng dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã tập chung chỉ đạo quyết liệt, đảm bảo nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ " vừa phòng dịch vừa sản xuất kinh doanh trong điều kiện mới" một cách an toàn, hiệu quả. Kết quả:

1 Công tác lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ.

Công ty đã chỉ đạo các phòng ban thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong công tác sản xuất, kinh doanh nước và công tác đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước góp phần giữ vững thương hiệu sản phẩm nước sạch của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang trong môi trường kinh doanh ngày càng có nhiều sự cạnh tranh.

Thực hiện nghiêm các văn bản của Chính phủ, các bộ ngành, Tỉnh ủy, UBND tỉnh "*về thực hiện phòng chống đại dịch Covid-19*". Chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh đảm bảo nguyên tắc vừa phòng chống dịch vừa sản xuất kinh doanh hiệu quả ở 3 nhiệm vụ chính: Sản xuất nước sạch; kinh doanh nước sạch; công tác đầu tư. Miễn, giảm tiền nước cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội do tác động của đại dịch, các khu cách ly tập chung của Tỉnh.

Do tác động của dịch Covid đến hoạt động sản xuất kinh doanh, nên Công ty đã phải điều chỉnh các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh những vẫn đảm bảo tăng so 2019, chỉ tiêu sau điều chỉnh: doanh thu tăng 8%, nước thương phẩm tăng 3%, công tác đầu tư tăng 16%, riêng chỉ tiêu tài không điều chỉnh và kết quả đều đạt và vượt so với KH, đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và các cổ đông Công ty.

Đảng ủy và Ban lãnh đạo đã tổ chức họp và chỉ đạo với từng phòng ban chuyên môn đánh giá công tác sản xuất kinh doanh; công tác phát triển khách hàng; công tác đầu tư; các giải pháp thực hiện chống thất thoát thất thu; đánh giá quá trình thay thế, sửa chữa máy bơm tại Trạm bơm nước thô XNCN thị trấn Đồi Ngô Lục Nam và Công tác vận hành, công tác quản lý mạng... tuyên truyền nâng cao nhận thức của người lao động về khó khăn mà doanh nghiệp phải phân đầu vươn lên trong sản xuất kinh doanh và cùng doanh nghiệp khắc phục các khó khăn do đại dịch gây ra, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

Ký kết "Thỏa ước lao động tập thể" thể hiện những cam kết giữa người sử dụng lao động và người lao động: 100% người lao động được tham gia BHXH; áp dụng mức lương tối thiểu vùng; công tác đào tạo nâng bậc, nâng lương được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, trong năm đã có 52 trường hợp đủ điều kiện nâng bậc, nâng lương.

Công tác đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ: Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn luyện ATLĐ và VSLĐ, phòng chống cháy nổ cho CBCNV toàn Công ty, nội quy lao động cũng được ban hành và treo đầy đủ tại các vị trí sản xuất, biển báo tại công trường đang thi công.

Công tác an sinh xã hội: Tham gia đóng góp các quỹ từ thiện với tổng số tiền \approx 1,5 tỷ đồng.

Công tác chỉ đạo và phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể được thực hiện thường xuyên, chính quyền đã tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể hoạt động, kết quả năm 2020 Công đoàn được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

*** Một số kết quả nổi bật của Ban Giám đốc trong 5 năm qua:**

- Thực hiện 02 lần điều chỉnh giá nước vào năm 2016 và 2019.

- Mở rộng cấp nước: Các khu vực Dĩnh Trì; Tân An; Tân Tiến; Song Mai; Song Khê; Tân Mỹ; Hương Gián; Đồng Sơn đảm bảo việc cấp nước cho 16

phường xã trên địa bàn thành phố Bắc Giang. Lượng khách hàng tăng trong 5 năm qua là: 22.919 khách hàng.

- Quản lý và điều hành Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô Lục Nam theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Cùng HĐQT thực hiện xong công tác thoái vốn theo chỉ đạo của UBND tỉnh, tỷ lệ cổ phần hiện tại: Cổ đông nắm giữ 49%, nhà nước nắm giữ 51%.

2. Công tác sản xuất nước sạch.

Xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đơn vị là tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo sự ổn định, tồn tại cũng như phát triển của Doanh nghiệp. Vì vậy các quy trình, quy phạm trong khâu sản xuất được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc chặt chẽ có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên từ lãnh đạo được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp, đến quản đốc và các ca trưởng, tổ trưởng. Các Nhà máy nước sản xuất phải luôn đảm bảo ba tiêu chí đó là: chất lượng, lưu lượng và áp lực.

Xây dựng các phương án sản xuất nếu đại dịch covid-19 bùng phát, đảm bảo công tác sản xuất nước, an toàn, ổn định.

Trong năm qua Nhà máy nước Bắc Giang và Lục Nam luôn thực hiện đúng quy trình, quy phạm sản xuất, kết quả 100% mẫu nước được Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bắc Giang kiểm tra và đánh giá đạt “ Nước sạch phục vụ ăn uống và sinh hoạt”

Để tăng cường công tác đảm bảo chất lượng nước, Công ty đã đầu tư thay thế 02 máy bơm Clo mới tại Khu xử lý và Trạm bơm I; Nâng cấp máy châm định lượng Clo từ 2kg lên 5kg tại Trạm bơm I và Khu xử lý từ 5kg lên 10 kg, hoàn thiện hệ thống SCADA đảm bảo giám sát các quy trình sản xuất và chất lượng nước tự động 24/24h và nâng cao chất lượng nguồn nước...Ngoài ra thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, nghiêm túc, các sự cố luôn được khắc phục kịp thời nhanh chóng, đảm bảo hệ thống cấp nước hoạt động an toàn và hiệu quả cao nhất.

Luôn quan tâm công tác kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, hàng ngày cử công nhân bơi thuyền dọc sông Thương để kiểm tra thượng lưu và hạ lưu của Trạm bơm nước thô, kịp thời phát hiện những bất thường gây ô nhiễm nguồn nước.

Thực hiện quy trình vận hành vào mạng lưới cấp nước khi công ty sử dụng 02 nguồn nước cấp chung vào hệ thống mạng lưới cấp nước, thường xuyên giám sát chất lượng nước của Công ty DNP cấp vào mạng của Công ty theo quy định.

Thực hiện các quy định của " Sổ tay cấp nước an toàn" giúp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục tất cả các mối nguy và sự cố xảy ra trong suốt quá trình sản xuất và cung cấp nước, mang đến cho khách hàng nước sạch an toàn, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

3. Công tác kinh doanh nước sạch.

Năm 2020 Công ty đã mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước tại các khu vực: Làng Chỗ - Hương Gián; Thôn Thắng - Tân An và một số vùng lân cận của thị trấn Đồi Ngô. Đến nay công tác phát triển mạng cấp nước đã hoàn thành

xong việc cấp nước cho 16 phường, xã của Thành phố Bắc Giang. Tính đến tháng 12, Công ty quản lý 62.638 đầu nối (bao gồm Khu vực Bắc Giang + thị trấn Đồi Ngô). Trong công tác kinh doanh chú trọng công tác dịch vụ khách hàng bằng nhiều giải pháp như: Thủ tục lắp mới đồng hồ đơn giản và nhanh gọn, thông tin đến khách hàng qua tin nhắn SMS, thanh toán tiền nước qua tài khoản ngân hàng, qua hệ thống ViettelPay; Hệ thống Payoo, áp dụng hóa đơn điện tử; giải quyết thời kíp thời các thắc mắc của khách hàng; linh động trong công tác đọc chỉ số và thu tiền khi thực hiện giãn cách xã hội vì dịch COVID-19... đem lại sự thuận tiện, tin tưởng và hài lòng cho khách hàng khi dùng nước của Công ty.

- Phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố, đáp ứng nhu cầu cấp nước của khách hàng.

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ, van mạng, chú trọng công tác đọc số và vào sổ, thu tiền hàng tháng nộp vào ngân hàng và quỹ đúng quy định.

- Công tác chống thất thoát mạng: Lắp đặt 50 đồng hồ tổng để phân vùng tách mạng đánh giá tỷ lệ thất thoát từng khu vực; cải tạo, thay tuyến ống kẽm, thay thế đồng hồ đã hết niên hạn và điều chỉnh áp lực trên mạng bằng các van thông minh. Kết quả: Tỷ lệ thất thoát mạng năm 2020 là 13,33% giảm so với 2019 là 2,42%.

- Thực hiện phân vùng cấp nước của 02 nguồn nước để quản lý và đánh giá. Cùng bộ phận Nhà máy nước thực hiện giám sát chất lượng nước và điều phối lượng nước mua buôn của Công ty DNP vào hệ thống cấp nước Bắc Giang.

- Phối kết hợp với các cấp chính quyền địa phương trong công tác quản lý Hệ thống cấp nước của đơn vị khi địa phương cải tạo nâng cấp đường, ngõ, xóm, chỉnh trang vỉa hè như: Kịp thời thay thế tuyến ống kẽm chất lượng, tuyến ống của các Dự án khác khi công ty nhận bàn giao mà vị trí tuyến ống khó xác định hoặc khó cho công tác sửa chữa thay thế sau này.

*** Kết quả công tác sản xuất kinh doanh năm 2020**

- Khu vực thành phố Bắc Giang

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2020			So sánh 2019 %
			KH	TH	So sánh %	
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	150	150,639	100,43	108,1
2	Nước thương phẩm	Triệu m ³	13,650	13,741	100,67	103,1
3	Thất thoát CN	%	02	2,22	Tăng 0,22	Tăng 0,16
	Thất thoát mạng	%	14,75	13,33	Giảm 1,42	Giảm 2,42
4	Phát triển khách hàng	Đầu nối	3.000	2.475	82,5	38,6

- Khu vực Lục Nam

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2020			So sánh 2019 (%)
			KH	TH	So sánh %	
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	4,1	4,288	104,6	125,4
2	Nước sạch	Nghìn m ³	443	538	121,4	126,2
3	Nước Thương phẩm	Nghìn m ³	390	439	112,5	116,4
4	Thất thoát CN	%	6,6	1,57	Giảm 5,03	Giảm 1,57
	Thất thoát mạng	%	11	18,45	Tăng 7,45	Tăng 6,94
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	150	306	204	104,7

*** Một số chỉ tiêu nổi bật 5 năm trong công tác Kinh doanh nước**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Doanh thu nước	Tỷ.đ	87,678	109,624	116,740	142,733	154,927
2	Nước thương phẩm	Triệu m ³	10,443	11,384	12,168	13,702	14,180
3	Khách hàng quản lý	K/h	39.719	44.617	51.289	59.286	62.638
4	Phát triển khách hàng	Đầu nổi	2.452	4.973	7.253	7.463	2.781
5	Thất thoát chung						
	- Bắc Giang	%	18,19	14,35	14,91	16,93	14,38
	- Lục Nam	%	17,81	19,65	17,41	14,29	19,73

4. Công tác thi công xây lắp và đầu tư.

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch với giá trị là 31,6 tỷ đồng, kết quả đạt 27 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm.

Cụ thể:

1. Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước, đường ống: 26 Tỷ đồng
 - Đường ống CN dọc đường 293 vào thôn Văn Sơn đến ngã tư đường vào lãng Chỗ 500 Tr.đồng
 - Đường ống CN bổ sung Song mai từ trạm Bơm TA đến cầu treo bên Tổng 07 Tỷ đồng
 - Lắp đặt đồng hồ tổng 05 Tỷ đồng
 - Thay thế ống thép tráng kẽm bằng ống HDPE trên mạng cấp nước TP Bắc Giang, thay thế đồng hồ cũ D15 10 Tỷ đồng
 - Tuyến ống D 200 cấp nước cụm Công nghiệp Khai Hồng - Lục Nam 3,5 Tỷ đồng
2. Mua vật tư dự phòng sửa chữa tại Nhà máy 01 Tỷ đồng

Các hạng mục thi công đảm bảo kỹ thuật và tiến độ, các công trình đều phát huy hiệu quả của công tác đầu tư, việc mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng quy định của nhà nước.

*** Công tác đầu tư trong 5 năm.**

Năm 2106 (Tỷ đồng)	Năm 2017 (Tỷ đồng)	Năm 2018 (Tỷ đồng)	Năm 2019 (Tỷ đồng)	Năm 2020 (Tỷ đồng)
21,49	39,92	61,97	27,1	27

Một số công trình lớn đã đầu tư trong năm 2016-2020.

- Cải tạo bể lắng ngang thành bể lắng Lamén (Nâng cao chất lượng nước)
- Cấp nước cho 100% các xã nội và ngoại thị khu vực: Giai đoạn 2016-2020 đã cấp nước khu vực Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, cấp nước xã Hương Gián huyện Yên Dũng và một phần xã Xuân Hương huyện Lạng Giang.
- Hệ thống Scada giám sát và điều khiển tự động tại các khu vực khai thác, xử lý nước.

- Lắp đặt hệ thống van giảm áp, đồng hồ điện từ, đồng hồ siêu âm, logger trên hệ thống đường ống nhằm theo dõi lưu lượng và áp lực, nâng cao khả năng giám sát vận hành đường ống cấp nước, giảm thất thoát nước sạch.

- Cải tạo Trạm bơm cấp nước Tân An

- Đầu tư một số tuyến ống lớn: Tuyến ống CN bổ sung từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý; Tuyến ống D 200 cấp nước bổ sung cho xã Song Mai; Tuyến ống D300 cấp nước cho KCN Đình Trám; Tuyến ống D400 CN khu đô thị phía Nam; Tuyến ống D 300 CN bổ sung cho thị trấn Tân An và Hương Gián; Tuyến ống truyền tải 2.

5. Công tác tài chính

Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thanh quyết toán nội bộ đúng quy định.

Thực hiện đầy đủ báo cáo tài chính theo quý, 6 tháng, năm, công khai, minh bạch thông qua đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn gửi các cơ quan nhà nước, đồng thời công bố thông tin trên Website công ty.

Các chỉ tiêu tài chính năm 2020 đảm bảo thực hiện 100% theo kế hoạch đề ra, cho thấy Công ty đã sử dụng rất hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu.

* Công tác phân phối và sử dụng các quỹ

- Quỹ khen thưởng phúc lợi còn tồn 2019:	252.198.235	đồng
- Thu ủng hộ của CBCNV năm 2020:	182.947.000	đồng
- Tổng quỹ KTPL trích theo NQ-ĐHĐCĐ 2020:	1.945.176.060	đồng
- Quỹ KTPL đã chi năm 2020:	1.927.508.000	đồng
- Quỹ KTPL còn lại tính đến 31/12/2020:	452.813.295	đồng
- Quỹ KTPL năm 2020 tạm trích (Số chính thức do ĐHĐCĐ 2021 quyết định)	1.924.339.161	đồng

* Công tác tài chính năm 2020.

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2020			So sánh 2019 %
			KH	Thực hiện	So sánh %	
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	158,76	158,219	99,7	101,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	07	11,190	159,8	157,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,6	9,621	171,8	172,8
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15	13,838	92,2	92,2
5	Nộp BHXH	Tỷ đồng	5,5	5,464	99,3	105,6
6	Thu nhập bình quân	Tr.đồng	10	9,8	9,8	100

* Công tác tài chính giai đoạn 2016-2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	92,82	118,75	128,5	150,5	158,219
2	Lợi nhuận trước Thuế	Tỷ.đ	4,76	7,14	8,04	7,09	11,190
3	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	5,74	12,09	11,91	15	13,838
4	Cổ tức	Đồng	136	173	223	199	424

6. Công tác thực hiện chính sách đối với người lao động

Các chế độ về tiền lương, tiền thưởng và chính sách đối với người lao động luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã bố trí sắp xếp sử dụng hợp lý số lao động hiện có, đảm bảo 100% người lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Lương bình quân toàn công ty đạt 9,8 triệu đồng/ người/tháng. Công ty đã thanh toán lương đầy đủ, không có hiện tượng nợ lương. Đóng bảo hiểm cho 100% CBCNV với tổng số tiền BHXH Công ty đã nộp năm 2020 là: 5,464 tỷ đồng.

Thực hiện công tác thi đua khen thưởng trong việc bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm đúng thời hạn, tổ chức khen thưởng đột xuất bằng tiền mặt cho tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc với tổng số tiền là: 115 triệu đồng.

Các chế độ thăm quan, nghỉ mát, văn nghệ, thể thao được công ty quan tâm và thực hiện thường xuyên để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Môi trường làm việc luôn được đầu tư nâng cấp, mua sắm các trang thiết bị cần thiết để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Các mặt đã làm được.

Năm 2020 là năm doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, nhưng với phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn trong đại dịch, hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra như: Công tác sản xuất nước đảm bảo chất lượng, lưu lượng và áp lực; Doanh thu và sản lượng nước đều tăng; phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ trong việc mua buôn nước sạch của công ty DNP; Công tác cải tạo, đầu tư tại nhà máy và mạng được thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật; nguồn vốn của công ty được bảo toàn và tăng trưởng, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách và nâng cao thu nhập cho người lao động, CBCNV yên tâm công tác và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Công ty.

2. Những tồn tại hạn chế.

2.1. Những tồn tại hạn chế.

Bên cạnh kết quả đã đạt được, còn có những tồn tại, hạn chế như sau:

- Sở tay cấp nước an toàn hệ thống cấp nước Bắc Giang đã được Công ty xây dựng và phê duyệt, tuy nhiên chưa có sự kiểm tra thường xuyên trong quá trình thực hiện các quy định.

- Chưa xây dựng Hệ thống xử lý nước thải tại Khu xử lý theo cam kết của Công ty với Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Các phòng, ban còn chưa nắm bắt và cập nhật kịp thời các chế độ chính sách, quy chế thay đổi mới. Vì vậy công tác tham mưu với Ban lãnh đạo còn chưa sát thực và hiệu quả.

- Công tác dịch vụ khách hàng: Còn một số CBCNV chưa chịu khó học hỏi và nắm bắt được chuyên môn dẫn đến lúng túng khi giải đáp thắc mắc của khách hàng.

- Công tác quản lý các tổ xây lắp đã có đổi mới nhưng chưa đạt được như kỳ vọng dẫn tới thu nhập của công nhân xây lắp còn thấp so với mặt bằng của công ty, trong thi công còn bị chậm hoàn trả mặt bằng.

- Công tác chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của Xí nghiệp Cấp nước Đồi Ngô còn chưa hợp lý, công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh của khách hàng về chất lượng nước chưa kịp thời; thất thoát trên mạng còn cao và chưa đánh giá được nguyên nhân của thất thoát trên mạng.

- Việc bình xét thi đua xếp loại hàng tháng ở một số bộ phận làm chưa nghiêm túc.

- Trong năm đã xảy ra 01 trường hợp mất an toàn lao động do uống rượu.

- Công đoàn còn chưa chủ động thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

2.2. Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế

Nguyên nhân khách quan:

- Việc bảo vệ nguồn nước thô sông Thương không chỉ một mình Công ty làm được mà cần có sự vào cuộc của chính quyền các cấp. Công ty đã 2 lần trình hồ sơ đề nghị phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước cho khu vực đã được cấp phép khai thác theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến nay vẫn chưa được phê duyệt.

- Chưa tìm ra giải pháp khắc phục khi vào mùa khô độ hóa oxy tăng cao.

- Các chế độ giải quyết thủ tục về đất đai rất phức tạp và thường xuyên thay đổi nên Công ty không thể mở rộng phần đất để xây dựng "*Bể xử lý bùn thải*" và phải chuyển sang phương án "*Hệ thống máy ép bùn*"

Nguyên nhân chủ quan:

- HĐQT và Ban lãnh đạo Công ty chưa thực sự quyết liệt và tập trung cao trong việc chỉ đạo và thực hiện một số việc còn tồn tại ở trên, công tác xử lý vi phạm chưa thực sự kiên quyết.

- Một số lãnh đạo phòng, bộ phận chưa kiên quyết với sai phạm của cấp dưới mà còn nể nang nhắc nhở nên không tạo động lực cho nhân viên trong cùng bộ phận và sự phấn đấu của cá nhân mắc sai phạm.

- Một số CBCNV chưa chịu khó nghiên cứu và học hỏi về chế độ mới và có ý thức kém, trách nhiệm thấp trong thực hiện công việc được giao.

- Trường hợp mất an toàn lao động do không chấp hành Quy chế quản lý nội bộ của Nhà máy, công tác quản lý bộ phận Nhà máy chưa nghiêm.

- BCH Công đoàn chưa phát huy được trí tuệ tập thể, chưa chủ động xây dựng kế hoạch theo chức trách nhiệm vụ nên nhiều hoạt động hiệu quả không cao.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá về tình hình kinh doanh.

Năm 2021 trước diễn biến phức tạp của dịch covid-19, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch sẽ gặp những khó khăn như sau:

- Các doanh nghiệp là khách hàng lớn của Công ty chưa ổn định sản xuất đồng nghĩa với việc cung cấp nước sạch của Công ty tiếp tục sụt giảm.

- Công tác phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn do có sự cạnh tranh của các đơn vị cấp nước khác.

- Chi phí cho sản xuất nước tăng: Do nguồn nước Thô chất lượng ngày càng kém, hàm lượng chất hữu cơ ngày càng cao nên tăng lượng hóa chất sử dụng.

2. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021

2.1. Mục tiêu

- Đảm bảo cấp nước an toàn cho khách hàng tại thành phố Bắc Giang, thị trấn Đồi Ngô và các vùng lân cận.

- Tiếp tục mở rộng mạng cấp nước và cải tạo mạng cũ để nâng cao hiệu quả của Nhà máy nước Bắc Giang, Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô và tìm nguyên nhân tỷ lệ thất thoát khu vực Lục Nam, từ đó có giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát.

- Bảo toàn nguồn vốn của Nhà nước và các cổ đông sau khi thoái vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như: tiền lương, thưởng, bảo hiểm, thăm quan nghỉ mát và an sinh xã hội.

2.2. Chỉ tiêu tài chính

TT	Các chỉ tiêu	TH 2020		KH 2021	
1	Tổng doanh thu	158,219	tỷ đồng	160	tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	11,190	tỷ đồng	12	tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	9,621	tỷ đồng	9,6	tỷ đồng
4	Nộp ngân sách	13,838	tỷ đồng	14	tỷ đồng
5	Nộp BHXH	5,464	tỷ đồng	5,5	tỷ đồng
6	Thu nhập bình quân/ người/tháng	9,8	tr. đồng	10	Tr. đồng

2.3 Chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	Tỷ lệ (tăng, giảm)
I. Nhà máy nước Bắc Giang					
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	150,639	155,160	3%
2	Nước sạch	Triệu m ³	15,855	16,266	2,6%
3	Nước thương phẩm	Triệu m ³	13,741	14,150	3%
4	Tỷ lệ thất thoát				
	+ Công nghệ:	%	2,22	2,3	Tăng 0,08%
	+ Mạng:	%	13,33	13	Giảm 0,33%
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	2.475	2.500	1%
II. Xí nghiệp CN Lục Nam					
1	Doanh thu:	Tỷ đồng	4,288	4,716	10%
2	Nước thô	Nghìn m ³	547	596	9%
3	Nước sạch	Nghìn m ³	538	581	8%
4	Nước thương phẩm	Nghìn m ³	439	483	10%
	Tỷ lệ thất thoát :				
	+ Công nghệ	%	1,57	2,5	Tăng 0,93
	+ Mạng	%	18,45	17	Giảm 1,45
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	306	250	81,7%

2.4. Công tác đầu tư

Căn cứ vào phương án phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận giai đoạn 2020-2021; căn cứ vào Quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030.

Công ty xây dựng:

* **Kế hoạch đầu tư năm 2021 là : 55 tỷ đồng.**

Trong đó: - Xây dựng cải tạo khu xử lý: 15,8 tỷ đồng

- Xây dựng cải tạo mạng lưới: 39,2 tỷ đồng

* **Phương hướng thực hiện nhiệm vụ của Ban giám đốc trong nhiệm kỳ**

- Xây dựng Hệ thống thu hồi và xử lý bùn thải tại khu xử lý.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị và cơ sở vật chất phòng hóa nghiệm đạt chuẩn.

- Xây dựng mái che cho hệ thống bể lắng, bể lọc tại khu xử lý

- Tuyến ống D300 đi qua cầu Trần Quang Khải cấp nước bổ sung cho Đa Mai; Song Mai.

- Đầu tư tuyến ống D300 cấp nước dọc đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang.

- Phát triển khách hàng các khu vực huyện Tân Yên, huyện Việt Yên và thị trấn Đồi Ngô huyện Lục Nam.

+ Tổng giá trị: Dự kiến 120 tỷ đồng.

+ Thời gian thực hiện: 3 năm

- Lập phương án xây dựng hồ sơ lắng dự trữ nước.

3. Giải pháp thực hiện

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021, Ban lãnh đạo đề ra các giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

3.1. Công tác sản xuất nước:

- Tăng cường công tác quản lý và thực hiện nghiêm túc Sổ tay cấp nước an toàn để sản xuất nước an toàn, cung cấp nước cho khách hàng đảm bảo tiêu chí: Lưu lượng, áp lực và chất lượng nước.

- Đánh giá chất lượng nguồn nước sông Thương, tìm giải pháp khắc phục độ ôxy hóa cao trong mùa khô.

- Tiếp tục đầu tư và áp dụng công nghệ mới tại các Nhà máy nước để nâng cao chất lượng nước và nâng cao năng xuất lao động.

- Công tác hóa nghiệm: Các chỉ tiêu xét nghiệm đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

- Đảm bảo công tác ATLĐ trong quá trình vận hành sản xuất nước.

3.2. Công tác kinh doanh:

- Đảm bảo cấp nước đầy đủ và đạt chất lượng cho khách hàng, tiếp tục quan tâm công tác dịch vụ khách hàng như: giải quyết kịp thời các thắc mắc của khách hàng; sử dụng hóa đơn điện tử, trả tiền nước qua các kênh thanh toán không dùng tiền mặt; thông tin đến khách hàng bằng tin nhắn SMS... Chú trọng

công tác đào tạo tại chỗ nâng cao trình độ chuyên môn, cũng như kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách hàng...

- Sử dụng hiệu quả các thiết bị đã đầu tư vào mạng cấp nước và phần mềm quản lý khách hàng để tăng cường công tác chống thất thoát có hiệu quả; Nâng cao an toàn cấp nước cho Hệ thống cấp nước thành phố Bắc Giang và vùng lân cận.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác quản lý đồng hồ nước để quản lý sản lượng nước cung cấp, giảm thất thoát thất thu. Kiểm tra giá biểu giá đúng với đối tượng, mục đích sử dụng, nhằm đảm bảo sự công bằng giữa các khách hàng.

- Tăng cường quản lý kiểm tra mạng phát hiện kịp thời những điểm vỡ, rò rỉ đường ống dưới lòng đất; bảo dưỡng đồng hồ đo nước đảm bảo chính xác trong đo đếm. Xây dựng và sửa đổi các quy định về quản lý các đồng hồ tổng và quản lý mạng...

- Tăng cường công tác kiểm soát lưu lượng, áp lực trên mạng qua các thiết bị tự động hóa. Tiếp tục thực hiện công tác phân vùng tách mạng, lắp đặt đồng hồ tổng để đánh giá và có giải pháp giảm thất thoát trên mạng. Tiếp tục phân vùng sử dụng nước của DNP và Công ty, cùng bộ phận nhà máy giám sát chất lượng nước của DNP.

- Tìm nguyên nhân của những khách hàng dùng 1m^3 hoặc không dùng, có giải pháp giảm tỷ lệ không dùng xuống còn 7%.

- Phối hợp tốt với các bộ phận khác để phát triển khách hàng theo kế hoạch.

3.3. Công tác đầu tư:

- Công tác đầu tư phải đảm bảo đúng quy định của nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả.

- Tăng cường công tác giám sát, nâng cao trình độ và trách nhiệm của cán bộ giám sát và các tổ trưởng thi công.

- Các tổ thực hiện đúng tiến độ công trình, thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo ATLĐ trong quá trình thi công.

- Thực hiện công tác giám sát CBCNV của các bộ phận được nhận tài sản để nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư.

- Thực hiện công tác đánh giá sau mỗi công trình thi công, đánh giá năng lực nhà thầu, rút ra bài học kinh nghiệm.

3.4. Công tác khác:

- Sửa đổi Điều lệ theo luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Quy chế quản trị theo luật Chứng khoán.

- Bổ sung những thay đổi (nếu có) vào các Quy chế quản lý nội bộ trình HĐQT phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc tập huấn về ATLĐ, xây dựng và thực hành về các quy trình về sơ cấp cứu khi xảy ra mất ATLĐ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công việc đối với các bộ phận để nâng cao ý thức và trách nhiệm... Tiếp tục quản lý các tổ xây lắp để nâng cao thu nhập cho công nhân khối xây lắp.

- Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao tay nghề, khả năng giao tiếp với khách hàng và để sử dụng những công nghệ mới trong sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong quản lý, vận hành và ứng dụng khoa học công nghệ mới của các công ty cấp nước trong ngành.

- Các phòng ban, nhà máy, xí nghiệp: Xây dựng quy chế hoạt động của bộ phận nhằm nâng cao chất lượng công việc và công tác sản xuất kinh doanh, tham mưu lãnh đạo công ty thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao và đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Báo Bắc Giang và Đài PT và TH Tỉnh tuyên truyền để người dân hiểu và yên tâm khi sử dụng nước của Công ty.

- Mỗi lãnh đạo quản lý, trưởng phó các phòng ban bộ phận và mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty phải nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, nghiên cứu, học hỏi về các chính sách mới và có nghĩa vụ chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và các quy định, quy chế của Công ty, không có trường hợp vi phạm Pháp lệnh dân số KHHGD sinh con thứ 3.

- Các Trưởng các phòng ban thực hiện nghiêm túc trong bình xét xếp loại hàng tháng. Các phòng ban cần có sự chủ động, phối kết hợp chặt chẽ khi thực hiện công việc.

- Củng cố các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng chức năng, thông qua đoàn thể phát động phong trào thi đua thiết thực hiệu quả, có mốc thời gian, có chỉ tiêu cụ thể và sau mỗi đợt thi đua có tổng kết.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2021. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty cùng toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BGD, BKS;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.



Trần Đăng Điều

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020 TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2021

(Báo cáo đã được kiểm toán)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tỷ lệ (%)
A	BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ SXKD			
I	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	158.219.083.884	155.536.261.737	102
1	Tổng doanh thu	151.844.260.959	149.201.674.587	102
	<i>Doanh thu SX nước</i>	<i>148.363.079.722</i>	<i>136.889.267.878</i>	108
	<i>Doanh thu Xây lắp</i>	<i>3.481.181.237</i>	<i>12.312.406.709</i>	28
2	Thu nhập hoạt động TC (Lãi tiền gửi NH)	5.199.178.732	5.273.409.051	99
3	Thu nhập khác (thu vi phạm ĐH, 10% PBVMT được trích lại, thu thanh lý TS)	1.175.644.193	1.061.178.099	111
II	Tổng chi phí	147.028.885.034	148.451.142.114	99
1	<i>Nguyên Vật liệu</i>	<i>18.513.160.829</i>	<i>24.406.159.028</i>	76
-	Phèn và hóa chất khác	927.127.455	1.211.540.303	77
-	Clo	714.700.000	414.484.068	172
-	Điện	5.336.544.879	6.793.994.789	79
-	Vật tư sửa chữa, thay thế	11.534.788.495	15.986.139.868	72
2	<i>CP nhân công trực tiếp SX nước</i>	<i>13.290.808.604</i>	<i>13.176.319.733</i>	101
3	<i>CP SX chung</i>	<i>26.172.539.530</i>	<i>32.361.809.849</i>	81
-	Khấu hao TSCĐ	10.356.404.096	15.379.600.023	67
-	Lương tổ BD NMN và các tổ thi công xây lắp, NC thuê ngoài, NC SC chung	7.080.456.784	7.596.361.889	93
-	CP CTP+AC và các CPSXC khác	8.735.678.650	9.385.847.937	93
4	<i>CP bán hàng</i>	<i>30.326.724.015</i>	<i>34.507.916.673</i>	88
	<i>Khấu hao TSCĐ</i>	<i>4.111.250.341</i>	<i>9.631.222.424</i>	43
	Lương khối kinh doanh	20.564.307.600	19.356.197.700	106
	CP CTP+ĂC và các CPBH khác khối KD	5.651.166.074	5.520.496.549	102
5	<i>CP Quản lý DN</i>	<i>15.518.161.372</i>	<i>14.417.203.006</i>	108
	<i>Khấu hao TSCĐ</i>	<i>383.925.605</i>	<i>661.621.790</i>	58
	Lương LĐQL + khối văn phòng	8.758.467.800	8.016.831.009	109
	CP CTP+ĂC và các CP khác khối QL	6.375.767.967	5.738.750.207	111
6	<i>CP HĐ tài chính</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
7	<i>CP khác</i>	<i>13.394.332</i>	<i>68.296.515</i>	
8	<i>CP mua nước của DNP</i>	<i>43.194.096.352</i>	<i>29.513.437.310</i>	146
VII	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	11.190.198.850	7.085.119.623	158
VIII	THUẾ TNDN	1.568.503.046	1.527.473.736	103
IX	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	9.621.695.804	5.557.645.887	173
B	BÁO CÁO CÁC QUỸ CỦA DN	3.258.825.704	3.079.047.543	106
1	Quỹ đầu tư phát triển	881.673.248	881.673.248	100
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.377.152.456	2.197.374.295	108
C	BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN	44.541.764.900	41.792.140.698	107
D	CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH	13.838.486.462	15.528.309.785	89

1	Thuế GTGT	612.588.849	82.051.000	
2	Thuế TNDN	1.419.769.921	2.343.469.679	61
3	Thuế Tài nguyên	211.884.528	258.478.355	82
4	Thuế thu nhập cá nhân	440.690.448	166.650.584	264
5	Phí nước thải	9.128.732.166	8.792.629.958	104
6	Phí cấp quyền khai thác TN nước	171.492.398	400.305.542	43
7	Cổ tức nộp NSNN	1.841.993.551	3.475.041.558	53
8	Các loại thuế khác	11.334.601	9.683.109	117
E	BÁO CÁO TÀI SẢN			
1	Nguyên giá	284.818.635.091	273.728.644.401	104
2	Khấu hao lũy kế	201.954.818.846	190.620.320.088	106
3	Giá trị còn lại	82.863.816.245	83.108.324.313	100
F	BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU	190.084.308.597	185.998.691.708	102
1	Vốn điều lệ	181.494.460.205	181.494.460.205	100
2	Quỹ Đầu tư phát triển	881.673.248	881.673.248	100
3	Cổ tức được chia /18.149.446 cổ phần	7.708.175.144	3.622.558.255	213
G	CHI TRẢ CỔ TỨC (đồng /1 cổ phần)	424	199	213
H	MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH			
1	Nợ phải trả / Vốn CSH (%)	20	18	112
2	Nợ phải trả / Tổng Tài sản (%)	17	15	110
3	Lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (%) - ROE	5,1	3,0	169
4	Lợi nhuận sau thuế / Tổng Tài sản (%) - ROA	4,2	2,5	166
5	Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần (%) - ROS	6,3	3,7	170

PHÒNG KẾ TOÁN


 Nguyễn Thị Phương Thảo

TỜ TRÌNH
VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

I. Phương án phân phối LN thực hiện năm 2020:

* Với kết quả hoạt động SXKD năm 2020, Hội đồng quản trị đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Vốn điều lệ cuối năm	Trđ	181.494
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2020	Trđ	9.621
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2020 dùng để phân phối	Trđ	9.621
4	Trích lập các quỹ từ LNST 2020: + Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%	Trđ	1.924
5	Lợi nhuận còn lại năm 2020 sau khi trích lập các quỹ	Trđ	7.697
6	Chia cổ tức (toàn bộ số lợi nhuận còn lại)	Trđ	7.697
7	Tổng số cổ phần hiện có	cp	18.149.446
8	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (4,24 %)	đ/1cp	424

* Phương thức chi cổ tức: Chuyển khoản / tiền mặt

II. Đề xuất kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2021:

ST	Chỉ tiêu	ĐVT	Phân phối lợi nhuận
1	Vốn điều lệ cuối năm	Tr.đ	181.494
2	Tổng doanh thu, các khoản thu nhập	Tr.đ	160.000
3	Tổng chi phí	Tr.đ	148.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	9.600
6	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 dùng để phân phối (toàn bộ)	Tr.đ	9.600

7	Trích lập các quỹ từ LNST 2021 + Quỹ khen thưởng phúc lợi: (20%) LNST	Tr.đ	1.920
8	Chia cổ tức (toàn bộ số lợi nhuận còn lại)	Tr.đ	7.680
9	Tỷ lệ trả Cổ tức (4,23%)	đ/1 cp	423

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS; BGĐ;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu : VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hương Xuân Công

Số: 14 /BC-BKS-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2021**

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2021, cụ thể như sau:

A. Hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả kiểm tra năm 2020:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể:

- Ban kiểm soát tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư của Công ty;

- Kiểm tra, rà soát Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2020, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt được, có phân tích nguyên nhân cụ thể.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.

- Ban kiểm soát Công ty đã kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả SXKD và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2020, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập đúng quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thời gian hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2020

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong năm 2020.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý trong năm 2019 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

- HĐQT đã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ kịp thời. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty.

- Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chủ động nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư. Công tác thu hồi công nợ của khách hàng kịp thời, đầy đủ. Công tác thanh toán nợ cho các nhà cung cấp đúng hạn, khả năng thanh toán nhanh tốt, hệ số nợ hợp lý.

- Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu kế hoạch chính năm 2020

2.1. Về quản lý tài sản:

Công ty đã thực hiện quản lý và theo dõi tài sản cố định chi tiết theo từng loại tài sản, thực hiện trích khấu hao theo đúng quy định. Cuối năm thực hiện kiểm kê và lập biên bản kiểm kê chi tiết, đầy đủ.

Giá trị nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2020:	285.398.413.068đ
Số khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2020:	202.534.596.823đ
Giá trị còn lại theo sổ sách đến ngày 31/12/2020:	82.863.816.245đ

2.2. Về quản lý công nợ:

- Công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2020: Công nợ được theo dõi chặt chẽ, cụ thể theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán.

- Đối với nợ phải thu: **23.592.666.450đ** trong đó bao gồm:

+ Phải thu tiền nước, tiền công trình, thu khác:	736.498.033đ
+ Tiền ứng trước cho nhà cung cấp, nhà thầu:	21.935.034.017đ
+ Tiền tạm ứng công tác, phải thu ngắn hạn khác:	1.123.381.400đ
+ Phải thu ngắn hạn khó đòi	

(202.247.000đ)

- Đối với nợ phải trả: **33.584.142.291đ** trong đó bao gồm:

+ Phải trả người bán ngắn hạn:	6.233.788.334đ
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn:	30.000.000đ
+ Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	1.157.048.251đ
+ Phải trả NLD (Thưởng tết và các khoản khác):	14.134.008.000đ
+ CP phải trả ngắn hạn:	14.483.145.250đ
+ Phải trả nhà cung cấp, phải trả khác:	169.000.000đ

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020:

2.377.152.456đ

2.3. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ (%)
I	Tổng DT và thu nhập khác	158.219.083.884	155.536.261.737	101,7
I.1	Doanh thu HĐTC	5.199.178.732	5.273.409.051	98,5
I.2	Thu nhập khác	1.175.644.193	1.061.178.099	110,7
I.3	DT thuần về bán hàng và dịch vụ	151.844.260.959	149.201.674.587	101,7
II	Tổng chi phí	147.028.885.034	148.451.142.114	99
II.1	Giá vốn hàng bán	101.170.605.315	99.457.725.920	101,7
II.2	Chi phí bán hàng	30.326.724.015	34.507.916.673	87,8
II.3	Chi phí quản lý DN	15.518.161.372	14.417.203.006	107,6
II.4	Chi phí hoạt động TC			
II.5	Chi phí khác	13.394.332	68.296.515	19,6
III	Lợi nhuận trước thuế	11.190.198.850	7.085.119.623	157,9
III.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.568.503.046	1.527.473.736	102,6
III.2	Lợi nhuận sau thuế	9.621.695.804	5.557.645.887	173,1
IV	Nộp NSNN	13.838.486.462	15.038.444.785	92

Quỹ tiền lương thực hiện: **44.541.764.900đ**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty.

2.4. Công tác đầu tư:

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch với giá trị là 31,6 tỷ đồng, kết quả đạt 27 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm.

Cụ thể:

1. Xây dựng, cải tạo mạng lưới cấp nước, đường ống: 26 tỷ đồng
 - Đường ống CN dọc đường 293 vào thôn Văn Sơn đến ngã tư đường vào lãng Chỗ 500 Tr.đồng
 - Đường ống CN bổ sung Song mai từ trạm Bơm TA đến cầu treo bến Tổng 07 tỷ đồng
 - Lắp đặt đồng hồ tổng 05 Tỷ đồng
 - Thay thế ống thép tráng kẽm bằng ống HDPE trên mạng cấp nước TP Bắc Giang, thay thế đồng hồ cũ D15 10 tỷ đồng
 - Tuyến ống D 200 cấp nước cụm Công nghiệp Khái Hồng - Lục Nam 3,5 tỷ đồng
2. Mua vật tư dự phòng sửa chữa tại Nhà máy 01 Tỷ đồng

Các hạng mục thi công đảm bảo kỹ thuật và tiến độ, các công trình đều phát huy hiệu quả của công tác đầu tư, việc mua sắm vật tư hàng hóa theo đúng quy định của nhà nước.

2.5. Quan hệ cổ đông

Đánh giá chung: Trong năm 2020, với nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và sự đồng thuận của CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu đặt ra.

3. Về công tác kế toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

3.1. Công tác kế toán

Công ty quản lý và hạch toán công tác kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mức kế toán, chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

III. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc

- Giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2020, HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.

B. Kế hoạch công tác năm 2021 của Ban kiểm soát:

I. Nhiệm vụ chung:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2021:

- Ổn định công tác tổ chức nhân sự ngay sau Đại hội.

- Tổ chức họp định kỳ, phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành và SXKD của Công ty.

- Kiểm soát tình hình SXKD hằng năm của Công ty đã được Đại hội cổ đông phê chuẩn, soát xét Báo cáo tài chính hằng năm.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGĐ;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 15/BC-BKS-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2016-2020**

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
Căn cứ Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang nhiệm kỳ 2016-2020 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ này được Đại hội đồng cổ đông ngày 13 tháng 11 năm 2015 thống nhất bầu với các thành viên gồm:

- Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng ban Kiểm soát.
- Bà: Vũ Thị Thúy - Thành viên Ban kiểm soát.
- Bà: Hoàng Thị Thảo - Thành viên Ban kiểm soát.

Kể từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cụ thể:

1 - Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Ban kiểm soát; Hằng năm lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật.

2 - Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để triển khai các nhiệm vụ của Ban kiểm soát: Kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận của HĐQT và Ban giám đốc, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh hàng năm theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3 - Tổ chức kiểm soát, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc. Giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban giám đốc đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

4 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT khi được yêu cầu; Nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá về việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT, của Ban giám đốc và tham gia ý kiến, đề xuất các khuyến nghị đối với HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty để hoàn thiện quy trình quản trị trong Công ty.

5 - Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Tổ chức kiểm tra, kiểm soát công tác Tài chính, kế toán và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

6 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo 6 tháng và báo cáo tài chính của Công ty hằng năm đã được soát xét và kiểm toán bởi các công ty kiểm toán uy tín.

7 - Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật với Công ty đại chúng.

Qua thời gian cả nhiệm kỳ hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát:

1. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Báo cáo kết quả kinh doanh nhiệm kỳ 2016 - 2020

ĐVT: triệu đồng

Năm	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%) hoàn thành	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%) hoàn thành
2016	85.500	92.822,9	108,5	4.500	4.756,4	105,6
2017	115.500	118.753,9	102,8	5.500	7.138,7	129,7
2018	124.000	128.596,6	103,7	8.000	8.045,1	100,5
2019	145.500	155.536,2	107,2	4.000	7.085,1	177,1
2020	156.000	158.236,2	101,4	7.000	11.190,1	159,8

2. Tình hình tài chính, kế toán của Công ty:

Báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu:

- Tại thời điểm chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015:

Vốn điều lệ: 181.494.460.000đ

Cổ phần: 18.149.446 cổ phần trong đó vốn nhà nước chiếm 85,86% tương đương 15.583.146 CP, cổ đông chiếm 14,14% tương đương 2.566.300CP

- Thoái vốn lần 2 theo Quyết định 1705/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty.

Trong đó nhà nước chiếm 51% tương đương 9.256.249 CP, cổ đông chiếm 49% tương đương 8.893.217CP

Báo cáo chi trả cổ tức:

- Năm 2016: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,36% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2017: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,73% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2018: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 2,24% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2019: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 1,99% tính trên vốn điều lệ
- Năm 2020: cổ tức chi trả bằng tiền với tỷ lệ 4,24% tính trên vốn điều lệ

Thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và hạch toán đúng quy định hiện hành.

Chỉ định Công ty kiểm toán độc lập: theo Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng cổ đông, BKS cùng với HĐQT đã được chọn lựa dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí phải trả.

Hoạt động quản lý tài chính của HĐQT luôn được chú trọng, đảm bảo các nguyên tắc tài chính, tính minh bạch, công khai tuân thủ các quy định của pháp luật và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

3. Công tác quản trị và điều hành:

- Về nhân sự HĐQT:

+ Tại ĐHCĐ ngày 13 tháng 11 năm 2015 đã bầu HĐQT gồm 5 thành viên:

1. Ông Hường Xuân Công – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều – Thành viên
3. Ông Lê Ngọc Duyên – Thành viên
4. Ông Phạm Hùng – Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên

+ Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-HQĐT-NSBG ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và Giải tỏa cổ phần đối với ông Phạm Hùng. Ông Phạm Hùng qua đời do mắc bệnh hiểm nghèo. Căn cứ vào tình hình thực tiễn cũng như các điều kiện khách quan, chủ quan khác Công ty không bầu bổ sung ủy viên HĐQT mà từ đó đến nay hoạt động với 4 thành viên.

1. Ông Hường Xuân Công – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều – Thành viên
3. Ông Lê Ngọc Duyên – Thành viên
4. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Thành viên

- HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý có tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo nghiêm túc theo quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của HĐQT có sự thống nhất cao. Các Nghị quyết của HĐQT được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong nhiệm kỳ 2016-2020, BKS không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

- Đảm bảo thu nhập cho người lao động ổn định. Thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước cũng như các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

- Trong nhiệm kỳ 2016-2020 HĐQT và Ban Giám đốc đã có những định hướng đúng đắn hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung nguồn lực cho việc đầu tư: Cải tạo bể lắng ngang thành bể lắng Lamen (Nâng cao chất lượng nước); Cấp nước cho 100% các xã nội và ngoại thị khu vực: Giai đoạn 2016-2020 đã cấp nước khu vực Đồng Sơn, Tân Tiến, Song Mai, Dĩnh Kế, Dĩnh Trì, cấp nước xã Hương Gián huyện Yên Dũng và một phần xã Xuân Hương huyện Lạng Giang; Hệ thống Scada giám sát và điều khiển tự động tại các khu vực khai thác, xử lý nước; Lắp đặt hệ thống van giảm áp, đồng hồ điện từ, đồng hồ siêu âm, logger trên hệ thống đường ống nhằm theo dõi lưu lượng và áp lực, nâng cao khả năng giám sát vận hành đường ống cấp nước, giảm thất thoát nước sạch; Cải tạo Trạm bơm cấp nước Tân An; Đầu tư một số tuyến ống lớn: Tuyến ống CN bổ sung từ Trạm bơm 1 về Khu xử lý; Tuyến ống D 200 cấp nước bổ sung cho xã Song Mai; Tuyến ống D300 cấp nước cho KCN Đình Trám; Tuyến ống D400 CN khu đô thị phía Nam; Tuyến ống D 300 CN bổ sung cho thị trấn Tân An và Hương Gián; Tuyến ống truyền tải 2... với số tiền 177,48 tỷ đồng đảm bảo việc đầu tư xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

III. Kết luận:

- Các hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ 2016 – 2020 tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

- Ban kiểm soát nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động SXKD nhiệm kỳ 2016-2020.

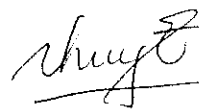
Trên đây là báo cáo của BKS nhiệm kỳ 2016 - 2020, kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Thay mặt BKS cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong thời gian vừa qua, cảm ơn HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ cho BKS thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình trong suốt nhiệm kỳ.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGD;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu: VT, Hồ sơ ĐH.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thanh Thủy

Số: 09/BC-HĐQT-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

**Về thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và
Thư ký không chuyên trách năm 2020, Phương hướng thù lao năm 2021.**

Kính gửi: Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020, đề xuất phương án về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký không chuyên trách năm 2021 như sau:

1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, thư ký năm 2020.

Mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS và Thư ký được chi trả theo mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 17/NQ-ĐHCĐTN-NSBG ngày 28 tháng 6 năm 2020 về việc thông qua phương án trả thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT, BKS, Thư ký.

Mức chi trả cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 2,0 triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 1,2 triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,0 triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,0 triệu đồng/ tháng |

2. Phương án trả thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021

Căn cứ vào phương án sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS, thư ký không chuyên trách năm 2021 như sau:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| - Thành viên HĐQT: | 3,0 triệu đồng/ tháng |
| - Trưởng Ban kiểm soát: | 2,0 triệu đồng/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 1,5 triệu đồng/ tháng |
| - Thư ký Công ty: | 1,5 triệu đồng/ tháng |

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Hương Xuân Công

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Nước sạch Bắc Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, Ban tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2021 như sau :

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có chức năng theo quy định của pháp luật;
- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất :

Để công tác kiểm toán tài chính năm 2021 được thuận lợi, trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán thỏa mãn tiêu chí và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty chọn 01 đơn vị kiểm toán phù hợp trong danh sách bao gồm:

Công ty TNHH kiểm toán & Tư vấn Chuẩn Việt

Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Việt Nam

Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Trong trường hợp đơn vị kiểm toán nêu trên không được tham gia cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty đại chúng năm 2021 theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hoặc theo các điều kiện khác quan khác. Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán khác được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện dịch vụ kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Hương Xuân Công

TỜ TRÌNH

Về việc: **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;

Để đảm bảo các hoạt động của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội các dự thảo sau:

1. Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty
2. Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
3. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các dự thảo sửa đổi, bổ sung trên đã được đăng tải tại đường dẫn www.bacgiangwsc.com.vn từ ngày 30/3/2021 cho các cổ đông xem xét và có ý kiến.

HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hương Xuân Công

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;

Bản Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã được Ban kiểm soát xây dựng tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được đăng lên Website Công ty tại địa chỉ: www.bacgiangwsc.com.vn từ ngày 30/3/2021 cho các cổ đông tham khảo và cho ý kiến.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu:VT, hồ sơ ĐH./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

TỜ TRÌNH

**Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2016-2020**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;

Căn cứ vào nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020 do hết nhiệm kỳ để bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới.

I. Miễn nhiệm thành viên HĐQT gồm các ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Hương Xuân Công - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Trần Đăng Điều - Thành viên HĐQT
3. Ông: Lê Ngọc Duyên - Thành viên HĐQT
4. Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo - Thành viên HĐQT

II. Miễn nhiệm thành viên BKS gồm các ông (bà) có tên sau:

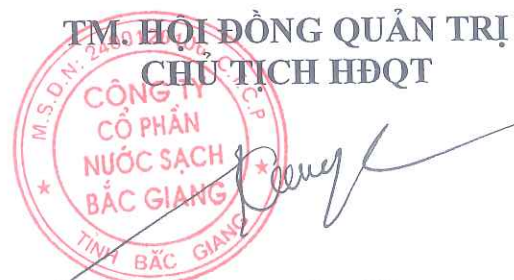
1. Bà: Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà: Vũ Thị Thúy - Thành viên BKS
3. Bà: Hoàng Thị Thảo - Thành viên BKS

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông C.ty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.



Hương Xuân Công

CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH BẮC GIANG
ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2021-2016

DANH SÁCH ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HĐQT, BKS NHIỆM KỲ 2021-2026

I. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

TT	Họ và Tên	Trình độ	Chức vụ/Đơn vị Công tác
1	Hướng Xuân Công	Thạc sỹ Quản lý Xây dựng	Nguyên Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.
2	Ngô Thành Chung	Thạc sỹ Kinh tế ứng dụng	- Chủ tịch HĐQT Cty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang. - Phó tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư ngành nước. - TV HĐQT C.ty CP SXKD nước sạch số 3 Hà Nội. - TV HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình.
3	Trần Đăng Điều	Thạc sỹ Quản lý Kinh tế	Giám đốc điều hành C.ty CP Nước sạch Bắc Giang
4	Lê Ngọc Duyên	Kỹ sư CTN	Phó Giám đốc C.ty CP Nước sạch Bắc Giang
5	Nguyễn Thị Phương Thảo	Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng Kế toán C.ty CP Nước sạch Bắc Giang

II. Danh sách ứng cử, đề cử thành viên BKS

TT	Họ và Tên	Trình độ	Đơn vị Công tác
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Cử nhân Kinh tế	Phó phòng Kinh doanh – Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.
2	Vũ Thị Thúy	Cử nhân Khoa học Quản lý	Nhân viên Phòng TC-HC Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.
3	Nguyễn Hồng Oanh	Thạc sỹ Kinh tế	- TV BKS nội bộ trực thuộc HĐQT, C. ty CP nhựa Đồng Nai. - Trưởng phòng Kiểm soát tài chính C. ty CP Đầu tư Ngành nước DNP

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2021
BAN TỔ CHỨC

Số: 13 /TTr-HĐQT-NSBG

Bắc Giang, ngày 15 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH TỔNG HỢP

Về các nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang;
Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và các báo cáo, tờ trình. tại Đại hội.*

HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT, Ban Giám đốc và BKS.

*** Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận 2021**

- Tổng doanh thu: 160 tỷ đồng

- Doanh thu nước:

- Khu vực Bắc Giang: 155,160 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)

- Khu vực Lục Nam: 4,716 tỷ đồng (bao gồm cả thuế)

- Nước thương phẩm:

- Khu vực Bắc Giang: 14,150 triệu m³

- Khu vực Lục Nam 483 nghìn m³

- Thất thoát mạng:

- Khu vực Bắc Giang: 13 %

- Khu vực Lục Nam: 17 %

Nội dung 2: Thông qua Phê duyệt đầu tư Dự án “ Mở rộng cấp nước cho một số xã của các huyện Việt Yên; Tân Yên tỉnh Bắc Giang”

- Tổng giá trị dự kiến: 90 tỷ đồng bằng 39,5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính; Thời gian thực hiện 3 năm.

Căn cứ vào quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội nghị cho biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua việc tiếp tục mua buôn nước của Công ty CP đầu tư hạ tầng nước DNP-Bắc Giang theo HĐ 14/2018/HĐMB/DNP- Bắc Giang.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 2021.

- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 là: 9.621.695.804 đồng.

Trong đó:

+ Trích 20% quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1,924 tỷ đồng

+ Chi trả cổ tức: 7,697 tỷ đồng

+ Cổ tức trên mỗi cổ phiếu: 242 đồng

- Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi đã phân phối: Không

*** Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:**

Căn cứ vào tình hình SXKD hiện nay và dự báo tình hình của năm 2021. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2021 như sau:

- Lợi nhuận trước thuế:	12	tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế:	9,6	tỷ đồng
+ Trích lập các quỹ từ LNST(20%):	1,920	tỷ đồng
+ Chi trả cổ tức:	7,680	tỷ đồng
- Cổ tức trên mỗi cổ phiếu:	423	đồng

Nội dung 5: Báo cáo thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, Thư ký năm 2021.

*** Thù lao đã chi trả năm 2020:**

- Thành viên HĐQT:	2,0	triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát:	1,2	triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát:	1,0	triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty:	1,0	triệu đồng/ tháng

*** Kế hoạch chi trả thù lao năm 2021:**

- Thành viên HĐQT:	3,0	triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát:	2,0	triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát:	1,5	triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty:	1,5	triệu đồng/ tháng

Nội dung 6: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, hiệu lực 01/01/2021, Thông tư 116/2020/TT-BTC về hướng dẫn xây dựng Điều lệ mẫu. Công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Nội dung 7: Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Để đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và phù hợp với các quy định mới. Công ty xây dựng 02 Quy chế trình đại hội thông qua.

Nội dung 8: Thông qua quy chế hoạt động của BKS.

Căn cứ vào Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và các quy định của Pháp luật, Ban kiểm soát xây dựng Quy chế hoạt động cho BKS và từng thành viên BKS, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về quyết định và công việc của BKS.

Nội dung 9: Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Căn cứ vào nghị quyết của ĐHĐCĐ lần thứ nhất, nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT và BKS đã hết nhiệm kỳ. Để chuẩn bị cho công tác bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026, Đại hội thông qua miễn nhiệm các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2020.

Nội dung 10: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán.

HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 là đơn vị kiểm toán có tên trong danh sách được Bộ Tài chính hoặc Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp phép kiểm toán.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc;
- Cổ đông Cty;
- Lưu: VT, hồ sơ ĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Hương Xuân Công

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN NCS CHB C GIANG
(Ban hành theo Nghị quyết /NQ-H QT-NSBG ngày .../.../2021 của
Hội đồng Công ty năm 2021)

Căn cứ pháp lý:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019;
Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi
tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 1. Mục đích chung

Quy chế này ra đời nhằm nguyên tắc bảo vệ quyền lợi công ty và lợi ích hợp pháp của công ty, thi hành pháp luật và hành vi, đồng thời nghiên cứu các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các bộ phận khác của Công ty.

Quy chế này sẽ chi tiết các nội dung chủ yếu sau:

1. Trình tự, thủ tục và biện pháp và biện pháp quản lý của Công ty;
2. Trình tự và thủ tục, công việc, bổn phận và trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
3. Trình tự, thủ tục và chế độ của Hội đồng Quản trị;
4. Công việc, bổn phận và trách nhiệm của Kiểm soát viên;
5. Tiêu chuẩn lựa chọn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm các bộ phận;
6. Phân phối lợi nhuận của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc;
7. Quy định đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và các bộ phận khác;
8. Nguyên tắc xung đột lợi ích;
9. Báo cáo và công bố thông tin

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:
 - a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy định mà Ban Giám đốc công ty nghiên cứu và thực hiện và Ban Kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của công ty và mối liên quan đến Công ty.
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần NCS CHB C Giang
 - c. “Điều 1”: là điều 1 của Hội đồng Công ty thông qua tại thời điểm.
 - d. “Công ty”: là nhân viên cá nhân, tổ chức sử dụng phi nhân của Công ty.

. “ i h i ng C òng” ho c “ i h i ”: là i h i ng C òng Công ty.

e. “Ng i có liên quan”: là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i kho n 23 i u 4 Lu t doanh nghi p, kho n 46 i u 4 Lu t ch ng khoán, c th nh sau :

- Doanh nghi p và ng i n i b c a doanh nghi p ó; qu i chúng, công ty u t ch ng khoán i chúng và ng i n i b c a qu i chúng ho c công ty u t ch ng khoán i chúng ó;

- Doanh nghi p và t ch c, cá nhân s h u trên 10% s c phi u có quy n bi u quy t ho c v n góp c a doanh nghi p ó;

- T ch c, cá nhân mà trong m i quan h v i t ch c, cá nhân khác tr c ti p, gián ti p ki m soát ho c b ki m soát b i t ch c, cá nhân ó ho c cùng v i t ch c, cá nhân ó ch u chung m t s ki m soát;

- Cá nhân và b , m , b nuôi, m nuôi, b ch ng, m ch ng, b v , m v , v , ch ng, con , con nuôi, con dâu, con r , anh ru t, ch ru t, em ru t, anh r , em r , ch dâu, em dâu c a cá nhân ó;

- Công ty qu n lý qu u t ch ng khoán và các qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán do công ty qu n lý qu u t ch ng khoán ó qu n lý;

- Quan h h p ng trong ó m t t ch c, cá nhân là i di n cho t ch c, cá nhân kia;

- T ch c, cá nhân khác là ng i có liên quan theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

f. “Thành viên H i ng qu n tr không i u hành”: là thành viên H i ng qu n tr c quy nh t i kho n 56, i u 3 Ngh nh 155/2020/N -CP: không ph i là Giám c, phó Giám c, K toán tr ng và nh ng cán b qu n lý khác c H i ng qu n tr b nhi m.

h. “Cán b qu n lý”: là Giám c, phó Giám c, K toán tr ng và các qu n lý khác trong Công ty c H i ng Qu n tr b nhi m.

i. “Ban i u hành”: là Giám c và các Phó giám c.

2. Trong quy ch này, các tham chi u t i m t ho c m t s i u kho n ho c v n b n pháp lu t s bao g m c nh ng s a i b sung ho c v n b n thay th các v n b n ó.

i u 3. Trình t , th t c v tri u t p và bi u quy t t i i h i ng c òng, g m các n i dung chính sau ây:

1. Ng i tri u t p h p i h i ng c òng ph i thông báo v vi c ch t danh sách c òng có quy n tham d h p i h i ng c òng. Danh sách c òng có quy n d h p i h i ng c òng c l p không quá 10 ngày tr c ngày g i gi y m i h p i h i ng c òng.

2. Thông báo tri u t p i h i ng c òng c th c hi n b ng hình th c gi y m i g i tr c ti p ho c qua ng b u i n và ng trên website c a Công ty.

3. Cách th c ng ký tham d i h i ng c òng: c òng ng ký tham d tr c ti p (ho c y quy n cho ng i khác) tham d t khi nh n c thông báo n tr c khi i h i ng c òng khai m c.

4. Cách thức bỏ phiếu: Phiếu bầu (bầu quy tắc) được tính trên số phiếu có quy định bầu quy tắc ghi trong phiếu phát cho mỗi công. Riêng việc bầu quy tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bỏ phiếu.

5. Cách thức kiểm phiếu: Việc kiểm phiếu được tiến hành trình tiếp hợp phiếu bầu quy tắc tán thành, không tán thành sau cùng là phiếu không có ý kiến.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được chốt và công bố ngay trước khi bắt đầu cuộc họp.

7. Cách thức phân tích quy tắc ảnh hưởng công: Công việc quy tắc phân tích quy tắc vì lợi ích công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công quy định từ lợi ích công ty có quy định yêu cầu công ty mua lợi ích phân tích của mình. Việc yêu cầu này được thực hiện theo quy định từ Điều 132 Luật doanh nghiệp.

8. Việc lập Biên bản họp ảnh hưởng công thực hiện theo quy định từ Điều 150 Luật doanh nghiệp.

9. Công bố Nghị quyết ảnh hưởng công;

Nghị quyết ảnh hưởng công phải được thông báo đến công có quy định họp ảnh hưởng công trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trong họp công ty có trang thông tin internet, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin internet của công ty.

10. Việc ảnh hưởng công thông qua Nghị quyết bằng hình thức lý giải kiến nghị:

Hội đồng quản trị có quy định lý giải kiến nghị bằng văn bản thông qua nghị quyết ảnh hưởng công khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Quy trình lý giải kiến nghị bằng văn bản: Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lý giải kiến nghị, đồng thời nghị quyết ảnh hưởng công, các tài liệu ghi trình đồng thời nghị quyết và gửi internet các công có quy định bầu quy tắc chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phiên họp lý giải kiến nghị.

Các trường họp không có lý giải kiến nghị bằng văn bản: theo quy định từ khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp (7 trường họp).

11. Trường họp đặc biệt ảnh hưởng công thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, HĐQT Công ty ban hành Quy chế thực hiện ảnh hưởng công trực tuyến (*Phụ lục kèm*) và Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu internet có các đặc trưng H.C trong thời gian họp trực tuyến.

Điều 4. Các thành viên, nhiệm vụ và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định từ khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là công nhân của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không có là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty.

- Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không liên quan.

2. Cách thức công, nhóm công nợ, công nợ vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị của theo quy định của pháp luật và nội lệ công ty, cụ thể:

Các công nợ mới có phần có quy định quy tắc có quy định phần quy định của từng người liên nhau thành nhóm công nợ các thành viên bổ vào Hội đồng Quản trị. Nếu công, nhóm công nợ thuộc phần có quy định quy tắc:

Công nợ nhóm công nợ mới 10% dưới 20% công nợ có thẩm quyền (01) thành viên; từ 20% dưới 30% công nợ có thẩm quyền hai (02) thành viên; từ 30% dưới 40% công nợ có thẩm quyền ba (03) thành viên; từ 40% dưới 50% công nợ có thẩm quyền bốn (04) thành viên; từ 50% dưới 65% công nợ có thẩm quyền năm (05) thành viên; từ 65% trở lên công nợ có thẩm quyền sáu (06) thành viên.

3. Việc bổ thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thông báo về bổ, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 5. Trình tự và thủ tục thành lập Hội đồng quản trị, gồm các nội dung chính sau đây:

Hội đồng quản trị phải thành lập ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự quy định tại nội lệ công ty và Quy chế nội bộ quản trị công ty của công ty

1. Thông báo lập Hội đồng quản trị: Giám đốc lập Hội đồng Quản trị và tài liệu cuộc họp phải gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày. Tài liệu họp gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phụ lục cho thành viên Hội đồng quản trị không thể thiếu. Giám đốc phải gửi bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc phương tiện phù hợp khác, thông qua thư điện tử hoặc cách khác cho thành viên Hội đồng Quản trị để công bố tại Công ty.

2. Điều kiện thành lập Hội đồng quản trị: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người ủy quyền) nếu các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Cách thức bổ quy tắc: Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền theo quy định tại điều 18 nội lệ Công ty trực tiếp có mặt với cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phụ lục quy tắc trình bày quy định tại mục 11.2. khoản 11 điều 32 nội lệ Công ty (thành

viên có hoc ng i liên quan t i thành viên ó có l i ích và l i ích ó mâu thu n hoc có th mâu thu n v i l i ích c a Công ty trong n i dung bi u quy t).

4. Cách th c thông qua ngh quy t c a H i ng qu n tr : H i ng qu n tr thông qua các quy t nh và ra ngh quy t trên c s a s thành viên H i ng qu n tr đ h p tán thành. Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H i ng qu n tr là phi u quy t nh.

5. Biên b n h p H i ng qu n tr ph i c l p chi ti t và rõ ràng, Ch t a cu c h p và ng i ghi biên b n ph i ký tên vào biên b n cu c h p, Biên b n h p H i ng qu n tr ph i c l u gi theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

6. Ngh quy t H i ng qu n tr ph i c ng trên website c a Công ty ch m nh t 03 ngày k t ngày h p.

i u 6. c , ng c , b u, mi n nhi m và bãi nhi m Ki m soát viên

1. Tiêu chu n Ki m soát viên;

1.1. Ki m soát viên ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1 i u 169 Lu t doanh nghi p và không thu c các tr ng h p sau:

a) Làm vi c trong b ph n k toán, tài chính c a công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên c a t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a công ty trong 03 n m li n tr c ó.

1.2. Tr ng ban ki m soát ph i có b ng t t nghi p i h c tr lên thu c m t trong các chuyên ngành kinh t , tài chính, k toán, ki m toán, lu t, qu n tr kinh doanh hoc chuyên ngành có liên quan n ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p.

2. Cách th c c ông, nhóm c ông ng c , c ng i vào v trí Ki m soát viên:

C ông áp ng i u ki n có th ng c b u ki m soát viên.

- Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau thành nhóm c ông c các ng viên b u vào Ban ki m soát.

C ông hoc nhóm c ông n m gi t 10% n d i 30% c c c t i a m t (01) ng viên; t 30% n d i 50% c c c t i a hai (02) ng viên; t 50% n d i 65% c c c t i a ba (03) ng viên; t 65% tr lên c c t i a s ng viên.

3. Cách th c b u Ki m soát viên: c quy inh nh b u thành viên H QT.

4. Vi c mi n nhi m, bãi nhi m Ki m soát viên th c hi n theo quy nh t i i u 174 Lu t Doanh nghi p.

5. Thông báo v b u, mi n nhi m, bãi nhi m Ki m soát viên ph i c công b ra công chúng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 7. Tiêu chu n l a ch n cán b qu n lý, i u hành doanh nghi p

1. Tiêu chu n c a Giám c và i u ki n làm Giám c tuân th theo quy

nh t i Kho n 5 i u 162 Lu t Doanh nghi p.

2. Tiêu chu n và i u ki n c b nhi m Phó Giám c:

a. Có n ng l c hành vi dân s và không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p.

b. Là ng i có trình chuyên môn trong m t ho c các l nh v c qu n lý kinh doanh c a Công ty, có n ng l c t ch c ch o và th c hi n các công vi c c giao trong l nh v c c phân công.

c. V trình :

- Ph i có trình chuyên môn trong m t ho c các l nh v c qu n lý kinh doanh c a Công ty t trình i h c tr lên.

- Th i gian công tác th c t trong m t ho c các l nh v c qu n lý kinh doanh c a Công ty ít nh t n m (05) n m tính n ngày c b nhi m.

3. Tiêu chu n và i u ki n b nhi m K toán tr ng, Tr ng phòng K toán- Th ng kê Công ty.

a. Không thu c các i t ng nh ng ng i không c làm k toán quy nh t i i u 51 Lu t K toán.

b. V ph m ch t o c: Có ph m ch t o c ngh nghi p, trung th c, liêm khi t, có ý th c ch p hành và u tranh b o v chính sách, ch , các quy nh v qu n lý kinh t , tài chính c a pháp lu t và c a công ty.

c. V trình :

- Ph i có trình chuyên môn, nghi p v v k toán t trình i h c tr lên.

- Th i gian công tác th c t là k toán ít nh t n m (05) n m tính n ngày c b nhi m.

- i v i K toán tr ng, ph i có ch ng ch k toán tr ng theo quy nh c a pháp lu t k toán.

4. Tiêu chu n và i u ki n b nhi m các cán b qu n lý khác (Tr ng, phó phòng ban; ban, b ph n)

Tiêu chu n và i u ki n b nhi m nh tiêu chu n và i u ki n b nhi m Phó Giám c.

i u 8. Trình t , th t c b nhi m cán b qu n lý, i u hành doanh nghi p

1. B nhi m Giám c:

Giám c do H i ng Qu n tr b nhi m. Các thành viên H i ng Qu n tr có th c ng c viên cho v trí Giám c ho c H i ng qu n tr ch n m t ng i khác làm Giám c. Tr ng h p có nhi u ng c viên thì H i ng Qu n tr có th xem xét, ph ng v n và th c hi n các công vi c khác (nh t i n hành th m dò ý ki n trong lãnh o ch ch t Công ty, ...) l a ch n ng i c b nhi m.

2. B nhi m Phó Giám c, K toán tr ng, Tr ng phòng K toán - Th ng kê và cán b qu n lý khác:

Các ch c v Phó Giám c, K toán tr ng, Tr ng phòng K toán - Th ng kê và cán b qu n lý khác do H i ng Qu n tr b nhi m trên c s xu t c a Giám c.

3. Thi h n (nhi m k) gi ch c v c a các ch c danh cán b qu n lý.

Nhi m k c a Giám c, Phó Giám c, K toán tr ng và cán b qu n lý khác do Hi ng qu n tr b nhi m là n m (05) n m và có th c tái b nhi m.

4. B nhi m l i ch c v c a cán b qu n lý, i u hành

a. Khi cán b qu n lý k t thúc thi h n gi ch c v , thì Hi ng qu n tr ph i xem xét b nhi m l i ho c không b nhi m l i. Hi ng qu n tr quy t nh tr c khi cán b k t thúc nhi m k ít nh t m t (01) tháng.

b. i u ki n b nhi m l i:

- Hoàn thành t t ch c trách, nhi m v c giao trong thi gian gi ch c v ;

- Ph m ch t o c t t;

- Không vi ph m pháp lu t, ch , chính sách Nhà n c và các quy nh c a Công ty;

- Có s c kho hoàn thành nhi m v ;

- c cán b , công nhân lao ng trong n v tín nhi m.

i u 9. Các tr ng h p mi n nhi m cán b qu n lý, i u hành doanh nghi p:

Cán b qu n lý, i u hành doanh nghi p vi ph m pháp lu t b án ph t t c i t o không giam gi tr lên ho c 2 n m li n không hoàn thành nhi m v thì b mi n nhi m.

Cán b qu n lý, i u hành doanh nghi p h t nhi m k qua th m dò ý ki n cho th y m c tín nhi m th p thì H QT xem xét không b nhi m l i n a.

i u 10. Ph i h p ho t ng gi a Hi ng qu n tr , Bahun ki m soát và Giám c g m các n i dung chính sau ây:

1. Th t c, trình t tri u t p, thông báo m i h p, ghi biên b n, thông báo k t qu h p gi a Hi ng qu n tr , Ban ki m soát và Ban giám c:

- Cu c h p gi a Hi ng qu n tr , Ban ki m soát và Ban giám c t ch c ít nh t 01 quý 01 l n. Ch t a cu c h p là ch t ch H QT.

- Gi y m i h p và tài li u cu c h p ph i c g i cho các thành viên trong thi h n ít nh t n m (05) ngày. Tài li u h p g m: Ch ng trình h p, thi gian, a i m, các tài li u liên quan.

- Biên b n cu c h p ph i c l p chi ti t và rõ ràng, Ch t a cu c h p, giám c, Ch t a ki m soát và ng i ghi biên b n ph i ký tên vào biên b n. Biên b n h p ph i c l u gi theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

- Biên b n cu c h p ph i c ng trên website c a Công ty ch m nh t 03 ngày k t ngày h p.

2. Giám c và Ban ki m soát có th ngh tri u t p h p Hi ng qu n tr khi th y có nh ng nguy c có th thi t h i n l i ích c a Công ty.

Giám c và Ban ki m soát có th xin ý ki n Hi ng qu n tr v i nh ng v n phát sinh ngoài th m quy n quy t nh c a mình theo i u l Công ty.

3. Giám c ph i báo cáo v i Hi ng qu n tr v vi c th c hi n nhi m v và quy nh n c giao v các n i dung sau:

- Ph ng án c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty;

- Xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;
- Ki n ngh s l ng và ng i i u hành doanh nghi p mà Công ty c n tuyền d ng H i ng qu n tr b nhi m ho c mi n nhi m theo quy ch n i b và ki n ngh thù lao, ti n l ng và l i ích khác i v i ng i i u hành doanh nghi p H i ng qu n tr quy t nh;

4. Hàng quý, t i cu c h p gi a H i ng qu n tr , Ban ki m soát và Ban giám c, Giám c ph i trình bày ki m i m, ánh giá vi c th c hi n ngh quy t c a H QT k tr c. Báo cáo ki m i m c n nêu rõ thu n l i khó kh n, thành tích, h n ch , bi n pháp phát huy, kh c ph c.

5. Các v n Giám c ph i báo cáo, cung c p thông tin và cách th c thông báo cho H i ng qu n tr , Ban ki m soát:

- Giám c có quy n quy t nh các bi n pháp v t th m quy n c a mình trong tr ng h p kh n c p (thiên tai, ch h a, h a ho n, s c b t ng ,...) nh ng ph i ch u trách nhi m v nh ng quy t nh ó. ng th i ph i báo cáo ngay v i H i ng Qu n tr trong th i gian g n nh t.

- Giám c ph i báo cáo gi i trình v s thua l và kém hi u qu t ng k trong n m và k ho ch kh c ph c trình H i ng Qu n tr và i h i ng c ông.

- Vi c ph i h p ho t ng ki m soát, i u hành, giám sát gi a các thành viên H i ng qu n tr , các ki m soát viên và Giám c c th nh sau:

H i ng qu n tr ch u s giám sát c a Ban ki m soát theo quy nh c a i u l Công ty và ph i t o i u ki n thu n l i cho Ban ki m soát th c thi nhi m v . H i ng qu n tr ho c cá nhân thành viên H i ng qu n tr có trách nhi m cung c p tài li u, gi i trình cho Ban ki m soát các v n c Ban ki m soát yêu c u.

Ban Ki m soát ph i th ng xuyên ph i h p v i H i ng qu n tr , thông báo v i H i ng qu n tr v k t qu ho t ng c a Ban Ki m soát; tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr tr c khi trình các báo cáo, k t qu và ki n ngh lên i h i ng c ông.

H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , Giám c, Phó Giám c, K toán tr ng và các cán b qu n lý khác ph i cung c p y và k p th i thông tin, tài li u v ho t ng kinh doanh c a Công ty theo yêu c u c a Ban Ki m soát, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

Giám c là ng i i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a công ty; ch u s giám sát c a H i ng Qu n tr và ch u trách nhi m tr c H i ng Qu n tr và tr c pháp lu t v th c hi n các quy n và nhi m v c giao. Giám c là ng i quy t nh cao nh t v m i ho t ng i u hành sản xu t c a Công ty là ng i ch u trách nhi m nghiê n c u, xây d ng các ph ng án ho t ng trình H i ng Qu n tr ; t ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông và H i ng Qu n tr

i u 11. Quy nh v ánh giá hàng n m i v i ho t ng khen th ng và k lu t i v i thành viên H i ng qu n tr , Ki m soát viên, Giám c và các ng i i u hành doanh nghi p khác:

1. Hàng n m, c n c vào ch c n ng, nhi m v c phân công, H i ng Qu n tr t ch c ánh giá m c hoàn thành nhi m v phân công c a t ng

thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc. Chức năng Kiểm soát tài chính đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát. Giám đốc chỉ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận của toàn công ty.

Vì các phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Giám đốc trình Hội đồng Quản trị (điều lệ ban hành) xuất mức khen thưởng và các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

a. Chế độ khen thưởng: Bằng tiền hoặc hiện vật theo chế độ trình lên cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

b. Nguồn kinh phí khen thưởng trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của công ty khi cần thiết.

c. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

3. Về kết quả và các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các bộ phận điều hành doanh nghiệp khác:

Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các bộ phận quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình vì sự cần thiết, miễn chức và ngừng làm chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm vụ như người thi thố do mình gây ra.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và các bộ phận quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại lớn lợi ích của Công ty, công nghệ khác thì bị trừng phạt theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ có thể nắm giữ thông tin có liên quan về công việc của mình phục vụ lợi ích của công ty và cá nhân.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch của công ty, công ty con, công ty do công ty nắm

chúng n m quy n ki m soát trên 50% tr lên v n i ul v i chính i t ng ó ho c v i nh ng ng i có liên quan c a i t ng ó theo quy nh c a pháp lu t. i v i các giao d ch nêu trên do i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n, công ty i chúng ph i th c hi n công b thông tin v các ngh quy t này theo quy nh c a pháp lu t ch ng khoán v công b thông tin.

4. Thành viên H i ng qu n tr không c bi u quy t i v i giao d ch mang l i l i ích cho thành viên ó ho c ng i có liên quan c a thành viên ó theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i ul công ty.

5. Thành viên H i ng qu n tr, thành viên Ban ki m soát, Giám c, ng i qu n lý khác và nh ng ng i có liên quan c a các i t ng này không c s d ng ho c ti t l cho ng i khác các thông tin n i b th c hi n các giao d ch có liên quan.

i u 13. Giao d ch v i ng i có liên quan

1. Khi ti n hành giao d ch v i ng i có liên quan, công ty ph i ký k t h p ng b ng v n b n theo nguyên t c bình ng, t nguy n.

2. Công ty áp d ng các bi n pháp c n thi t ng n ng a c ông và nh ng ng i có liên quan ti n hành các giao d ch làm th t thoát v n, tài s n ho c các ngu n l c khác c a công ty.

i u 14. Giao d ch v i c ông, ng i qu n lý doanh nghi p và ng i có liên quan c a các i t ng này

1. Công ty không c cung c p kho n vay ho c b o lãnh cho c ông là cá nhân và ng i có liên quan c a c ông ó là cá nhân, tr tr ng h p công ty i chúng là t ch c tín d ng.

2. Công ty không c cung c p kho n vay ho c b o lãnh cho c ông là t ch c và ng i có liên quan c a c ông ó là cá nhân, tr tr ng h p C ông là công ty con trong tr ng h p công ty con là công ty không có c ph n, ph n v n góp nhà n c n m gi và ã th c hi n góp v n, mua c ph n c a công ty i chúng tr c ngày 01 tháng 7 n m 2015.

3. Công ty không c cung c p kho n vay ho c b o lãnh cho ng i có liên quan c a c ông là t ch c, tr các tr ng h p sau ây:

a) Công ty và t ch c là ng i có liên quan c a c ông là các công ty trong cùng t p oàn ho c các công ty ho t ng theo nhóm công ty, bao g m công ty m - công ty con, t p oàn kinh t và giao d ch này ph i c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr thông qua theo quy nh t i i ul công ty;

b) Tr ng h p pháp lu t có quy nh khác.

4. Công ty ch c th c hi n các giao d ch sau ây khi ã c i h i ng c ông ch p thu n:

a) C p các kho n vay ho c b o lãnh cho thành viên H i ng qu n tr, thành viên Ban ki m soát, Giám c, ng i qu n lý khác không ph i là c ông và nh ng cá nhân, t ch c có liên quan c a các i t ng này;

Trình hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác mà Công ty chấp nhận. Các thành viên Ban Giám đốc và tất cả là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoặc theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, liên hệ công nghiệp hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định của luật công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tăng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị từ 35% trở lên tăng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một lần, giá trị khác nhau theo quy định của luật công ty và công ty liên quan và liên quan trong các điểm sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các điểm này;

- Công, người đi đầu quy định các công suất trên 10% tăng vốn chấp nhận thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan của các điểm quy định khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tăng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty và công suất 51% tăng số chấp nhận có quy định ưu tiên tăng hoặc người có liên quan của công ty.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tài chính khoản 4 điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tăng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc giá trị khác nhau theo quy định của luật công ty.

điều 15. Mối quan hệ pháp của người có quyền liên quan công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm và người có quyền liên quan của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và luật công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động, môi trường và xã hội.

điều 16. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin quan trọng và bất thường theo quy định của pháp luật kế toán và công bố thông tin cho công chúng và công chúng. Công ty liên quan phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nêu các thông tin có khả năng ảnh hưởng đến giá trị kế toán và những quy định của công ty và nhà đầu tư.

2. Cách thức công bố thông tin của công ty phải thực hiện theo quy định của pháp luật và luật công ty nhằm mục đích công khai và công chúng đầu tư của công ty.

m t cách công b ng. Ngôn ng trong công b thông tin c n rõ ràng, d hi u và tránh gây hi u l m cho c ông và công chúng u t .

đ i u 17. Báo cáo và công b thông tin v mô hình t ch c qu n lý và ho t ng công ty

Công ty ph i báo cáo y ban Ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán và công b thông tin v vi c thay i mô hình t ch c qu n lý và ho t ng trong th i h n 24 gi k t khi i h i ng c ông có quy t nh thay i.

đ i u 18. Báo cáo và công b thông tin v qu n tr công ty

1. Công ty ph i báo cáo v tình hình qu n tr công ty t i k h p i h i ng c ông th ng niên và công b thông tin trong Báo cáo th ng niên c a công ty theo quy nh c a pháp lu t ch ng khoán v công b thông tin.

2. Công ty có ngh a v báo cáo và công b thông tin v tình hình qu n tr công ty nh k 06 tháng theo quy nh c a pháp lu t ch ng khoán v công b thông tin.

đ i u 19. Công b thông tin v thu nh p c a thành viên H i ng qu n tr , Giám c

Thù lao c a t ng thành viên H i ng qu n tr và t i n l ng c a Giám c và ng i qu n lý khác ph i c th hi n thành m c riêng trong Báo cáo tài chính hàng n m c a công ty và ph i báo cáo i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên.

đ i u 20. Trách nhi m v báo cáo và công b thông tin c a thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c

Ngoài các trách nhi m theo quy nh t i đ i u 12 Quy ch này, thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c có trách nhi m báo cáo H i ng qu n tr , Ban ki m soát trong các tr ng h p sau:

1. Các giao d ch gi a công ty v i công ty mà các i t ng trên là thành viên sáng l p ho c là ng i qu n lý doanh nghi p trong th i gian 03 n m g n nh t tr c th i i m giao d ch.

2. Các giao d ch gi a công ty v i công ty trong ó ng i có liên quan c a các i t ng trên là thành viên H i ng qu n tr , Giám c ho c c ông l n.

đ i u 21. T ch c công b thông tin

1. Công ty ph i xây d ng và ban hành quy ch v công b thông tin c a công ty theo quy nh t i Lu t Ch ng khoán và các v n b n h ng d n.

2. Ng i i di n theo pháp lu t ho c ng i c y quy n công b thông tin c a công ty i chúng có trách nhi m sau:

a) Công b các thông tin c a công ty v i công chúng u t theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;

b) Công khai tên, s i n tho i làm vi c c ông có th d dàng liên h .

đ i u 22. đ i u kho n thi hành

Quy ch này bao g m 22 đ i u ã c i h i ng c ông thông qua

ngày .../.../2021. Vì các sự kiện, bổ sung quy chế trình và biểu quyết tại
đồng ý.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đồng ý thông
qua.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành,
Trưởng các phòng, ban, bộ phận thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ
chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên
toàn Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ

PH L C

QUY CH T CH C I H I NG C ÔNG TR C TUY N

(Ban hành kèm Quy ch qu n tr n i b v qu n tr Công ty ngày....tháng ...
n m 2021 c a H i ng qu n tr CTCP N c s ch B c Giang)

CH NG I NH NG QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi áp d ng

Quy ch này quy nh v vi c t ch c cu c h p i h i ng c ông tr c tuy n, c a Công ty c ph n N c s ch B c Giang (sau ây c g i t t là "Công ty N c s ch B c Giang").

Quy ch này quy nh c th quy n và ngh a v c a các bên tham gia i h i ng c ông tr c tuy n, i u ki n, th th c ti n hành i h i.

C ông và các bên tham gia có trách nhi m th c hi n theo các quy nh t i quy ch này.

i u 2. Gi i thích t ng

Trong quy ch này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

- **Cu c h p i h i ng c ông tr c tuy n (i h i tr c tuy n ho c i h i):** là cu c h p i h i ng c ông mà các c ông có quy n bi u quy t tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t .

- **Tài kho n truy c p:** là tên ng nh p và m t kh u c g i trong th m i h p cho c ông truy c p tham gia i h i tr c tuy n b phi u i n t .

- **B phi u i n t :** là vi c c ông th c hi n bi u quy t theo hình th c b phi u i n t thông qua internet b ng h th ng c xây d ng b i Công ty N c s ch B c Giang ho c cung c p b i Trung tâm L u ký Ch ng khoán Vi t Nam (sau ây g i là VSD) ho c n v khác cung c p d ch v b phi u i n t cho Công ty (sau ây g i t t là n v cung c p d ch v b phi u i n t).

i u 3: i u ki n t ch c i h i tr c tuy n

H i ng qu n tr có quy n quy t nh t ch c cu c h p i h i c ông theo hình th c tr c tuy n thay vì t ch c cu c h p i h i ng c ông theo hình th c g p m t tr c ti p n u ánh giá th y vi c t ch c cu c h p i h i ng c ông g p m t tr c ti p có th không th c hi n c do d ch b nh, quy t nh c a c quan qu n lý n c có th m quy n ho c các nguyên nhân b t kh kháng khác.

CH NG II QUY N VÀ NGH A V C A C ÔNG VÀ CÁC BÊN THAM D I H I TR C TUY N

i u 4. Quy n và ngh a v c a các c ông tham d i h i tr c tuy n

4.1 Công có quy n tham d i h i: Công là i di n pháp nhân, th nhân ho c i di n c ông, m t nhóm c ông s h u c ph n có quy n bi u quy t c a Công ty vào ngày ch t danh sách c ông c quy n tham gia i h i.

4.2 Công s c cung c p tài kho n truy c p qua th m i tham gia i h i và th c hi n vi c b phí u i n t . Tài kho n truy c p tham gia i h i và b phí u i n t có th s d ng cùng m t tài kho n ho c hai tài kho n riêng bi t.

4.3. Công c coi là tham d i h i khi áp ng c các i u ki n sau ây:

- Công có quy n tham d i h i tr c ti p tham d ho c y quy n cho ng i khác tham d i h i tr c tuy n và b phí u i n t các v n t i i h i.

- Th c hi n ng nh p vào h th ng qua tài kho n truy c p tham d h p tr c tuy n và bi u quy t thông qua b phí u i n t .

Các c ông không áp ng c các i u ki n tham d t i cu c h p i h i tr c tuy n c coi là không tham d i h i. T l c ông đ h p c tính b ng s c ông tham d i h i trên t ng s c ông có quy n tham d i h i.

4.4. Quy n và ngh a v c a c ông khi tham gia i h i tr c tuy n:

- Công ã tham d i h i c bi u quy t t t c các v n thu c th m quy n c a i h i theo quy nh c a pháp lu t và i u l t ch c và ho t ng c a Công ty theo hình th c b phí u i n t . Công có th theo dõi n i dung, di n bi n i h i thông qua h th ng phát truy n hình tr c tuy n c a Công ty và tham gia trao i, h i áp tr c tuy n v các v n t i i h i theo ch ng trình i h i ã c thông qua.

- Công ng nh p mu n sau khi i h i ã di n ra có quy n tham gia và bi u quy t ngay i v i nh ng n i dung ch a bi u quy t, nh ng hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành s không b nh h ng.

- Công có trách nhi m b o m t tên truy c p, m t kh u và các y u t nh danh khác c cung c p tham d i h i m b o r ng ch có c ông m i có quy n th c hi n vi c b phí u trên h th ng b phí u i n t . Công công nh n k t qu b phí u thông qua h th ng b phí u i n t do n v cung c p đ ch v b phí u i n t cung c p.

i u 5. Quy n và ngh a v c a Ban h tr c ông

Ban h tr c ông g m m t (01) Ch t a và các y viên khác do i h i bi u quy t thông qua.

Ban h tr c ông có các nhi m v :

- Ti p nh n khi u n i và h tr gi i áp các v n c ông g p ph i trong quá trình ng nh p tham gia i h i tr c tuy n và b phí u i n t .

- Ti p nh n ý ki n phát bi u c a c ông qua khung chat tr c tuy n chuy n cho oàn Ch t ch.

Điểm 6. Quy định và nghĩa vụ của Ban bầu cử và kiểm phiếu

Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm 01 Chủ tịch và các ủy viên khác do Hội đồng bầu cử quy định thông qua.

Ban bầu cử và kiểm phiếu có các nhiệm vụ:

- Kiểm tra, giám sát việc bầu cử của các cử động;
- Tiếp nhận kết quả kiểm phiếu và tiến hành kiểm tra kết quả bầu cử;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả;
- Giao Ủy ban Bầu cử và toàn thể cử tri ghi nhận việc bầu cử cho Chủ tịch Hội đồng bầu cử.

Điểm 7. Quy định và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch gồm 01 Chủ tịch và các thành viên do Hội đồng bầu cử quy định thông qua.

Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ Chủ trì Hội đồng bầu cử; Hướng dẫn các cử tri và Hội đồng bầu cử; Trình dự thảo, kết luận nghị quyết của Hội đồng bầu cử quy định; Trình Ủy ban Bầu cử do Hội đồng bầu cử yêu cầu.

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể trung dân chủ, tiến hành Hội đồng bầu cử cách hợp lý, có trách nhiệm và phản ánh đúng mong muốn của cử động, Hội đồng bầu cử tham gia.

Điểm 8. Quy định và nghĩa vụ của Ban thanh ký

Ban thanh ký gồm 01 Trưởng ban và các thành viên. Ban thanh ký có các nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Hội đồng bầu cử và nghị quyết của Hội đồng bầu cử thông qua hoặc còn lưu ý Hội đồng bầu cử;
- Soạn thảo Biên bản họp Hội đồng bầu cử và các Nghị quyết và các văn bản của Hội đồng bầu cử thông qua Hội đồng bầu cử;
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Hội đồng bầu cử và thông báo của Đoàn Chủ tịch về các cử động khi cần yêu cầu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH HỘI ĐỒNG BẦU CỬ

Điểm 9. Tiến hành Hội đồng bầu cử

Hội đồng bầu cử tiến hành khi có sự cử động đã tham gia họp Hội đồng bầu cử trên 50% tổng số cử tri bầu cử theo danh sách cử động của địa phương tiến hành.

Điểm 10. Cách thức tiến hành Hội đồng bầu cử

10.1 Hội đồng bầu cử diễn ra trong 1/2 ngày.

10.2 Hội đồng bầu cử tiến hành thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Hội đồng bầu cử.

i u 11. Phát bi u ý ki n trong i h i

i v i c ông tham d i h i tr c tuy n, b phi u i n t : c ông có th óng góp ý ki n, phát bi u v các n i dung c a i h i thông qua màn hình tr c tuy n khi có yêu c u và c oàn Ch t ch i h i m i phát bi u ho c chat v i Ban h tr i h i. Ban h tr i h i s chuy n cho Ch t a x lý. M i c ông phát bi u không quá 3 phút, n i dung c n ng n g n, tránh trùng l p.

i u 12. Nguyên t c c ông tham gia b phi u

12.1 Nguyên t c chung:

T t c các v n trong ch ng trình ngh s c a i h i u phi c thông qua b ng cách l y ý ki n bi u quy t c a c ông b ng hình th c B phi u i n t tính theo s c ph n s h u và i di n. M i c ông c c p quy n bi u quy t theo s c ph n c bi u quy t (s h u và i di n) c a c ông.

12.2 Ph ng th c bi u quy t:

Các v n sau ây c thông qua b ng hình th c B phi u i n t theo ph ng th c có ý ki n ng ý, không ng ý ho c không có ý ki n i v i t ng v n : Thông qua oàn Ch t ch, Ban Th ký, Ban Ki m phi u; Thông qua Ch ng trình i h i; Thông qua Quy ch i h i, Th l bi u quy t, Th l b u c ; Thông qua Ngh quy t i h i; Thông qua các quy t nh c t i i h i....

12.3. Ph ng th c b u c :

V i c b u c Thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát c a Công ty c th c hi n b ng hình th c B phi u i n t theo ph ng th c b u d n phi u.

M i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i T ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát do i h i thông qua.

i u 13. Th c hi n b phi u i n t

Trong tr ng h p tài kho n truy c p cho h th ng b phi u i n t chung v i tài kho n truy c p tham d i h i: C ông th c hi n xem các thông tin liên quan n t b phi u ã c ng t i trên h th ng và th c hi n quy t nh b phi u theo t ng n i dung c n bi u quy t.

Trong tr ng h p tài kho n truy c p cho h th ng b phi u i n t riêng v i tài kho n truy c p tham d i h i: C ông s d ng tài kho n truy c p cho h th ng b phi u i n t tr c ti p ng nh p vào h th ng b phi u i n t xem các thông tin liên quan n t b phi u ã c ng t i trên h th ng và th c hi n quy t nh b phi u theo t ng n i dung c n bi u quy t.

i u 14. K t qu b phi u i n t

14.1. K t qu b phi u i n t trong th i gian th c hi n b phi u i n t c th ng kê và tính toán b i n v cung c p d ch v b phi u i n t ho c h th ng ph n m m c a Công ty N c s ch B c Giang.

14.2. Ban B u c và ki m phi u là ng i ti p nh n các thông tin k t qu b phi u i n t t ng h p k t qu b phi u.

i u 15. Thông qua Quy t nh c a cu c h p i h i

15.1. Các ngh quy t v các n i dung trình i h i ng c ông c thông qua khi c s c ông i di n trên 50% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p tán thành, tr tr ng h p quy nh t i kho n 2 và kho n 3 i u này.

15.2. Các ngh quy t v các n i dung sau ây c thông qua n u c s c ông i di n t 65% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p tán thành:

- a) Thay i ngành, ngh và l nh v c kinh doanh.
- b) Lo i c phi u và s l ng c phi u c chào bán
- c) Vi c t ch c l i hay gi i th doanh nghi p
- d) Giao d ch mua, bán tài s n Công ty ho c các chi nhánh th c hi n có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty tính theo Báo cáo tài chính k g n nh t c ki m toán
- e) Các tr ng h p khác theo quy nh t i i u 1 Công ty

15.3. Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr /Ban Ki m soát th c hi n theo ph ng th c b u d n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr /Ban Ki m soát và c ông có quy n d n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên.

Ng i trúng c thành viên H i ng qu n tr /Ban Ki m soát c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên c i h i thông qua. Tr ng h p có t 02 ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ng qu n tr /Ban Ki m soát thì s t i n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí t i quy ch b u c .

i u 16. Biên b n cu c h p i h i

16.1 Cu c h p i h i phi c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t, có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài và có các n i dung ch y u sau ây:

- f) Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- g) Th i gian và a i m h p i h i;
- h) Ch ng trình và n i dung cu c h p;

i) Họ, tên chữ hoa và họ ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu liên quan trong nội dung chương trình họp;

e) Số công và tổng số phiếu biểu quyết của các công đồng hợp, phần danh sách ký công, địa điểm công đồng hợp và số phiếu biểu quyết;

g) Tổng số phiếu biểu quyết liên quan biểu quyết, trong đó ghi rõ phần hợp lệ biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tất cả tổng hợp trên tổng số phiếu biểu quyết của công đồng hợp;

h) Các văn bản thông qua và tất cả phiếu biểu quyết thông qua tổng hợp;

i) Chữ ký của chủ tọa và họ ký.

16.2. Biên bản họp liên tịch hoàn thành xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

16.3. Đoàn chủ tọa và Ban thư ký liên tịch chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản liên tịch.

Biên bản họp liên tịch công bố công trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, vì công bố Biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin liên lạc của Công ty.

Biên bản họp liên tịch, phần danh sách công đồng ký họp, nghị quyết văn bản thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp liên tịch gửi tất cả các chính của Công ty.

Điều 17. Trường hợp tổ chức họp liên tịch không thành công

17.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không liên tịch thì liên tịch hành theo quy định của Điều 9 Quy chế này thì cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ nhất. Cuộc họp của liên tịch lần thứ hai chỉ liên tịch hành khi có số công đồng hợp địa điểm ít nhất 33% tổng số phiếu có quyền biểu quyết;

17.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không liên tịch thì liên tịch hành theo quy định của khoản 1 Điều này thì cuộc họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày diễn ra họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của liên tịch chỉ liên tịch hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các công đồng hợp.

CHƯƠNG IV

I. ƯU KHUẨN KHÁC

Điều 18. Số danh dự bầu phiếu liên tịch VSD

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Bắc Giang lựa chọn số danh dự bầu phiếu liên tịch VSD, Quy chế hướng dẫn thực hiện bầu phiếu liên tịch theo

m u c a VSD s i u ch nh vi c b phi u i n t t i i h i tr c tuy n c a Công ty N c s ch B c Giang. N u có các n i dung không th ng nh t gi a Quy ch này và Quy ch h ng d n th c hi n b phi u i n t theo m u c a VSD, n i dung t i Quy ch h ng d n th c hi n b phi u i n t theo m u c a VSD s c u tiên áp d ng.

i u 19. Hi u l c thi hành

19.1. Quy ch này g m 4 ch ng, 19 i u và có hi u l c vào ngày ký quy t nh ban hành.

19.2. Công, t ch c i di n và các cá nhân, t ch c tham gia i h i tr c tuy n c a Công ty có trách nhi m th c hi n theo Quy ch này.

**CÔNG TY C PH N
N C S CH B C GIANG**

Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN
NCS CHB C GIANG**

Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quy định áp dụng nội bộ công ty nội dung chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
Căn cứ nội quy công ty cổ phần NCS CHB C Giang;
Căn cứ Nghị quyết nội bộ công ty ... ngày... tháng... năm...
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần NCS CHB C Giang.
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần NCS CHB C Giang bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và nội dung áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định về công tác nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quy định, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nội bộ công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, nội quy công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm tập thể nội bộ công ty, thực hiện pháp luật và các quy định, quy định của Hội đồng quản trị vì sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) thực hiện hành thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến các quy định theo quy định của Luật Công ty, pháp luật liên quan và điều lệ công ty, trong đó có quy định cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;

b) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ về Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tất cả những giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên với điều kiện thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có liên quan của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các nhân viên trong Công ty.

2. Người quản lý có yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể

b u l i v i s n h i m k k h o n g h n c h . M t c á n h â n c h c b u l à m t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c l p c a m t c o n g t y k h o n g q u á 0 2 n h i m k l i ê n t c .

3. T r n g h p t t c t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c ù n g k t t h ú c n h i m k t h i c á c t h à n h v i ê n ó t i p t c l à t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c h o n k h i c ó t h à n h v i ê n m i c b u t h a y t h v à t i p q u n c o n g v i c , t r t r n g h p i u l c o n g t y c ó q u y n h k h á c .

4. i u l c o n g t y q u y n h c t h s l n g , q u y n , n g h a v , c á c h t h c t c h c v à p h i h p h o t n g c a c á c t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c l p .

i u 6. T i ê u c h u n v à i u k i n t h à n h v i ê n H i n g q u n t r

1. T h à n h v i ê n H i n g q u n t r p h i á p n g c á c t i ê u c h u n v à i u k i n s a u â y :

a) K h o n g t h u c i t n g q u y n h t i k h o n 2 i u 1 7 L u t D o a n h n g h i p ;

b) C ó t r i n h c h u y ê n m ô n , k i n h n g h i m t r o n g q u n t r k i n h d o a n h h o c t r o n g l n h v c , n g à n h , n g h k i n h d o a n h c a C o n g t y v à k h o n g n h t t h i t p h i l à c o n g c a C o n g t y , t r t r n g h p i u l c o n g t y c ó q u y n h k h á c ;

c) T h à n h v i ê n H i n g q u n t r C o n g t y c ó t h n g t h i l à t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c a c o n g t y k h á c ;

d) T h à n h v i ê n H i n g q u n t r k h o n g c l à n g i c ó q u a n h g i a ì n h c a G i á m c (T n g g i á m c) v à n g i q u n l ý k h á c c a c o n g t y ; c a n g i q u n l ý , n g i c ó t h m q u y n b n h i m n g i q u n l ý c o n g t y m ;

) T i ê u c h u n v à i u k i n k h á c t h e o i u l c o n g t y .

2. T h à n h v i ê n H i n g q u n t r c l p t h e o q u y n h t i i m b k h o n 1 i u 1 3 7 L u t D o a n h n g h i p p h i á p n g c á c t i ê u c h u n v à i u k i n s a u â y :

a) K h o n g p h i l à n g i a n g l à m v i c c h o C o n g t y , c o n g t y m h o c c o n g t y c o n c a C o n g t y ; k h o n g p h i l à n g i ã t n g l à m v i c c h o C o n g t y , c o n g t y m h o c c o n g t y c o n c a C o n g t y í t n h t t r o n g 0 3 n m l i n t r c ó ;

b) K h o n g p h i l à n g i a n g h n g l n g , t h ù l a o t c o n g t y , t r c á c k h o n p h c p m à t h à n h v i ê n H i n g q u n t r c h n g t h e o q u y n h ;

c) K h o n g p h i l à n g i c ó v h o c c h n g , b , b n u ô i , m , m n u ô i , c o n , c o n n u ô i , a n h r u t , c h r u t , e m r u t l à c o n g l n c a C o n g t y ; l à n g i q u n l ý c a C o n g t y h o c c o n g t y c o n c a C o n g t y ;

d) K h o n g p h i l à n g i t r c t i p h o c g i á n t i p s h u í t n h t 0 1 % t n g s c p h n c ó q u y n b i u q u y t c a C o n g t y ;

) K h o n g p h i l à n g i ã t n g l à m t h à n h v i ê n H i n g q u n t r , B a n k i m s ó á t c a C o n g t y í t n h t t r o n g 0 5 n m l i n t r c ó , t r t r n g h p c b n h i m l i ê n t c 0 2 n h i m k ;

e) T i ê u c h u n v à i u k i n k h á c t h e o i u l c o n g t y .

3. T h à n h v i ê n c l p H i n g q u n t r p h i t h o n g b á o v i H i n g q u n t r v

việc không còn áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 điều này và
nếu không còn là thành viên của Hội đồng quản trị kể từ ngày không áp
dụng các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản thành
viên của Hội đồng quản trị không còn áp dụng các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc
họp tiếp theo của Hội đồng quản trị hoặc triệu tập họp tiếp theo của Hội đồng quản
trị hoặc thay thế thành viên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ
ngày nhận được thông báo của thành viên của Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chức năng Hội đồng quản trị

1. Chức năng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm
trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chức năng Hội đồng quản trị Công ty không bao gồm Giám đốc (Tổng giám
đốc).

3. Chức năng Hội đồng quản trị có quy định và nội dung sau đây:

a) Lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và
làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng
quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp tiếp theo của Hội đồng;

f) Quy định và nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công
ty.

4. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị có nội dung cho các bãi miễn, Hội
đồng quản trị phải báo cáo thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được
cho các bãi miễn. Trường hợp Chức năng Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể
thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải yêu cầu bổ sung thành viên
khác thực hiện quy định và nội dung của Chức năng Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy
định tại điều lệ công ty. Trường hợp không có người yêu cầu bổ sung Hội đồng
quản trị chủ tịch, bất đồng, vắng mặt hành hình phạt tù, vắng mặt hành
bình pháp xử lý hành chính tức sẽ cai nghiện bắt buộc, các giáo dục bắt buộc, trốn
khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận
thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấp miễn nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công
việc nhất định thì các thành viên còn lại bổ sung trong số các thành viên giữ chức
Chức năng Hội đồng quản trị theo nguyên tắc của thành viên còn lại tán thành cho đến khi
có quyết định miễn chức vụ Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thẩm ký công ty.
Thẩm ký công ty có quy định và nội dung sau đây:

a) H tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ; ghi chép các biên b n h p;

b) H tr thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n quy n và ngh a v c giao;

c) H tr H i ng qu n tr trong áp d ng và th c hi n nguyên t c qu n tr công ty;

d) H tr Công ty trong xây d ng quan h c ông và b o v quy n, l i ích h p pháp c a c ông; vi c tuân th ngh a v cung c p thông tin, công khai hóa thông tin và th t c hành chính;

) Quy n và ngh a v khác theo quy nh t i i u l công ty.

i u 8. Mi n nhi m, b i nhi m, thay th và b sung thành viên H i ng qu n tr

1. i h i ng c ông mi n nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

a) Không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 155 Lu t Doanh nghi p;

b) Có n t ch c và c ch p thu n;

c) B r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d) Không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr trong vòng sáu (06) tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;

) Theo quy t nh c a i h i ng c ông;

e). Cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng viên H i ng qu n tr ;

f) Tr ng h p khác quy nh t i i u l công ty.

2. i h i ng c ông b i nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

a) Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong 06 tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;

b) Tr ng h p khác quy nh t i i u l công ty.

3. Khi xét th y c n thi t, i h i ng c ông quy t nh thay th thành viên H i ng qu n tr ; mi n nhi m, b i nhi m thành viên H i ng qu n tr ngoài tr ng h p quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u này.

4. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b u b sung thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

a) S thành viên H i ng qu n tr b gi m quá m t ph n ba so v i s quy nh t i

đi ul công ty. Tr ng h p này, H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 60 ngày k t ngày s thành viên b gi m quá m t ph n ba;

b) S l ng thành viên c l p H i ng qu n tr gi m xu ng, không b o m t l theo quy nh t i i m b kho n l i u 137 Lu t doanh nghi p;

c) Tr tr ng h p quy nh t i i m a và i m b kho n này, i h i ng c ông b u thành viên m i thay th thành viên H i ng qu n tr ã b m i n nhi m, b i nhi m t i cu c h p g n nh t.

i u 9. Cách th c b u, m i n nhi m, b i nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng i vào H i ng qu n tr. Tr ng h p i ul công ty không có quy nh khác thì vi c c ng i vào H i ng qu n tr th c hi n nh sau:

a) Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông đ h p bi t tr c khi khai m c i h i ng c ông;

b) C n c s l ng thành viên H i ng qu n tr, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr và các c ông khác c .

C ông ho c nhóm c ông n m gi t 10% n d i 20% c c t i a m t (01) ng viên; t 20% n d i 30% c c t i a hai (02) ng viên; t 30% n d i 40% c c t i a ba (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 65% c c t i a n m (05) ng viên; t 65% tr lên c c t i a s ng viên.

2. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i ul công ty, Quy ch n i b v qu n tr công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr. Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.

3. Tr ng h p i ul công ty không quy nh khác, vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr ph i th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr và c ông có quy n đ n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên. Ng i trúng c thành viên

Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bắt đầu từ các viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định của Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên thì cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì số tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quy định theo nguyên tắc bầu phiu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định các ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Hội đồng trên trang thông tin internet của Công ty. Công ty có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bầu phiu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân về công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị về công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty;
- g) Công ty mà chúng tôi có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hiện hành của Công ty về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quy định, thực hiện quy định và nghĩa vụ của công ty, thực hiện các quy định và nghĩa vụ thu

th m quy n c a i h i ng c ông.

2. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l công ty và i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và ngh a v sau:

a) Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh h ng n m c a Công ty;

b) Ki n ngh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i;

c) Quy t nh bán c ph n ch a bán trong ph m vi s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i; quy t nh huy ng thêm v n theo hình th c khác;

d) Quy t nh giá bán c ph n và trái phi u c a Công ty;

e) Quy t nh mua l i c ph n theo quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u 133 Lu t Doanh nghi p;

f) Quy t nh ph ng án ut và d án ut trong th m quy n và gi i h n theo quy nh c a pháp lu t;

g) Quy t nh gi i pháp phát tri n th tr ng, ti p th và công ngh ;

h) Thông qua h p ng mua, bán, vay, cho vay và h p ng, giao d ch khác có giá tr t 35% t ng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty, và h p ng, giao d ch thu c th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông theo quy nh t i i m d kho n 2 i u 138, kho n 1 và kho n 3 i u 167 Lu t Doanh nghi p;

i) B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; b nhi m, mi n nhi m, ký k t h p ng, ch m d t h p ng i v i Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý quan tr ng khác do i u l công ty quy nh; quy t nh ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i di n theo y quy n tham gia H i ng thành viên ho c i h i ng c ông công ty khác, quy t nh m c thù lao và quy n l i khác c a nh ng ng i ó;

j) Giám sát, ch o Giám c ho c T ng giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty;

k) Quy t nh c c ut ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty, quy t nh thành l p công ty con, chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;

l) Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua ngh quy t;

m) Trình báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;

n) Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;

q) Quy t ̣nh ban hành Quy ch ̣h o t ̣ng H ̣i ̣ng qu n tr ̣, Quy ch ̣n i b ̣ v qu n tr ̣ công ty sau khi ̣ c ̣ i h ̣ i ̣ng c ̣ ông thông qua; quy t ̣nh ban hành Quy ch ̣h o t ̣ng c a ̣ y ban ki m toán tr ̣ c thu c H ̣i ̣ng qu n tr ̣, Quy ch ̣ v công b thông tin c a Công ty;

r) Quy n và ngh a v ̣ khác theo quy ̣nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ̣ng khoán, quy ̣nh khác c a pháp lu t và ̣ i u l ̣ công ty.

3. H ̣i ̣ng qu n tr ̣ thông qua ngh quy t, quy t ̣nh b ng bi u quy t t i cu c h p, l y ý ki n b ng v n b n ho c hình th c khác đ ̣ i u l ̣ công ty quy ̣nh. M i thành viên H ̣i ̣ng qu n tr ̣ có m t phi u bi u quy t.

4. Tr ̣ng h p ngh quy t, quy t ̣nh do H ̣i ̣ng qu n tr ̣ thông qua trái v i quy ̣nh c a pháp lu t, ngh quy t i h ̣ i ̣ng c ̣ ông, ̣ i u l ̣ công ty gây thi t h i cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t, quy t ̣nh ó ph i cùng liên i ch u trách nhi m cá nhân v ̣ ngh quy t, quy t ̣nh ó và ph i n bù thi t h i cho Công ty; thành viên ph n i thông qua ngh quy t, quy t ̣nh nói trên c mi n tr trách nhi m. Tr ̣ng h p này, c ̣ ông c a Công ty có quy n yêu c u Tòa án ình ch th c hi n ho c h y b ngh quy t, quy t ̣nh nói trên.

̣ i u 12. Nhi m v ̣ và quy n h n c a H ̣i ̣ng qu n tr ̣ trong v i c phê duy t, ký k t h p ̣ng giao d ch

1. H ̣i ̣ng qu n tr ̣ ch p thu n các h p ̣ng, giao d ch có giá tr nh h n 35% ho c giao d ch đ n n t ng giá tr giao d ch phát sinh trong vòng 12 tháng k t ngày th c hi n giao d ch u tiên có giá tr nh h n 35% t ng giá tr tài s n ghi trên báo cáo tài chính g n nh t ho c m t t l , giá tr khác nh h n theo quy ̣nh t i ̣ i u l ̣ công ty gi a Công ty v i m t trong các ̣ i t ̣ng sau:

- Thành viên H ̣i ̣ng qu n tr ̣, thành viên Ban ki m soát, T ̣ng giám ̣c (Giám c), ng ̣ i qu n lý khác và ng ̣ i có liên quan c a các ̣ i t ̣ng này;
- C ̣ ông, ng ̣ i i di n y quy n c a c ̣ ông s h u trên 10% t ng v n c ph n ph thông c a Công ty và nh ng ng ̣ i có liên quan c a h ;
- Doanh nghi p có liên quan n các ̣ i t ̣ng quy ̣nh t i kho n 2 ̣ i u 164 Lu t Doanh nghi p.

2. Ng ̣ i i di n Công ty ký h p ̣ng, giao d ch ph i thông báo cho thành viên H ̣i ̣ng qu n tr ̣, thành viên Ban ki m soát v ̣ các ̣ i t ̣ng có liên quan i v i h p ̣ng, giao d ch ó và g i kèm theo đ th o h p ̣ng ho c n i dung ch y u c a giao d ch. H ̣i ̣ng qu n tr ̣ quy t ̣nh v i c ch p thu n h p ̣ng, giao d ch trong th i h n 15 ngày k t ngày nh n c thông báo, tr tr ̣ng h p i u l ̣ công ty quy ̣nh m t th i h n khác; thành viên H ̣i ̣ng qu n tr ̣ có l i ích liên quan n các bên trong h p ̣ng, giao d ch không có quy n bi u quy t.

̣ i u 13. Trách nhi m c a H ̣i ̣ng qu n tr ̣ trong v i c tri u t p h p i h i

ng c ồng b t th ng

1. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ồng b t th ng trong các tr ng h p sau:

a) H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;

b) S l ng thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;

c) Theo yêu c u c a c ồng ho c nhóm c ồng quy nh t i kho n 2 i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ồng ph i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ồng liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ồng có liên quan;

d) Theo yêu c u c a Ban ki m soát;

. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

2. Tri u t p h p i h i ng c ồng b t th ng

Tr tr ng h p i u l công ty có quy nh khác, H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ồng trong th i h n 30 ngày k t ngày s l ng thành viên H i ng qu n tr , thành viên c l p H i ng qu n tr ho c thành viên Ban Ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh t i i u l công ty ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m c và i m đ kho n l i u này;

3. Ng i tri u t p h p i h i ng c ồng ph i th c hi n các công vi c sau ây:

a) L p danh sách c ồng có quy n đ h p;

b) Cung c p thông tin và gi i quy t khi u n i liên quan n danh sách c ồng;

c) L p ch ng trình và n i dung cu c h p;

d) Chu n b tài li u cho cu c h p;

) Đ th o ngh quy t c a i h i ng c ồng theo n i dung đ ki n c a cu c h p; danh sách và thông tin chi ti t c a các ng c viên trong tr ng h p b u thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát;

e) Xác nh th i gian và a i m h p;

g) G i thông báo m i h p n t ng c ồng có quy n đ h p theo quy nh Lu t doanh nghi p;

h) Các công vi c khác ph c v cu c h p.

i u 14. Các ti u ban giúp vi c H i ng qu n tr .

1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b , qu n lý r i ro. S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh có t i thi u là 03 ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên c l p H i ng qu n tr /thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chi m a s trong ti u ban và

m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr . Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban.

2. Vì c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l công ty, Quy ch n i b v qu n tr công ty.

Ch ng IV **CU C H P H I NG QU N TR**

i u 15. Cu c h p H i ng qu n tr

1. Ch t ch H i ng qu n tr c b u trong cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p và ch trì. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u ho c t l phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n 01 ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr ph i h p ít nh t m i quý 01 l n và có th h p b t th ng.

3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:

- a) Có ngh c a Ban ki m soát ho c thành viên c l p H i ng qu n tr ;
- b) Có ngh c a Giám c ho c T ng giám c ho c ít nh t 05 ng i qu n lý khác;
- c) Có ngh c a ít nh t 02 thành viên H i ng qu n tr ;
- d) Tr ng h p khác do i u l công ty quy nh.

4. Ngh quy nh t i kho n 3 i u này ph i c l p thành v n b n, trong ó nêu rõ m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .

5. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 3 i u này. Tr ng h p không tri u t p h p H i ng qu n tr theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; ng i ngh có quy n thay th Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .

6. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t là 05 ngày làm vi c tr c ngày h p. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và

quy tnh. Thông báo m i h p ph i kèm theo tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.

Thông báo m i h p H i ng qu n tr có th g i b ng gi y m i, i n tho i, fax, ph ng ti n i n t ho c ph ng th c khác do i u l công ty quy nh và b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i Công ty.

7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các thành viên Ban Ki m soát nh i v i các thành viên H i ng qu n tr .

Thành viên Ban Ki m soát có quy n d các cu c h p H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.

8. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tr lên d h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i kho n này không s thành viên d h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n 07 ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr d h p.

9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:

a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;

b) y quy n cho ng i khác n d h p và bi u quy t theo quy nh t i kho n 11 i u này;

c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;

d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t ;

10. Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì dán kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t là 01 gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i d h p.

11. Thành viên ph i tham d y các cu c h p H i ng qu n tr . Thành viên c y quy n cho ng i khác d h p và bi u quy t n u c a s thành viên H i ng qu n tr ch p thu n.

12. Tr tr ng h p i u l công ty có quy nh t l khác cao h n, ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s thành viên d h p tán thành; tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H i ng qu n tr .

i u 17. Biên b n h p H i ng qu n tr

1. Các cu c h p H i ng qu n tr ph i c ghi biên b n và có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t và có th l p thêm

b) Nội dung nội dung ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Hội đồng, tên từng thành viên đại diện cho công ty quy định họp và cách thức đại diện; hội đồng, tên các thành viên không đại diện và lý do;
- e) Văn bản chào mời và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên đại diện theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ nội dung thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Văn bản thông qua và tài liệu quy định thông qua tại cuộc họp;
- i) Hội đồng, tên, chữ ký, chức vụ và người ghi biên bản, trình tự họp quy định tại khoản 2 điều này.

2. Trình tự họp của hội đồng, người ghi biên bản tại chỗ ký biên bản họp như sau:
a) Các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại các điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tịch, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản họp của hội đồng và nội dung ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trình tự họp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản họp của hội đồng và nội dung ngoài thì nội dung trong biên bản họp của hội đồng có giá trị áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng công báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 và khoản 1 điều này phải được gửi

Ban kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp hội đồng thành viên của công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 của Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có lực hiệu lực chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp hội đồng thành viên của công ty không quy định hình thức khác dài hạn. Công sở hợp phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quy định thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị đề tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do hội đồng thành viên quy định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, được ghi nhận thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo hội đồng thành viên tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vì lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tổ chức của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dựa trên những khoản tiền công trực tiếp theo từng lần, lần, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định thanh toán tất cả các chi phí lãi, nợ, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của hội đồng thành viên. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trên hợp phần Điều lệ công ty không có quy định khác chi tiết hơn, việc công khai

Lợi ích và nghĩa vụ có liên quan của Công ty thể hiện theo quy định như sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tài sản và thị giá của sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn đầu tư.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thể hiện công việc để hình thành trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty phải ghi rõ trình bày chi tiết, nội dung của công việc có liên quan đến Hội đồng quản trị và thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thể hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có liên quan thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau và vẫn có liên quan trong quá trình xử lý công việc của phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị của phân công chịu trách nhiệm chính phải chịu trách nhiệm phối hợp xử lý, nếu có vẫn liên quan đến lợi ích của do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc theo chế độ công lý của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải có lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc

bàn giao số.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Vì vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và công lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

I U KHO N THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoc tài liệu của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Núi Sành Bắc Giang bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..tháng..năm 2021

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỨC T CH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN NCS CHB C GIANG**

Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số quy định áp dụng trong công ty áp dụng chế độ kế toán chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần NCS CHB C Giang;
Căn cứ Nghị quyết nội bộ công ty ... ngày... tháng... năm...
Ban kiểm soát ban hành Quy chế tài chính và Ban kiểm soát Công ty cổ phần NCS CHB C Giang
Quy chế tài chính và Ban kiểm soát Công ty cổ phần NCS CHB C Giang bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tài chính và Ban kiểm soát quy định các nội dung, tiêu chuẩn, điều kiện, quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Tính áp dụng: Quy chế tài chính và Ban kiểm soát áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về pháp luật và các công việc, quy định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, nội quy công ty, nghị quyết hội đồng và các nghị quyết trong thành viên quy định và nghĩa vụ công giao.
2. Thành viên quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không lạm dụng quyền, chức vụ và sự đáng tin cậy, bí quyết, kỹ thuật kinh doanh, tài sản khác của Công ty để lợi ích cho mình hoặc lợi ích cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nội quy công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thành viên quy định và nghĩa vụ công giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 thành viên thường trú Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu thì thành viên Ban kiểm soát cũ tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc diện cấm theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Chưa có án hình phạt trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gần gũi với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là công nhân lao động của Công ty, trừ trường hợp là công ty có quy định khác;

e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Không được là người có quan hệ gần gũi của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đi làm phần vốn của doanh nghiệp, người đi làm phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

h) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều lệ công ty.

Điều 6. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát phải có bộ phận tổ chức lập kế hoạch trên thực tế trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan hoặc ngành kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp là công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc sau.

3. Quy định và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Các thành viên Ban kiểm soát

1. Công nhân nhóm công suất 10% trở xuống phải thông báo lên có quy định người vào Ban kiểm soát. Trường hợp là công ty không có quy định khác, việc cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các công nhân phải thông báo thành nhóm cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc lập nhóm cho các công nhân phải biết trước khi khai mạc hội đồng;

b) Các số lượng thành viên Ban kiểm soát, công nhân nhóm công nhân quy định tại khoản này quy định một hoặc một số người theo quy định của hội đồng công nhân làm thành viên Ban kiểm soát. Trường hợp số công nhân của công nhân nhóm công nhân thành phần số công nhân mà họ quy định theo quy định của hội đồng công nhân thì số công nhân còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các công nhân khác cử.

Công nhân nhóm công nhân dưới 10% và dưới 30% cử tối đa một (01) người; từ 30% và dưới 50% cử tối đa hai (02) người; từ 50% và dưới 65% cử tối đa ba (03) người; từ 65% trở lên cử tối đa sáu người.

2. Trường hợp số lượng công nhân Ban kiểm soát thông qua cử và người vốn không số lượng nhân sự theo quy định tại khoản 5 điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban

kiểm soát công nhân mới thi tuyển thêm công viên hoạt động theo quy định của pháp luật công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát công nhân mới thi tuyển thêm công viên phải công bố rõ ràng trước khi tiến hành công bố tuyển thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật công bố.

2. Trường hợp pháp luật công ty có quy định khác, việc bầu tuyển thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu cử phi tập trung, theo mô hình công bố tài sản phi tập trung và quy định về tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát và công bố quy định nội bộ của công ty. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát xác nhận theo sơ đồ bầu cử tính toán cao nhất, bất cứ công viên có sơ đồ bầu cử cao nhất cho đến khi sơ đồ thành viên quy định của pháp luật công ty. Trường hợp có từ 02 công viên trở lên cùng sơ đồ bầu cử nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì tiến hành bầu lại trong số các công viên có sơ đồ bầu cử ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của pháp luật công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Tiến hành công bố miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp;
- b) Có nợ thuế và chi phí thuế;
- c) Trường hợp khác do pháp luật công ty quy định.

2. Tiến hành công bố bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc phân công;
- b) Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tiếp, trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp và pháp luật công ty;
- d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật công bố.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định công viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các công viên từ 10 ngày trước ngày khai mạc họp tiến hành công bố trên trang thông tin internet của Công ty công bố có thể tìm hiểu về

các thành viên này trừ khi bị phiếu, các thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà các thành viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của các thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo và kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hợp thành, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính hợp lý, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định cho Hội đồng thành viên công ty. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công ty và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công ty.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quy định của Hội đồng công ty hoặc theo yêu cầu của công ty hoặc nhóm công ty quy định khi cần.

2. Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của công hoc nhóm công quy nh t i kho n 2 i u 115 Luật Doanh nghiệp, Ban ki m soát th c hi n ki m tra trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n 15 ngày k t ngày k t thúc ki m tra, Ban ki m soát ph i báo cáo v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng qu n tr và c công hoc nhóm công có yêu c u. Vi c ki m tra c a Ban ki m soát quy nh t i kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng c a H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh c a Công ty.

7. Ki n ngh H i ng qu n tr hoc i h i ng c công bi n pháp s a i, b sung, c i ti n c c u t ch c qu n lý, giám sát và i u hành ho t ng kinh doanh c a Công ty.

8. Khi phát hi n có thành viên H i ng qu n tr , Giám c hoc T ng Giám c vi ph m quy nh t i i u 165 Luật doanh nghiệp ph i thông báo ngay b ng v n b n cho H i ng qu n tr , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

9. Tham d và tham gia th o lu n t i các cu c h p i h i ng c công, H i ng qu n tr và các cu c h p khác c a Công ty.

10. S d ng t v n c l p, b ph n ki m toán n i b c a Công ty th c hi n nhi m v c giao.

11. Ban ki m soát có th tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr tr c khi trình báo cáo, k t lu n và ki n ngh lên i h i ng c công.

12. Ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty theo ng h c a c công.

13. Yêu c u H i ng qu n tr ph i tri u t p h p b t th ng i h i ng c công.

14. Thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c công trong th i h n 30 ngày trong tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c công theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Luật Doanh nghiệp.

15. ng Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr .

16. Xem xét, trích l c, sao chép m t ph n hoc toàn b n i dung kê khai Danh sách ng i có liên quan và l i ích có liên quan c kê khai quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u 164 Luật Doanh nghiệp.

17. xu t và ki n ngh i h i ng c công phê duy t danh sách t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính c a Công ty; t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t.

18. Ch u trách nhi m tr c c công v ho t ng giám sát c a mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, vi c tuân th pháp lu t c a thành viên H i ng qu n tr , Giám c (T ng Giám c), ng i qu n lý khác trong các ho t ng.

20. Ủy ban Phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các phòng ban.

21. Trường hợp phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người đại diện hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm và có giải pháp khắc phục kịp thời.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Hội đồng Quản trị thông qua.

23. Chức năng của Hội đồng Quản trị là kiểm tra và lập biên bản kiểm tra nội bộ của Hội đồng Quản trị yêu cầu trong trường hợp lý do cần thông báo bằng văn bản thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

24. Trường hợp Ban Kiểm soát đại diện Hội đồng Quản trị báo cáo Ủy ban Phát hiện hành vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nội quy công ty của Hội đồng Quản trị còn lại không báo cáo người làm chức vụ. Trường hợp này, người có thẩm quyền báo cáo làm chức vụ.

25. Thực hiện các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nội quy công ty và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

Điều 12. Quy định về cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát cùng thời gian và theo phương thức nội bộ của thành viên Hội đồng Quản trị, bao gồm:

a) Thông báo miệng, nội dung lý do thành viên Hội đồng Quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quy định và biên bản họp của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền nhân viên làm việc của Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, nội dung hành vi và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triển khai pháp luật và nội quy công ty

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng Quản trị triển khai pháp luật và nội quy công ty.

ng công trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp hội đồng công trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của công hoc nhóm công quy định khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường hội đồng công của Ban kiểm soát như Hội đồng quản trị không thực hiện, trường hợp điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp hội đồng công theo quy định thì Ban kiểm soát phải thực hiện phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp hội đồng công theo quy định khoản 1 điều này sẽ do Công ty hoàn lại.

Chương IV **CỦNG CHẾ BAN KIỂM SOÁT**

Điều 14. Chức năng của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên trong đó, số lượng thành viên tham dự phải ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và kế toán trưởng kiểm toán thực hiện tham dự và trình các vấn đề cần làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát phải chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải có lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát thực hiện công việc hàng năm bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) trình hội đồng công thông qua thực

h p i h i ng c ông th ng niên.

2. Báo cáo t ánh giá k t qu ho t ng c a Ban ki m soát và thành viên Ban ki m soát.

3. Thù lao, chi phí ho t ng và các l í ích khác c a Ban ki m soát và t ng thành viên Ban ki m soát.

4. T ng k t các cu c h p c a Ban ki m soát và các k t lu n, ki n ngh c a Ban ki m soát; k t qu giám sát tình hình ho t ng và tài chính c a Công ty.

5. Báo cáo ánh giá v giao d ch gi a Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty n m quy n ki m soát trên n m m i ph n tr m (50%) tr lên v n i u l v i thành viên H i ng qu n tr , Giám c (T ng Giám c) và nh ng ng i có liên quan c a thành viên ó; giao d ch gi a Công ty v i công ty trong ó thành viên H i ng qu n tr là thành viên sáng l p ho c là ng i qu n lý doanh nghi p trong th i gian 03 n m g n nh t tr c th i i m giao d ch.

6. K t qu giám sát i v i H i ng qu n tr , Giám c (T ng Giám c) và nh ng ng i i u hành doanh nghi p khác.

7. K t qu ánh giá s ph i h p ho t ng gi a Ban ki m soát v i H i ng qu n tr , Giám c (T ng Giám c) và các c ông.

8. xu t và ki n ngh i h i ng c ông phê duy t danh sách t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính c a Công ty; t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t.

i u 17. Tỉ n l ng và quy n l i khác

Tr ng h p i u l công ty không có quy nh khác, thì tỉ n l ng, thù lao, th ng và l í ích khác c a thành viên Ban ki m soát c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. Thành viên Ban ki m soát c tr tỉ n l ng, thù lao, th ng và l í ích khác theo quy t nh c a i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c tỉ n l ng, thù lao, th ng, l í ích khác và ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát.

2. Thành viên Ban ki m soát c thanh toán chi phí n, , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.

3. Tỉ n l ng và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, quy nh khác c a pháp lu t có liên quan và ph i c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty.

i u 18. Công khai các l í ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tuổi và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ liên quan hoặc làm chủ, cùng số hộ hoặc số hộ riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn đầu tư.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.

3. Thành viên Ban kiểm soát và nhà quản lý có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chức danh nhà quản lý thông tin có liên quan của mình phải công khai lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch của Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên nhóm mẹ là phần trăm (50%) trở lên vốn đầu tư và thành viên Ban kiểm soát hoặc viên nhà quản lý có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Hội đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy tắc này theo quy định của pháp luật kế toán và công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và nhà quản lý có liên quan của các thành viên này không được đồng ý hoặc đồng ý cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhà quản lý có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung mà không thể hiện trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người chịu trách nhiệm chung của Ban kiểm soát nhà quản lý không có quyền chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là một thực thể

hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ liên quan với Hội đồng quản trị Công ty, là một trong những chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

I. U KHÓA N THỰC HÀNH

Điều 22. Hình thức thực hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty được ban hành theo Quyết định số 07/2021/QĐ-HĐQT và có hiệu lực thực hành kể từ ngày..tháng..năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



I U L

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI SỬ CHỨC GIANG**

Bà Rịa - Vũng Tàu, năm 2021

M C L C
Ch ư ng I
I U KHO N CHUNG

i u 1. Gi i thích thu t ng

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i đi n và th i h n ho t ng c a Công ty

i u 3. Ng i i đi n theo pháp lu t c a Công ty

i u 4. T ch c chính tr - xã h i.

Ch ư ng II
M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 5. M c tiêu ho t ng c a Công ty

i u 6. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty

Ch ư ng III
V N I UL - C PH N - C PHI U

i u 7. V n i ul

i u 8. C ph n

i u 9. Ch ư ng nh n c phi u

i u 10. Ch ư ng ch ch ư ng khoán khác

i u 11. Chuy n nh ng c ph n

i u 12. Thu h i c ph n

Ch ư ng IV
C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 13. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát

Ch ư ng V
C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 14. Quy n c a c ông

i u 15. Ngh a v c a c ông

i u 16. i h i ng c ông

i u 17. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

i u 18. i đi n theo y quy n

i u 19. Thay i các quy n

i u 20. Tri ut ph p, ch ư ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

i u 21. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông

i u 22. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i cu ch p i h i ng c ông

i u 23. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

i u 24. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.

i u 25. Biên b nh p i h i ng c ông.

i u 26. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.

Chương VI

HỘI NGŨ QUẢN TRỊ

- i u 27. Thành viên Hội đồng quản trị
- i u 28. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị
- i u 29. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị
- i u 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị
- i u 31. Chức năng Hội đồng quản trị
- i u 32. Cấu trúc của Hội đồng quản trị
- i u 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- i u 34. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty

Chương VII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC

- i u 35. Chức năng và nhiệm vụ
- i u 36. Nghĩa vụ người đi hành doanh nghiệp
- i u 37. Nhiệm vụ, mối quan hệ, nhiệm vụ và quy định của Giám đốc

Chương VIII

BAN KIỂM SOÁT

- i u 38. Thành viên Kiểm soát viên
- i u 39. Nhiệm vụ Kiểm soát viên
- i u 40. Ban kiểm soát

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC

- i u 41. Trách nhiệm của thành viên
- i u 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích
- i u 43. Trách nhiệm về thị trường và bất thành

Chương X

LÀO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

- i u 44. Lao động và công đoàn

Chương XI

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, KIỂM TOÁN

- i u 45. Tài khoản ngân hàng
- i u 46. Nhiệm vụ tài chính
- i u 47. Chế độ kế toán
- i u 48. Phân phối lợi nhuận
- i u 49. Trách nhiệm
- i u 50. Kiểm toán
- i u 51. Quy định về sổ sách và hồ sơ

Ch ng XII

CÁC BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

- i u 52. Báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý
- i u 53. Báo cáo th ng niên
- i u 54. Trình báo cáo h ng n m
- i u 55. Công khai thông tin

Ch ng XIII

COND U, TH I H N HO T NG, TRANH CH P

- i u 56. Con d u
- i u 57. Ch m d t ho t ng
- i u 58. Gia h n ho t ng
- i u 59. Thanh lý
- i u 60. Gi i quy t tranh ch p n i b

Ch ng XIV

B SUNG, S A I I U L , NGÀY HI U L C

- i u 61. S a i i u l
- i u 62. Ngày hi u l c

PHỤ LỤC

Điều 1 của Điều lệ bổ sung lần thứ 3 của Công ty Cổ phần Nhà nước thành phố Bắc Giang được thông qua tại Hội đồng thành viên năm 2021 vào ngày .../.../2021.

Căn cứ pháp lý xây dựng Điều lệ là: Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật kế toán số 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan.

Các phần của Điều lệ này và các văn bản sửa đổi Điều lệ là một phần không thể tách rời của Điều lệ. Điều lệ này và các Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị đã được thông qua một cách hợp pháp phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty.

Chương I

I U KHOẢN CHUNG

i u 1. Gi i thích thu t ng

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng đ i ây c hi u nh sau:

1.1. "V n i u l " là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán ho c ã c ng ký mua khi thành l p doanh nghi p và quy nh t i i u 8 i u l này;

1.2. "Lu t doanh nghi p" là Lu t doanh nghi p s 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 n m 2020;

1.3. "Lu t ch ng khoán" là Lu t ch ng khoán s 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 n m 2019;

1.4. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p l n u;

1.5. "Ng i i u hành doanh nghi p" là Giám c, Phó giám c, K toán tr ng, và ng i i u hành khác theo quy nh c a i u l công ty;

1.6. "Ng i có liên quan" là cá nhân, t ch c c quy nh t i kho n 23 i u 4 Lu t doanh nghi p, kho n 46 i u 4 Lu t ch ng khoán;

C th là cá nhân ho c t ch c có quan h v i nhau trong các tr ng h p sau ây:

a) Doanh nghi p và ng i n i b c a doanh nghi p ó; qu i chúng, công ty u t ch ng khoán i chúng và ng i n i b c a qu i chúng ho c công ty u t ch ng khoán i chúng ó;

b) Doanh nghi p và t ch c, cá nhân s h u trên 10% s c phi u có quy n bi u quy t ho c v n góp c a doanh nghi p ó;

c) T ch c, cá nhân mà trong m i quan h v i t ch c, cá nhân khác tr c ti p, gián ti p ki m soát ho c b ki m soát b i t ch c, cá nhân ó ho c cùng v i t ch c, cá nhân ó ch u chung m t s ki m soát;

d) Cá nhân và b , m , b nuôi, m nuôi, b ch ng, m ch ng, b v , m v , v , ch ng, con , con nuôi, con dâu, con r , anh ru t, ch ru t, em ru t, anh r , em r , ch dâu, em dâu c a cá nhân ó;

) Công ty qu n lý qu u t ch ng khoán và các qu u t ch ng khoán, công ty u t ch ng khoán do công ty qu n lý qu u t ch ng khoán ó qu n lý;

e) Quan h h p ng trong ó m t t ch c, cá nhân là i di n cho t ch c, cá nhân kia;

g) T ch c, cá nhân khác là ng i có liên quan theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

1.7. "C ông l n" là c ông c quy nh t i kho n 18 i u 4 Lu t ch ng khoán: là c ông s h u tr c ti p ho c gián ti p t 5% (n m ph n tr m) tr lên s c phi u có quy n bi u quy t c a t ch c phát hành.

1.8. "Thị trường" là thị trường công cộng quy định từ 2 năm nay và thị trường gia hạn (nếu có) của thị trường công cộng quy định qua bản quy định;

1.9. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

1.10. "Thành viên Hội đồng quản trị không hiệu lực" (sau đây gọi là thành viên không hiệu lực) là thành viên Hội đồng quản trị không phải Giám đốc hiệu lực, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.

1.11. "Thành viên cổ phần Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là thành viên cổ phần) là thành viên quy định tại khoản 2 điều 155 Luật doanh nghiệp. Chức vụ: Thành viên cổ phần Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, từ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, con nuôi, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số phần vốn có quy định của công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được miễn theo khoản 2 điều 155.

2. Trong điều lệ này, các tham chiếu từ hình thức quy định hoặc văn bản khác bao gồm các nội dung sau đây hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu chuẩn (chúng, điều kiện của điều lệ này) được sử dụng nhằm thu thập thông tin chi tiết và không nhằm ngăn cản điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thị trường công cộng của Công ty

1. Tên.

1.1. Tên Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG SỬ DỤNG CHẾ BIẾN GIANG

1.2.. Tên tiếng Việt viết tắt: CÔNG TY CÔNG SỬ DỤNG CHẾ BIẾN GIANG

1.3. Tên Công ty bằng tiếng Anh:

BAC GIANG CLEAN WATER JOINT STOCK COMPANY

2. Hình thức: Công ty là Công ty cổ phần có trách nhiệm pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: (0204) 3.855.757

- Fax: (0204) 3.554.717

- Email: capnuocbg@gmail.com

- Website: bacgiangwsc.com.vn

Vì các điều kiện kinh doanh khác (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại các bàn kinh doanh theo các hình thức mà Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Trường hợp mở đợt tăng vốn theo khoản 2 Điều 55 hoặc gia hạn hạn mức theo Điều 56 Điều lệ này. Thì hạn mức tăng vốn của Công ty bắt đầu tính từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Nguyên tắc điều hành theo pháp luật của Công ty

Nguyên tắc điều hành theo pháp luật của Công ty là Chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

Điều 4. Tổ chức chính trị - xã hội.

1. Tổ chức Chính trị - Xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện cho người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của công ty là:

1.1. Công ty sẽ thành lập và sản xuất kinh doanh

1.2. Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi ích cho các công nhân, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động và đóng góp cho ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành công nghiệp	4663
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn lập dự án, thiết kế, thẩm định và giám sát thi công công trình công nghiệp	7110
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4	Khai thác, x lý và cung c p n c	3600 (Chính)
5	Xây d ng nhà	4101
6	Ki m tra và phân tích k thu t Chi ti t: - Ki m nghi m ch t l ng n c - Ki m nh ngh h o n c l nh	7120
7	L p t h th ng c p, thoát n c, h th ng s i và i u hòa không khí Chi ti t: L p t h th ng c p, thoát n c	4322
8	Xây d ng nhà không	4102
9	Xây d ng công trình c p, thoát n c	4222
10	Xây d ng công trình vi n thông, thông tin liên l c	4223
11	Xây d ng công trình công ích khác	4229
12	Xây d ng công trình th y	4291
13	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4299
14	Phá d	4311
15	Chu n b m t b ng	4312
16	S n xu t u ng không c n, n c khoáng Chi ti t: S n xu t n c khoáng, n c tinh khi t óng chai	1104
17	S n xu t khác ch a c phân vào âu Chi ti t: S n xu t phèn n ph c v cho x lý n c s ch	3290
18	Xây d ng công trình i n	4221
19	Xây d ng công trình ng b	4212

i u 6. Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo ngành ngh c a Công ty ã c công b trên C ng thông tin ng ký doanh nghi p qu c gia và i u l này, phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các ngành, ngh khác c pháp lu t không c m và c i h i ng c ông thông qua.

Ch ng III

V N I U L - C PH N - C PHI U

i u 7. V n i u l

1. Vn i ul c góp b ng ng Vi t Nam (VN), ngo i t ho c b ng hi n v t và c h ch toán theo m t n v th ng nh t là ng Vi t Nam (VN).

Vào ngày thông qua i ul này, Vn i ul c a Công ty là: 181.494.460.000 ng.

(M t tr m tám m i m t t , b n tr m chín m i b n tri u, b n tr m sáu m i nghìn ng ch n)

2. Công ty có th thay i v n i ul khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

3. Không c s d ng v n i ul chia c t c, phân ph i ho c phân tán tài s n cho các c ông d i b t k hình th c nào tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh s a i i ul Công ty, thu h p quy mô s n xu t kinh doanh ho c tr ng h p chia tài s n c a Công ty khi gi i th , phá s n theo quy nh c a pháp lu t.

i u 8. C ph n

1. C ph n: Vn i ul c chia thành nhi u ph n b ng nhau g i là c ph n.

2. Vào ngày thông qua i ul này, v n i ul c a Công ty c chia thành 18.149.446 c ph n. M i c ph n tr giá 10.000VN .

3. Các c ph n c a Công ty vào ngày thông qua i ul này là c ph n ph thông. Các quy n và ngh a v c a c ông n m gi t ng lo i c ph n c quy nh t i i u 14, i u 15 i ul này.

4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

5. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy t nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u tr tr ng h p c ph n c bán qua S giao d ch ch ng khoán theo ph ng th c u giá ho c i h i ng c ông quy t nh khác.

6. Công ty có th mua c ph n do chính Công ty ã phát hành theo nh ng cách th c c quy nh trong i ul này và pháp lu t hi n hành. C ph n do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i Lu t ch ng khoán, v n b n h ng d n liên quan và quy nh c a i u l này.

7. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 9. Ch ng nh n c phi u

1. Công của Công ty sẽ được chấp nhận nếu phiếu hàng hóa và hóa đơn phù hợp.

2. Phiếu là chứng cứ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quy định trong hợp đồng của công ty. Phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua chứng khoán theo quy định tại phương án phát hành của Công ty hoặc Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp ý kiến chuyên gia quy định của pháp luật theo quy định của Công ty, người mua chứng khoán chấp nhận phiếu. Người mua chứng khoán không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận phiếu.

4. Trường hợp chấp nhận phiếu bất hợp pháp hoặc bất hợp pháp, người mua chứng khoán có thể yêu cầu chấp nhận phiếu mới vì lý do kỹ thuật hoặc pháp lý khác và thanh toán mới chi phí liên quan cho Công ty. Công ty sẽ công bố và bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về phiếu bất hợp pháp hoặc bất hợp pháp để hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc chấp nhận phiếu mới.

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty sẽ phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng chứng khoán

1. Tất cả các chứng khoán do chuyển nhượng từ khi Điều 1 này và pháp luật có quy định khác. Phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

2. Chứng khoán chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hàng các quy định liên quan như quy định của pháp luật, quy định của phiếu phát hành chứng khoán và các quy định khác theo quy định của pháp luật.

3. Chứng khoán mua được theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty bất kể chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng phải có sự đồng ý của Hội đồng Quản trị. Chứng khoán mua được theo cam kết làm việc sẽ được chuyển nhượng thành chứng khoán phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

4. Chứng khoán lao động mua được với giá ưu đãi theo niêm yết tại khu vực Nhà máy, nơi lao động phải làm việc và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm mua chứng khoán ưu đãi.

Điều 12. Thu hồi chứng khoán

1. Trường hợp công không thanh toán y và ứng h n s t i n p h i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo ứng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và ứng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.
4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán quy nh t i kho n 3 i u 112 Lu t doanh nghi p. H i ng qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. Công n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán [các kho n t i n có liên quan] và lãi phát sinh theo t l (không quá 12% m t n m), ch u trách nhi m t ng ng v i t ng m nh giá c ph n ã ng ký mua i v i ngh a v tài chính c a Công ty phát sinh, vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.
6. Thông báo thu h i c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

Ch ng IV

C C U T CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 13. C c u t ch c, qu n tr và ki m soát

C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:

1. i h i ng c ông;
2. H i ng qu n tr ;
3. Ban ki m soát;
4. Giám c i u hành.

Ch ng V

C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 14. Quy n c a c ông

1. Công là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. Công ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.
2. Công ph thông có các quy n sau:

- 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định quy tắc tố tụng của hội đồng hoặc thông qua đi đến quyết định hoặc thực hiện biểu quyết;
 - 2.2. Nhận xét và ý kiến theo quy định của hội đồng;
 - 2.3. Tự do chuyển nhượng phần vốn thành toán y theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - 2.4. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán theo quy định pháp luật mà không hạn chế;
 - 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công ty và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.6. Tiếp cận thông tin về danh sách công ty có quyền dự họp hội đồng;
 - 2.7. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và nghị quyết hội đồng;
 - 2.8. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, công nhân viên chức còn lại tiếp tục công việc của Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm nợ công, nợ nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các công nhân viên chức phần khác của Công ty theo quy định pháp luật;
 - 2.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - 2.10. Các lợi ích bình đẳng. Mọi cổ phần cùng một loại có cùng quyền lợi và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải công khai thông qua và công bố rõ ràng cho công ty;
 - 2.11. Tiếp cận đầy đủ thông tin nội bộ và thông tin bất thành do Công ty công bố theo quy định pháp luật;
 - 2.12. Các báo cáo các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; nghị quyết, nghị quyết, quy định của hội đồng, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - 2.13. Các quy định khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Công ty hoặc nhóm công nhân viên chức 5% tổng số phần vốn thông tin trên có các quy định sau:
- 3.1. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc tiếp cận họp hội đồng theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;
 - 3.2. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các công ty có quyền tham dự và biểu quyết tố tụng của hội đồng;

liên hệ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị phần vốn rút và các thị trường.

5. Cung cấp báo cáo chính xác khi ký mua chứng khoán.

6. Bỏ mặt các thông tin của công ty cung cấp theo quy định của công ty và pháp luật; che giấu thông tin của công ty để lừa dối và lợi dụng quy định và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, ghi thông tin của công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để làm hình thức thực hiện một trong các hành vi sau đây:

8.1. Vi phạm pháp luật;

8.2. Tindakan kinh doanh và các giao dịch khác để lợi dụng quyền lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

8.3. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước các rủi ro tài chính liên quan đến Công ty.

Điều 16. Nghĩa vụ công

1. Nghĩa vụ công là quan hệ pháp luật quy định cao nhất của Công ty. Nghĩa vụ công thường niên của tổ chức chứng khoán (01) lần. Nghĩa vụ công phải thực hiện thường niên trong thời hạn 60 (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị thực hiện nghĩa vụ công thường niên và là chủ thể giám sát. Nghĩa vụ công thường niên quy định như sau: theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, công bố thông tin qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản nợ ngoài dự kiến, Công ty phải làm rõ đi kèm các kiểm toán để chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty để thực hiện nghĩa vụ công thường niên và đi kèm các kiểm toán để chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham gia thực hiện nghĩa vụ công thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải thực hiện nghĩa vụ công bắt buộc trong các trường hợp sau:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm để kiểm toán phải ảnh hưởng sâu sắc đến kết quả kinh doanh (1/2) số vốn;

3.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên cấp Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít nhất là thành viên theo quy định của pháp luật hoặc là thành viên Hội đồng quản trị bị giám sát phần ba (1/3) số vốn thành viên quy định của điều lệ này;

3.4. Công hoc nhóm công quy nh t i kho n 3 i u 14 i u l này yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông. Yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông ph i c th hi n b ng v n b n, trong ó nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan ho c v n b n yêu c u c l p thành nhi u b n và t p h p ch ký c a các c ông có liên quan;

3.5. Ban ki m soát yêu c u tri u t p cu c h p n u Ban ki m soát có lý do tin t ng r ng các thành viên H i ng qu n tr ho c ng i i u hành khác vi ph m nghiêm tr ng các ngh a v c a h theo i u 165 Lu t doanh nghi p ho c H i ng qu n tr hành ng ho c có ý nh hành ng ngoài ph m vi quy n h n c a mình;

3.6. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

4.1. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i [30] ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr , thành viên c l p H i ng qu n tr ho c Ki m soát viên còn l i nh quy nh t i i m 3.3 kho n 3 i u này ho c nh n c yêu c u quy nh t i i m 3.4 và i m 3.5 kho n 3 i u này;

4.2. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m 4.1 kho n 4 i u này thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, Ban ki m soát ph i thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 3 i u 140 Lu t doanh nghi p;

4.3. Tr ng h p Ban ki m soát không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i i m 4.2 kho n 4 i u này thì trong th i h n ba m i (30) ngày ti p theo, c ông ho c nhóm c ông có yêu c u quy nh t i i m 3.4 kho n 3 i u này có quy n thay th H i ng qu n tr , Ban ki m soát tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i kho n 4 i u 140 Lu t doanh nghi p.

Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có th ngh C quan ng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri u t p, ti n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông. T t c chi phí cho vi c tri u t p và ti n hành h p i h i ng c ông c Công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d cu c h p i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

i u 17. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua các v n sau:

1.1. Báo cáo tài chính n m ã c ki m toán;

1.2. Báo cáo c a H i ng qu n tr ;

1.3. Báo cáo c a Ban ki m soát;

1.4. K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh v các v n sau:

- 2.1. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - 2.2. Mục đích thanh toán hàng năm cho mọi loại phí phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quy định liên quan về loại phí đó. Mục đích này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các công ty chủ tịch hội đồng;
 - 2.3. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Lịch trình công ty kế toán công lập; quy trình công ty kế toán công lập thu nhận hồ sơ kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét duyệt thi đấu;
 - 2.5. Bổ nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 2.6. Thông tin thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị;
 - 2.7. Bổ sung và sửa đổi nội dung công ty;
 - 2.8. Loại phí và số lượng phí mà công ty phát hành về mọi loại phí;
 - 2.9. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;
 - 2.10. Thành lập và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng thành lý;
 - 1.11. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và công đồng;
 - 2.12. Quy trình giao dịch mua/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty công ghi trong báo cáo tài chính kế hoạch năm đã công bố kế toán;
 - 2.13. Quy trình mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của công ty;
 - 2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với nhà cung cấp quy định tại khoản 1 điều 167 Luật doanh nghiệp về giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty công ghi trong báo cáo tài chính kế hoạch năm;
 - 2.15. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - 2.16. Phê duyệt Quy định nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - 2.17. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và nội dung này.
3. Hội đồng công bố thu nhập, giao dịch cá nhân sau đây:
- a) Hợp đồng, giao dịch khác với nhà cung cấp có liên quan theo quy định tại Khoản 1 điều 167 Luật Doanh nghiệp, ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 điều 167 Luật DN;
 - b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính kế hoạch năm của công ty và c

ông sở hữu 51% tổng số phần có quyền biểu quyết trên hoc ông có liên quan cá nhân ông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 3 điều này, người đi đến công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên viết công văn có liên quan về việc hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoc gửi trình văn nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp hội đồng hoc lý do ký kết công văn bản. Trường hợp này, công văn có lợi ích liên quan của các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định khoản 1 và khoản 4 điều 148 của Luật doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bất vô hiệu theo quy định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi các ký kết không đúng với quy định điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị hoc Giám đốc hoc Tổng giám đốc có liên quan phải liên hệ báo thi thể phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi tức thực tế hình thành hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Công đồng không được tham gia biểu quyết trong các trường hợp sau đây:

7.1. Thông qua các hợp đồng quy định khoản 2,3,4 điều này khi công đồng hoc ông có liên quan cá nhân ông đó là một bên của hợp đồng;

7.2. Việc mua lại cổ phần cá nhân ông đó hoc của ông có liên quan cá nhân ông đó trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

8. Tất cả các nghị quyết và các văn bản của vào chương trình họp phải công bố ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp hội đồng.

điều 18. quyền đi theo quy định.

1. Các công đồng có quyền tham dự cuộc họp hội đồng theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đi đến tham dự. Trường hợp có nhu cầu nhận mặt người đi theo quy định thì phải xác nhận thực số phần và số phiếu biểu quyết quyền cho mình người đi đến.

2. Việc ủy quyền cho người đi đến dự họp hội đồng phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp công đồng cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký cá nhân công đồng đó và cá nhân, người đi đến theo pháp luật của tổ chức ủy quyền dự họp;

2.2. Trường hợp công ty chỉ là người quy định thì quy định phải có chữ ký của người đi định theo quy định, người đi định theo pháp luật của công ty và cá nhân, người đi định theo pháp luật của thành phố quy định;

2.3. Trong trường hợp khác thì quy định phải có chữ ký của người đi định theo pháp luật của công ty và người quy định.

Người quy định phải ghi công ty mình vào sổ quy định khi ký định trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển nhượng người đi định, việc chuyển nhượng người đi định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chuyển nhượng người đi định đó được xử lý cùng với giấy quy định cho luật sư (nếu trường hợp của công ty).

4. Trường hợp quy định nội dung 3 của điều này, phụ thuộc quy định của người quy định trong phạm vi người quy định có hiệu lực khi xảy ra mặt trong các trường hợp sau đây:

4.1. Người quy định đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

4.2. Người quy định đã chết hoặc người quy định;

4.3. Người quy định đã chết hoặc tạm quy định của người thành viên người quy định.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sự kiện trên trước khi khai mạc cuộc họp hội đồng hoặc trước khi cuộc họp kết thúc.

Điều 19. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định của bộ nội quy của công ty phải được thông qua của hội đồng quản trị khi được công nhận bởi ít nhất 65% thành viên tham dự họp thông qua. Nghị quyết hội đồng quản trị nội dung làm thay đổi nội quy và nghĩa vụ của công ty thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị được thông qua của hội đồng quản trị phải được thông qua của hội đồng quản trị với 75% tổng số thành viên hội đồng quản trị lên tán thành hoặc của các công ty thành viên với 75% tổng số thành viên hội đồng quản trị lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các công ty thành viên phải được thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) công ty (hoặc người đại diện người quy định của họ) và năm mươi (50) thành viên của ba (1/3) giá trị danh sách của các thành viên đã phát hành. Trường hợp không có sự đồng ý của hai thành viên nêu trên thì cuộc họp kết thúc ngay lập tức (30) ngày sau đó và những người thành viên của công ty thành viên (không phải thành viên của công ty thành viên) có mặt tại cuộc họp phải thông qua người đại diện người quy định của công ty thành viên để yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của công ty thành viên nêu trên, những người thành viên của công ty thành viên có

m t tr c ti p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 21 và i u 23 i u l này.

3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n vi c phân ph i l i nhu n ho c tài s n c a Công ty không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 20. Tri u t p h p, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông ho c cu c h p i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i m 4.2 ho c i m 4.3 kho n 4 i u 16 i u l này.

2. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i th c hi n các công vi c sau ây:

2.1. Chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i ng c ông. Danh sách c ông có quy n đ h p i h i ng c ông c l p không quá m i (10) ngày tr c ngày g i thông báo m i h p i h i ng c ông;

2.2. Chu n b ch ng trình, n i dung i h i;

2.3. Chu n b tài li u cho i h i;

2.4. Đ th o ngh quy t i h i ng c ông theo n i dung đ ki n c a cu c h p;

2.5. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

2.6. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n đ h p;

2.7. Các công vi c khác ph c v i h i.

3. Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông b ng ph ng th c b o m, ng th i công b trên trang thông tin i n t c a Công ty và y ban ch ng khoán Nhà n c, S giao d ch ch ng khoán. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i g i thông báo m i h p n t t c các c ông trong Danh sách c ông có quy n đ h p ch m nh t hai m i m t (21) ngày tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c ông (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. N i dung thông báo m i h p ph i nêu rõ ng đ n n toàn b tài li u h p các c ông có th ti p c n, bao g m:

3.1. Ch ng trình h p, các tài li u s đ ng trong cu c h p;

3.2. Danh sách và thông tin chi ti t c a các ng viên trong tr ng h p b u thành viên H i ng qu n tr , Ki m soát viên;

3.3. Phi u bi u quy t;

3.4. M u ch nh i di n theo y quy n d h p;

3.5. D th o ngh quy t i v i t ng v n trong ch ng tr ình h p.

4. C òng ho c nhóm c òng theo quy nh t i kho n 3 i u 14 i u l này có quy n ki n ngh v n a vào ch ng tr ình h p i h i ng c òng. Ki n ngh ph i b ng v n b n và ph i c g i n Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c òng. Ki n ngh ph i bao g m h và tên c òng, a ch th ng trú, qu c t ch, s Th c n c c công dân, Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c òng là cá nhân; tên, mã s doanh nghi p ho c s quy t nh thành l p, a ch tr s chính i v i c òng là t ch c; s l ng và lo i c ph n c òng ó n m gi , và n i dung ki n ngh a vào ch ng tr ình h p.

5. Tr ng h p ng i tri u t p h p i h i ng c òng t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này thì ch m nh t là 02 ngày làm vi c tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c òng ph i tr l i b ng v n b n và nêu rõ lý do. Ng i tri u t p h p i h i ng c òng có quy n t ch i ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

5.1. Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

5.2. Vào th i i m ki n ngh , c òng ho c nhóm c òng không n m gi t 5% c ph n ph thông tr lên theo quy nh t i kho n 3 i u 14 i u l này;

5.3. V n ki n ngh không thu c ph m vi th m quy n quy t nh c a i h i ng c òng;

5.4. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c òng ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 4 i u này vào d ki n ch ng tr ình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 5 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng tr ình và n i dung cu c h p nêu c i h i ng c òng ch p thu n.

i u 21. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c òng

1. Cu c h p i h i ng c òng c ti n hành khi có s c òng d h p i di n cho trên 50% t ng s phi u bi u quy t.

2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m xác nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y cu c h p. Cu c h p i h i ng c òng ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i (30) ngày k t ngày d nh t ch c h p i h i ng c òng l n th nh t. Cu c h p i h i ng c òng tri u t p l n th hai ch c ti n hành khi có s c òng d h p i di n ít nh t 33% t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i (30) phút k t th i i m n nh khai m c i h i,

cu c h p i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i (20) ngày k t ngày d nh ti n hành i h i l n hai. Trong tr ng h p này, i h i c ti n hành không ph thu c vào t ng s phi u có quy n bi u quy t c a các c ông đ h p, c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu nt i cu c h p i h i ng c ông l n th nh t.

i u 22. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông

1. Tr c khi khai m c cu c h p, Công ty ph i ti n hành th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.
2. Khi ti n hành ng ký c ông, Công ty c p cho t ng c ông ho c i di n c y quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c y quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i, b phi u tr ng ho c không h p l theo t ng v n c Ch t a thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch t a. S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch t a cu c h p.
3. C ông ho c i di n c y quy n n sau khi cu c h p ã khai m c có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t t i i h i ngay sau khi ng ký. Ch t a không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a nh ng n i dung ã c bi u quy t tr c ó không thay i.
4. Vi c b u ch t a, th ký và ban ki m phi u c quy nh nh sau:
 - a) Ch t ch H i ng qu n tr làm ch t a các cu c h p do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên H i ng qu n tr còn l i b u m t ng i trong s h làm ch t a cu c h p theo nguyên t c a s . Tr ng h p không b u c ng i làm ch t a, Tr ng Ban ki m soát i u khi n i h i ng c ông b u ch t a cu c h p trong s nh ng ng i đ h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p.
 - b) Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n cu c h p i h i ng c ông b u ch t a cu c h p và ng i có s phi u b u cao nh t c c làm ch t a cu c h p.
 - c) Ch t a c m t ho c m t s ng i làm th ký cu c h p;
 - d) i h i ng c ông b u m t ho c m t s ng i vào ban ki m phi u theo ngh c a ch t a cu c h p.

5. Chương trình và nội dung cụ thể phải chi tiết về nội dung thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian diễn ra trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tịch hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết trước khi diễn ra cuộc họp hội đồng quản trị, có thể là, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh các mong muốn của các thành viên tham dự.

a) Bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên hội đồng;

b) Bảo đảm an toàn cho những người có mặt tại các cuộc họp;

c) Tổ chức cho các thành viên tham dự (hoặc tất cả các thành viên) hội họp. Người điều hành họp hội đồng có toàn quyền thay thế những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức khác.

7. Chủ tịch hội có thể hoãn hội họp khi có sự bất đồng về yêu cầu của hội đồng quản trị hoặc có sự bất đồng về nội dung họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 điều 146 Luật doanh nghiệp.

8. Người điều hành họp hội đồng có quyền yêu cầu các thành viên đi đến các quy định tham dự họp hội đồng của các thành viên kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có các thành viên đi đến các quy định không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người điều hành họp hội đồng sau khi xem xét mặt cách cần thiết có quyền đình chỉ hoặc trục xuất các thành viên đi đến nêu trên khỏi hội họp.

9. Các thành viên của hội đồng đi đến họp sau khi cuộc họp đã khai mạc và diễn ra ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi diễn ra ký; trong trường hợp này, hiện lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 23. Thông qua Nghị quyết của hội đồng

1. Trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 điều này, các Nghị quyết của hội đồng và các văn bản sau đây sẽ được thông qua khi các thành viên hiện diện trên 50% tổng số thành viên biểu quyết tại các thành viên đã tán thành.

2. Ủy ban thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải tiến hành theo quy định tại khoản 3 điều 148 Luật doanh nghiệp (các phép biểu quyết).

3. Các quyết định của hội đồng liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; lợi ích của thành viên và số lượng thành viên chào bán, việc thành lập hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thành viên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính hàng năm của kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số thành viên biểu quyết các thành viên có quyền biểu quyết có mặt tại họp hoặc thông qua việc đi đến các quy định có mặt tại cuộc họp hội đồng.

c ông.

4. Các nghị quyết i h i ng c ông c thông qua bằng 100% tổng số phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay c khi trình t và th t c thông qua nghị quyết ó không c th c hi n úng nh quy nh.

Đ i u 24. Thẩm quyền và thủ tục l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quyết nh c a i h i ng c ông

Thẩm quyền và thủ tục l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quyết nh c a i h i ng c ông c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. Hội đồng quản trị có quyền l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quyết nh c a i h i ng c ông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích c a Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự luật y ý ki n, đ t o ngh quyết i h i ng c ông và các tài liệu ghi i trình đ t o ngh quyết. Hội đồng quản trị phải m b o g i, công bố tài liệu cho các c ông trong m t th i gian hợp lý xem xét biểu quyết và phải g i ít nhất m i l m (15) ngày tr c ngày h t h n nh n dự luật y ý ki n. Yêu c u và cách thức g i dự luật y ý ki n và tài liệu kèm theo c th c hi n theo quy nh t i khoản 3 đ i u 20 đ i u l này.
3. Dự luật y ý ki n phải có các nội dung ch y u sau ây:
 - 3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 3.2. Mục đích dự luật y ý ki n;
 - 3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết nh thành lập, địa chỉ trụ sở chính c a c ông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác c a i đi n theo y quy n c a c ông là tổ chức; số lượng thành viên c a t ng lo i và số biểu quyết c a c ông;
 - 3.4. Văn bản dự luật y ý ki n thông qua quyết nh;
 - 3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến i v i t ng v n l y ý ki n;
 - 3.6. Thời hạn phải g i v Công ty dự luật y ý ki n ã c tr l i;
 - 3.7. Họ, tên, chức vụ c a Chủ tịch Hội đồng quản trị và người i đi n theo pháp luật c a Công ty.
4. Dự luật y ý ki n ã c tr l i phải có chữ ký c a c ông là cá nhân, hoặc người i đi n theo pháp luật c a c ông là tổ chức hoặc cá nhân, người i đi n theo pháp luật c a tổ chức c y quy n.
5. Dự luật y ý ki n có thể c g i v Công ty theo các hình thức sau:
 - 5.1. Gửi thư : Dự luật y ý ki n g i v Công ty phải c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n mở tr c khi niêm phong;

5.2. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lý ý kiến gửi Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải có ghi bí mật nội dung nội bộ.

Các phiếu lý ý kiến Công ty nhận được sau khi nhận đã xác minh nội dung phiếu lý ý kiến hoặc đã bám trong trình tự quy định hoặc công bố trên thị trường nội bộ trong trình tự quy định fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lý ý kiến không có ghi vãng công coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu để sơ kết kinh doanh của Ban kiểm soát hoặc các công đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

6.2. Mục đích và các vấn đề cần lý ý kiến thông qua nghị quyết;

6.3. Số công việc nghị quyết biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết thuận lợi và số phiếu biểu quyết không thuận lợi và phương thức ghi phiếu biểu quyết, kèm theo phôi danh sách công đồng tham gia biểu quyết;

6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến về việc vãng công;

6.5. Các vấn đề đã thông qua;

6.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người điều hành theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quyết định đã thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải có ghi nhận các công đồng trong vòng một (1) tháng kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trình tự Công ty có trang thông tin điện tử, vì có ghi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai (2) tháng kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lý ý kiến đã có trữ lệ, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã thông qua và tài liệu có liên quan ghi kèm theo phiếu lý ý kiến nộp lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết đã thông qua theo hình thức lý ý kiến công bố bằng văn bản phải có số công đồng thuận trên 50% tổng số phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị nghị quyết đã thông qua tại cuộc họp hội đồng.

Điều 25. Biên bản họp hội đồng.

1. Cuộc họp hội đồng phải có ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp phải có lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

1.2. Thời gian và địa điểm họp hội đồng;

1.3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

1.4. Hội, tên chủ tọa và thư ký;

Trình họp chủ tọa, thư ký tổ chức ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu có tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ vị chủ tọa, thư ký tổ chức ký biên bản họp.

1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp hội đồng và từng vấn đề trong chương trình họp;

1.6. Số công và tổng số phiếu bầu quy tắc các công đồng dự họp, phần danh sách ký công, địa điểm công đồng dự họp và số phiếu bầu từng người;

1.7. Tổng số phiếu bầu quy tắc và từng vấn đề bầu quy tắc, trong đó ghi rõ phần tổng số phiếu bầu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tất cả từng người trên tổng số phiếu bầu quy tắc các công đồng dự họp;

1.8. Các vấn đề thảo luận thông qua và tất cả phiếu bầu quy tắc thông qua từng người;

1.9. Chủ ký các chủ tọa và thư ký.

Biên bản của lập ban giám đốc Việt và giám đốc Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trình họp có sự khác nhau về nội dung biên bản giám đốc Việt và giám đốc Anh thì nội dung trong biên bản giám đốc Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp hội đồng công phi của lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp hội đồng công phi của công bố trên trang thông tin internet của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các công đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp hội đồng công phi của coi là bản chính xác thực và nội dung công việc đã tiến hành tại cuộc họp hội đồng công phi khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.

5. Biên bản họp hội đồng công phi của, phần danh sách công đồng ký dự họp kèm chủ ký các công đồng, văn bản quy định tham dự họp và tài liệu có liên quan phải gửi kèm theo hồ sơ chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hợp quy định của hội đồng công đồng

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp hội đồng công đồng hoặc biên bản kết quả kiểm tra phiếu lý lịch cá nhân công đồng và văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 3 điều 14 điều này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc

Trình tài xem xét, hủy bỏ quy định của Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lý do hủy bỏ và ra quyết định của Hội đồng không phù hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều này.

Trường hợp quy định của Hội đồng hủy bỏ theo quy định của Tòa án hoặc Trình tài, nghị triệu tập họp của Hội đồng hủy bỏ có thể xem xét thực hiện khiếu nại Hội đồng trong vòng mười (10) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều này.

Chương VI **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp xác định các thành viên, thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị đưa vào tài liệu họp của Hội đồng và công bố thì tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp của Hội đồng trên trang thông tin internet của Công ty. Công ty có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi bầu. Thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân công bố và phải cam kết thể hiện nhiệm vụ một cách trung thực và trung thành làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị công bố bao gồm các nội dung thì u sau đây:

1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

1.2. Trình độ học vấn;

1.3. Trình độ chuyên môn;

1.4. Quá trình công tác;

1.5. Các công ty mà thành viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

1.6. Báo cáo đánh giá đóng góp của thành viên cho Công ty, trong trường hợp thành viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

1.7. Các lợi ích có liên quan đến Công ty (nếu có);

1.8. Họ, tên của công đồng hoặc nhóm công đồng của thành viên đó (nếu có);

1.9. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các công đồng nắm giữ chức vụ thông có quy định pháp quy định của thành viên Hội đồng quản trị.

Công đồng hoặc nhóm công đồng nắm giữ từ 10% đến 20% cổ phiếu của công đồng (01) thành viên; từ 20% đến 30% cổ phiếu của công đồng hai (02) thành viên; từ

30% n d i 40% c c t i a b a (03) ng viên; t 40% n d i 50% c c t i a b n (04) ng viên; t 50% n d i 65% c c t i a n m (05) ng viên; t 65% tr lên c c t i a s ng viên.

3. Tr ng h p s l ng ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy ch n i b v qu n tr công ty. Th t c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u ng viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t i n hành c theo quy nh pháp lu t.

i u 28. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr là n m (05) ng i. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . Tr ng h p t t c thành viên H i ng qu n tr cùng k t thúc nhi m k thì các thành viên ó t i p t c là thành viên H i ng qu n tr cho n khi có thành viên m i c b u thay th và t i p qu n công vi c.

2. C c u thành viên H i ng qu n tr nh sau:

T ng s thành viên H i ng qu n tr không i u hành ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr .

3. Thành viên H i ng qu n tr không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

3.1. Không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

3.2. Có n t ch c;

3.3. B r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

3.4. Không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr trong vòng sáu (06) tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;

3.5. Theo quy t nh c a i h i ng c ông;

3.6. Cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng viên H i ng qu n tr ;

3.7. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

4. Vi c b nhi m thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

5. Thành viên H i ng qu n tr có th không ph i là c ông c a Công ty.

i u 29. Quy n h n và ngh a v c a H i ng qu n tr

1. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o c a H i ng qu n tr . H i ng qu n tr là c quan có y quy n h n ông.

2. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l th c hi n các quy n và ngh a v c a Công ty không thu c th m quy n c a i h i ng c ông công ty và i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và ngh a v sau:

2.1. Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh hàng n m c a Công ty;

2.2. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;

2.3. B nhi m và mi n nhi m, ký h p ng, ch m d th p ng i v i Giám c , ng i i u hành khác và quy t nh m c l ng c a h ;

2.4. Giám sát, ch o Giám c và ng i i u hành khác;

2.5. Gi i quy t các khi u n i c a Công ty i v i ng i i u hành doanh nghi p c ng nh quy t nh l a ch n i di n c a Công ty gi i quy t các v n liên quan t i các th t c pháp lý i v i ng i i u hành ó;

2.6. Quy t nh c c u t ch c c a Công ty, vi c thành l p công ty con, l p chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;

2.7. xu t vi c t ch c l i ho c gi i th Công ty;

2.8. Quy t nh quy ch n i b v qu n tr công ty sau khi c i h i ng c ông ch p thu n thông qua hi u qu b o v c ông ;

2.9. Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua quy t nh;

2.10. xu t m c c t c hàng n m; quy t nh th i h n và th t c tr c t c;

2.11. xu t các lo i c ph n phát hành và t ng s c ph n phát hành theo t ng lo i;

2.12. xu t vi c phát hành trái phi u chuy n i và trái phi u kèm ch ng quy n;

2.13. Quy t nh giá chào bán c phi u, trái phi u trong tr ng h p c i h i ng c ông y quy n;

2.14. Trình báo cáo tài chính n m ã c ki m toán, báo cáo qu n tr công ty lên i h i ng c ông;

2.15. Báo cáo i h i ng c ông vi c H i ng qu n tr b nhi m Giám c;

2.16 Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr , Quy ch n i b v qu n tr công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; quy t nh ban hành Quy ch ho t ng c a y ban ki m toán tr c thu c H i ng qu n tr , Quy ch v công b thông tin c a công ty;

2.17 Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l công ty.

3. Nh ng v n sau ây ph i c H i ng qu n tr phê chu n:

- 3.1. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - 3.2. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - 3.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 điều 143 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 138 và khoản 1, khoản 3 điều 167 Luật doanh nghiệp phi do lợi ích công cộng, Hội đồng quản trị quyết định việc thanh toán, sai và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - 3.4. Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty dự định là đại diện thống nhất và Luật sư của Công ty;
 - 3.5. Việc vay nợ và việc thanh toán các khoản thuế, bảo hiểm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - 3.6. Việc mua hoặc bán chứng khoán, phần vốn góp từ các công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - 3.7. Việc nhả giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong phát hành chứng phi ưu hoặc trái phi ưu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 3.8. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số chứng khoán của công ty chào bán trong mỗi hai (12) tháng;
 - 3.9. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi chứng khoán của Công ty;
 - 3.10. Các văn kiện kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị nhận phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo lợi ích công cộng cho Hội đồng quản trị, các thành viên giám sát của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trường hợp pháp luật và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể quy định cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do lợi ích công cộng quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua chứng khoán và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải ghi rõ thành mức riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được coi là thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thành viên công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nhân viên ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm thù lao đãi ngộ một khoản tiền công trả gộp theo tháng, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc đãi ngộ hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí lãi, nợ, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chế độ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị phụ là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

2. Chế độ của Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, tri thức và chi phí của cuộc họp Hội đồng quản trị; chi phí của cuộc họp hội đồng quản trị có các quy định và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chế độ của Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cuộc họp hội đồng quản trị.

4. Chế độ của Hội đồng quản trị có thể bãi miễn theo quy định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chế độ của Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bổ sung thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Trường hợp Chế độ của Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải quy định bổ nhiệm cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chế độ của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau. Trường hợp không có người quy định hoặc Chế độ của Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, vắng mặt hành hình phạt, vắng mặt hành biện pháp xử lý hành chính tức thì, cai nghiện bắt buộc, cấm giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm cho hành vi, bị Tòa án cấm nhiệm vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bổ nhiệm trong số các thành viên giám đốc Chế độ của Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quy định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị của Công ty thì Chế độ của Hội đồng quản trị sẽ chủ trì trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ trước.

Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n m t (01) ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr nh k và b t th ng, l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m [(05) ngày làm vi c] tr c ngày h p. Ch t ch có th tri u t p h p khi xét th y c n thi t, nh ng m i quý ph i h p ít nh t m t (01) l n.

3. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n nêu rõ m c ích cu c h p, v n c n th o lu n:

3.1. Ban ki m soát;

3.2. Giám c ho c ít nh t n m (05) ng i i u hành khác;

3.3. Thành viên c l p H i ng qu n tr ;

3.4. Ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;

3.5. Các tr ng h p khác (n u có).

4. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày nh n c ngh nêu t i kho n 3 i u này. Tr ng h p không tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; nh ng ng i ngh t ch c h p c nêu t i kho n 3 i u 32 có quy n tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Tr ng h p có yêu c u c a công ty ki m toán c l p th c hi n ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

6. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành t i tr s chính c a Công ty ho c t i a i m khác Vi t Nam theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

7. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i cho các thành viên H i ng qu n tr và các Ki m soát viên ít nh t [n m (05)] ngày làm vi c tr c ngày h p. Thành viên H i ng qu n tr có th t ch i thông báo m i h p b ng v n b n, vi c t ch i này có th c thay i ho c h y b b ng v n b n c a thành viên H i ng qu n tr ó. Thông báo h p H i ng qu n tr ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y th i gian, a i m h p, ch ng trình, n i dung các v n th o lu n, kèm theo tài li u c n thi t v nh ng v n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.

Thông báo m i h p c g i b ng th , fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr và các Ki m soát viên c ng ký t i Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị có tối thiểu hành khi có ít nhất ba phần trăm (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đi diện (người ủy quyền) nếu các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không có thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải có sự triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai có tối thiểu hành nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức họp trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng ý bằng văn bản khác nhau và nếu không thì là thành viên tham gia họp có thể:

9.1. Nghe tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

9.2. Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp. Văn bản cuộc họp tổ chức theo quy định này là văn bản mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là văn bản có mặt Chủ tịch cuộc họp.

Các quy định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại tổ chức và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp bằng việc ký tên bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết trong cuộc họp thông qua thư, fax, điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết trong cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ có giá trị nếu được ký tên của tất cả các thành viên dự họp.

11. Biểu quyết

11.1. Trường hợp quy định tại điều 11.2 khoản 11 của Điều 32 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người ủy quyền theo quy định tại khoản 8 của Điều lệ này trực tiếp có mặt và tất cả các cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu biểu quyết;

11.2. Thành viên Hội đồng quản trị không có phiếu biểu quyết và các phương pháp, các giao dịch hoặc xử lý mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tổng số thành viên tại buổi họp có mặt có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

11.3. Theo quy định tại Điều 11.4 khoản 11 điều 32, khi có vấn đề phát sinh thì cơ chế phối hợp liên quan đến lợi ích hoặc quyền bị quy tắc của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không đồng ý với quy tắc, phán quyết của chủ tịch là quy định cụ thể cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố;

11.4. Thành viên Hội đồng quản trị không làm việc tại Công ty quy định tại Điều 5.1 và Điều 5.2 khoản 5 điều 42 điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng;

11.5. Kiểm soát viên có quyền đặc biệt của Hội đồng quản trị, có quyền thoả luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp không làm việc tại Công ty hoặc giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này thì cơ chế ưu tiên của Hội đồng quản trị và việc ký kết hợp đồng giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không bất bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan thì cơ chế ưu tiên của Hội đồng quản trị thực hiện sau khi thành viên này bất bản thân mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quy định và ra nghị quyết trên cơ sở của thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở lấy kiến tán thành của các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cơ chế.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám biên bản họp Hội đồng quản trị các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã tiến hành trong cơ chế phối hợp khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày ghi. Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tịch và người ghi biên bản.

Điều 33. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn ban chấp hành trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, marketing, kế toán tài chính. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên của lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không được hành vi chiếm đoạt trong tiêu chuẩn và mặt trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu chuẩn phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn có hiệu lực

khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l công ty.

i u 34. Ng i ph trách qu n tr công ty

1. H i ng qu n tr ch nh ít nh t m t (01) ng i làm Ng i ph trách qu n tr công ty h tr ho t ng qu n tr công ty c ti n hành m t cách có hi u qu . Nhi m k c a Ng i ph trách qu n tr công ty do H i ng qu n tr quy t nh, t i a là n m (05) n m.

2. Ng i ph trách qu n tr công ty ph i áp ng các tiêu chu n sau:

2.1. Có hi u bi t v pháp lu t;

2.2. Không c ng th i làm vi c cho công ty ki m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty;

2.3. Các tiêu chu n khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và quy t nh c a H i ng qu n tr .

3. H i ng qu n tr có th bãi nhi m Ng i ph trách qu n tr công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr có th b nhi m Tr lý Ng i ph trách qu n tr công ty tùy t ng th i i m.

4. Ng i ph trách qu n tr công ty có các quy n và ngh a v sau:

4.1. T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;

4.2. Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr , Ban ki m soát và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát;

4.3. T v n v th t c c a các cu c h p;

4.4. Tham d các cu c h p;

4.5. T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

4.6. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a H i ng qu n tr và Ki m soát viên;

4.7. Giám sát và báo cáo H i ng qu n tr v ho t ng công b thông tin c a công ty.

4.8. B o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;

4.9. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.

Ch ng VII GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

i u 35. T ch c b máy qu n lý

Hình thức quản lý của Công ty phải đảm bảo máy quản lý chịu trách nhiệm trực tiếp về công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 36. Nghĩa vụ hành doanh nghiệp

1. Theo nghị quyết của Giám đốc và các sắc lệnh của Hội đồng quản trị, Công ty thực hiện tuyển dụng nghĩa vụ hành khác về số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với công việc và quy định quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Nghĩa vụ hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo chất lượng Công ty thực hiện các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tài chính.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động về việc Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng về việc nghĩa vụ hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tài chính hàng năm, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo tài chính năm của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hoãn lại các quy định về hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc diện quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp

b) Không là Người có quan hệ gia đình của các diện sau:

+ Người quản lý doanh nghiệp

+ Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ

+ Người đi nhận tiền vay nhà nước

+ Người đi nhận tiền vay của doanh nghiệp từ công ty và công ty mẹ ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

3.1. Thể hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Công ty của Hội đồng quản trị và chỉ huy công việc thông qua;

50% n d i 65% c c t i a ba (03) ng viên; t 65% tr lên c c t i a s ng viên.

2. Tr ng h p s l ng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c không s l ng c n thi t, Ban ki m soát ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo c ch quy nh t i i u l công ty và Quy ch n i b v qu n tr công ty. C ch Ban ki m soát ng nhi m c ng viên Ban ki m soát ph i c công b r r ràng và ph i c i h i ng c ô ng thông qua tr c khi t i n hành c .

i u 39. Ki m soát viên

1. S l ng Ki m soát viên c a Công ty là ba (03) ng i. Nhi m k c a Ki m soát viên không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .

2. Ki m soát viên ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1 i u 169 Lu t doanh nghi p, i u l công ty; Ki m soát viên ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ây:

a) Không thu c i t ng theo quy nh t i kho n 2 i u 17 c a Lu t doanh nghi p;

b) c ào t o m t trong các chuyên ngành v kinh t , tài chính, k toán, ki m toán, lu t, qu n tr kinh doanh ho c chuyên ngành phù h p v i ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p;

c) Không ph i là ng i có quan h gia ình c a thành viên H i ng qu n tr , Giám c và ng i qu n lý khác;

d) Không làm vi c trong b ph n k toán, tài chính c a Công ty;

e) Không là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a công ty trong 03 n m li n tr c ó.

3. Các Ki m soát viên b u m t (01) ng i trong s h làm Tr ng ban theo nguyên t c a s . Tr ng Ban ki m soát ph i có b ng t t nghi p i h c tr lên thu c m t trong các chuyên ngành kinh t , tài chính, k toán, ki m toán, lu t, qu n tr kinh doanh ho c chuyên ngành có liên quan n ho t ng kinh doanh c a doanh nghi p. Tr ng ban ki m soát có các quy n và trách nhi m sau:

3.1. Tri u t p cu c h p Ban ki m soát;

3.2. Yêu c u H i ng qu n tr , Giám c và ng i i u hành khác cung c p các thông tin liên quan báo cáo Ban ki m soát;

3.3. L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr trình i h i ng c ô ng.

4. Ki m soát viên b m i n nhi m trong các tr ng h p sau:

- 4.1. Không còn tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - 4.2. Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 4.3. Có nợ thuế và cách phạt thuế;
 - 4.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.
5. Kế toán viên bắt buộc phải nằm trong các trường hợp sau:
- 5.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 5.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm điều lệ nghĩa vụ của Kế toán viên quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty;
 - 5.3. Theo quy định của pháp luật;
 - 5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ này.

Điều 40. Ban kế toán

1. Ban kế toán có các quy định và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:
 - 1.1. Xuất và kiểm tra nghiệp vụ kế toán công khai, phê duyệt chứng từ kế toán của các bộ phận kế toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - 1.2. Chịu trách nhiệm trực tiếp công việc kiểm tra giám sát của mình;
 - 1.3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kế toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và công ty;
 - 1.4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;
 - 1.5. Báo cáo tình hình kế toán theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - 1.6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kế toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
 - 1.7. Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kế toán. Người phụ trách quản trị công ty phải bố trí nhân sự toàn bộ nhân sự sao các nghiệp vụ, biên bản họp của Hội đồng quản trị và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho công ty và thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho các Kế toán viên vào cùng thời điểm và theo phương thức nội vi công ty và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cấu trúc của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần mỗi năm và cấu trúc phải tiến hành khi có tối thiểu phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên đồng ý.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Hội đồng quy định. Kiểm soát viên thực hiện thanh toán các khoản chi phí này, lãi và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cấu trúc của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Chương IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI U HÀNH KHÁC

Điều 41. Trách nhiệm của người quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đi u hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể như người quản lý và cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đi u hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đi u hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; ngược lại không được sử dụng những thông tin có liên quan về Công ty vì lợi ích cá nhân hay phục vụ lợi ích của thực thể hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đi u hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể hình thành thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trường hợp Hội đồng có quy định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đi u hành khác và các cá nhân, thực thể có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trực tiếp công ty liên quan và thực thể có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đi u hành khác và các cá nhân, thực thể có liên quan đến Công ty, đặc biệt, hợp đồng mà thành viên

Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác hoặc những người liên quan nêu trên là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không báo cáo hoặc có liên quan trong các trường hợp sau đây:

5.1. Người đại diện hành có giá trị nhận được hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch của công ty các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác đã báo cáo tài Hội đồng quản trị. Ngoài, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng các phi vụ tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

5.2. Người đại diện hành có giá trị nhận được ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, hoặc giao dịch dựa trên giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch ưu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này của công ty các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác đã công bố cho các công đồng và các nhà đầu tư thông qua báo phi vụ tán thành của các công đồng không có lợi ích liên quan.

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó của công ty các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác đã công bố cho các công đồng của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc người đại diện hành thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác và các thành viên, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm vi phạm và biện pháp

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người đại diện hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và trung thành, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vi phạm nội quy và nội bộ chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty biện pháp cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, kiện (bao gồm các vụ kiện dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người đại diện hành khác, nhân viên hoặc là người đi theo Công ty quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc người đi theo quy định của Công ty với người khởi kiện người đó đã hành động trung thực, trung thành, trung thành vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Giám sát viên, người đại diện khác, nhân viên hoặc là đại diện theo quy định của Công ty của Công ty bị thực hiện khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, khởi kiện (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

3.1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

3.2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bị thực hiện bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tín phí, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc coi là hợp lý khi ghi quy định về việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này tránh những trách nhiệm bị thực hiện nêu trên.

Chương X **LAO ĐỘNG VÀ CÔNG OÀN**

Điều 44. Lao động và công đoàn

1. Giám đốc điều hành hoặc Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, thôi việc, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật về người lao động và người đại diện hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc điều hành hoặc Hội đồng quản trị thông qua các văn bản liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chu kỳ, thông lệ và chính sách quản lý tổ chức, những thông lệ và chính sách quy định về điều này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XI **CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, KẾ M TOÁN**

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sách kế toán trước của các quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tín dụng Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hàng năm.

i u 47. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là Ch K toán Vi t Nam (VAS), ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng n v ti n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v ti n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c ti p.

i u 48. Phân ph i l i nhu n

1. i h i ng c ông quy t nh m c chi tr c t c và hình th c chi tr c t c hàng n m t l i nhu n c gi l i c a Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho kho n ti n tr c t c hay kho n ti n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.
3. H i ng qu n tr có th ki n ngh i h i ng c ông thông qua vi c thanh toán toàn b ho c m t ph n c t c b ng c phi u và H i ng qu n tr là c quan th c thi quy t nh này.
4. Tr ng h p c t c hay nh ng kho n ti n khác liên quan t i m t lo i c phi u c chi tr b ng ti n m t, Công ty ph i chi tr b ng ti n ng Vi t Nam. Vi c chi tr có th th c hi n tr c ti p ho c thông qua các ngân hàng trên c s các thông tin chi ti t v tài kho n ngân hàng do c ông cung c p. Tr ng h p Công ty ã chuy n kho n theo úng các thông tin chi ti t v ngân hàng do c ông cung c p mà c ông ó không nh n c ti n, Công ty không ph i ch u trách nhi m v kho n ti n Công ty ã chuy n cho c ông này. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t/ ng ký giao d ch t i S giao d ch ch ng khoán có th c ti n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm l u ký ch ng khoán Vi t Nam.
5. C n c Lu t doanh nghi p, Lu t ch ng khoán, H i ng qu n tr thông qua ngh quy t xác nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. C n c theo ngày ó, nh ng ng i ng ký v i t cách c ông ho c ng i s h u các ch ng khoán khác c quy n nh n c t c, lãi su t, phân ph i l i nhu n, nh n c phi u, nh n thông báo ho c tài li u khác.
6. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

i u 49. Tr c t c

1. C t c tr cho c ph n ph thông c xác nh c n c vào s l i nhu n ròng ã th c hi n và kho n chi tr c t c c trích t ngu n l i nhu n gi l i c a công ty.

Công ty chấp nhận các khoản chi trả cho công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Theo quy định của Điều lệ Công ty, các thành viên công ty và chi trả trên cơ sở xuất của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể quy định thanh toán các khoản chi trả vì các chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả các khoản chi.

5. Các thành viên có thể chi trả bằng tiền mặt, bằng các phương tiện của công ty hoặc bằng tài sản khác theo Quy định của Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải có thể hiện bằng Ngân hàng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện hoặc thanh toán trực tiếp của Công ty.

Khi trả các khoản chi các dịch vụ tín dụng theo yêu cầu của Công ty mà Công ty không nhận được tín dụng thông tin do Công ty cung cấp, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền đã chuyển.

6. Hội đồng quản trị có thể quy định một ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty một tháng. Căn cứ theo ngày đó, những người có trách nhiệm công nợ nội bộ sẽ xử lý các chi nhánh khác của quy định nội bộ, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận phí, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Công ty nhận nợ, xác định các khoản chi trả, thời hạn và hình thức trả, chứng nhận bằng văn bản ngày trả tiền mặt. Thông báo về trả tiền phải gửi bằng phương thức bưu điện hoặc cách ký tắt của Công ty chứng nhận bằng văn bản ngày trả tiền khi thể hiện trả tiền. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Công ty là cá nhân; tên, địa chỉ của Công ty là tổ chức; số đăng ký kinh doanh của Công ty; mã số thuế và tên số thuế mà Công ty có nhận, thời gian và phương thức trả tiền.

8. Trưởng hợp Công ty chuyển nhượng các phương tiện của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Công ty và thời điểm trả tiền thì người chuyển nhượng là người nhận nợ của Công ty.

Điều 50. Kiểm toán

1. Điều lệ Công ty hàng năm chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và quy định cho Hội đồng quản trị quy định lựa chọn một trong số các tên này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chịu và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên lập thành viên của kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp hội đồng và các quy định của các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp hội đồng mà các công ty quy định và các phát biểu kiến nghị về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 51. Quy định xử lý sách và hồ sơ.

1. Công ty thông có quy định xử lý sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Công ty thông có quy định xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công ty có quy định bị quy t; yêu cầu sai thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép nội dung công ty, biên bản họp hội đồng và nghị quyết hội đồng;

b) Công ty hoặc nhóm công suất 05% tổng số vốn thông tin lên có quy định xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp, giao dịch phi thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đi đến quy định của công ty và nhóm công ty yêu cầu tra cứu sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy quy định của công ty và nhóm công ty mà người đi đến hoặc bản sao công chứng của giấy quy định này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quy định kiểm tra sổ đăng ký công ty của Công ty, danh sách công ty và sổ đăng sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới công ty của mình và điều kiện các thông tin này phải công bố.

4. Công ty phải lưu trữ nội dung này và những bản sao lưu trữ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, nghị quyết hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác việc điều kiện là các công ty và Cơ quan đăng ký kinh doanh công bố thông tin và lưu trữ các tài liệu này.

5. Nội dung công ty phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

Chương XII CÁC BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điểm 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phân tích kế toán theo quy định tại Điều 50 của Luật này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm để kế toán cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật kế toán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phân tích mặt cách trung gian và khách quan tình hình vốn lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phân tích mặt cách trung gian và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng để soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán quy định của Luật Chứng khoán.
4. Các báo cáo tài chính năm để kế toán (bao gồm ý kiến của kế toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng để soát xét và báo cáo tài chính quý phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty, công bố thông tin về Ủy ban Chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm sử dụng quy định kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm để kế toán, báo cáo sáu tháng để soát xét và báo cáo tài chính quý trong giấy làm việc từ cơ quan chính của Công ty và phải trả phí hợp lý cho việc sao chép.

Điểm 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về Chứng khoán và thị trường Chứng khoán.

Điểm 54. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng công bố báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Trong trường hợp công ty có phân mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được kiểm toán trước khi trình Hội đồng công bố xem xét, thông qua.
3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải gửi Ban kiểm soát thẩm định trước mặt mặt là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng công bố thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được gửi tới cơ quan chức năng của công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng quản trị công ty không quy định hình thức khác dài hạn. Công sở hợp pháp của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quy định mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 55. Công khai thông tin

1. Công ty phải ghi báo cáo tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản trị thông qua lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin internet của mình thông tin sau đây:

a) Điều lệ công ty;

b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;

c) Báo cáo tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản trị thông qua;

d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nội dung công ty có trụ sở chính chậm nhất là 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cấp phép và loại cấp phép của công ty là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cấp phép và loại cấp phép của công ty là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số Hộ chiếu, địa chỉ liên lạc người đi đăng ký theo quy định của công ty là tổ chức nước ngoài.

4. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Chương XIII

COND U, TH I H N HO T NG, TRANH CH P

Điều 56. Con d u

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con d u chính thức của Công ty và con d u khác theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sở d n g và quản lý con d u theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 57. Ch m d t ho t ng

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1.1. Kết thúc hình thức của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;

- 1.2. Giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Bộ hồ sơ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 1.4. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc ghi tên Công ty chứng minh (kể cả chứng minh gia hạn) do pháp luật quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định ghi tên này phải được thông báo công khai để chấp thuận bằng văn bản có thẩm quyền (nếu cần) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị quyết định pháp định pháp luật ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động có thể bị yêu cầu vì gia hạn hoạt động của Công ty theo quy định của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động của gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại cuộc họp pháp định pháp luật công đồng thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định ghi tên Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do pháp định pháp luật công đồng chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ công ty kế toán của Công ty. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy định của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia của Công ty. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kết thúc nhiệm vụ, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tài sản của công ty thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 3.1. Các chi phí thanh lý;
 - 3.2. Các khoản nợ, trừ nợ thuế, nợ xã hội và các quy định khác của pháp luật lao động theo thỏa thuận pháp luật và hợp đồng lao động ký kết;
 - 3.3. Thuế;
 - 3.4. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 3.5. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản từ mục 3.1 đến 3.4 trên đây được chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

Điều 60. Giấy quy định tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khi liên quan tới hoạt động của Công ty, quy định và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, thì liên quan công ty, các quy định như sau:

1.1. Công đồng của Công ty;

1.2. Công đồng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người đại diện hành khác;

Các bên liên quan có nghĩa vụ quy định tranh chấp có thông qua thẩm định và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định người quy định tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, một bên nào có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không tuân theo quy định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không có các bên chấp thuận, một bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa tài phán hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên chịu chi phí có liên quan tới thẩm định và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án sẽ thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XIV

B SỬNG, S A I I U L , NGÀY HI U L C

Điều 61. S a i i u l

1. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ này phải được Hội đồng xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác và những điều khoản trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật có hiệu lực tự nhiên sẽ áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 62. Ngày hi u l c

1. Bản điều lệ này gồm 14 chương 62 điều khoản được Hội đồng Công ty Cổ phần Nhà nước của B c Giang nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại Hội trường Nhà văn Liên đoàn lao động B c Giang – số 68 . Lê Hùng Phong, P. X ường Giang, Tp B c Giang và cùng chấp thuận điều lệ toàn văn của điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố ;

- 2.3. Bản (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Mẫu này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục mẫu công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu ba (03) thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH